

ẤN QUANG ĐẠI SƯ
KHAI THỊ TẠI PHÁP HỘI HỘ QUỐC TỨC
TAI
Ở THƯỢNG HẢI

上海護國息法語

印光大師說

(nguyên văn: Thượng Hải Hộ Quốc

Tức Tai Pháp Ngữ)

Chuyển ngữ: Bửu Quang Tự đệ tử Liên Hương

Giảo chánh và nhuận sắc: Tịnh nghiệp hành nhân Minh Tiến & Huệ Trang

DUYÊN KHỞI

Nhân đọc được cuốn sách nhỏ này vào năm 2002, chúng tôi thật cảm kích trước tấm lòng ưu thời mẫn thế từ bi vô lượng của tổ Ấn Quang nên đã gắng gượng chuyển ngữ sang tiếng Việt vào tháng Tư năm 2003, như một món quà nhỏ dành riêng cho liên hữu Vạn Từ, ngõ hầu đáp tạ những khuyến tấn chí tình của anh dành cho mặt nhân trên những bước chập chững “uống mật gấu” bon chen chuyển ngữ những tác phẩm Tịnh Độ vì lòng tham pháp, tiếc pháp.

Nguyên bản mặt nhân sử dụng khi ấy là ấn bản của Hoa Tạng Tịnh Tông Học Hội. Trong tháng Mười năm 2006, qua một lần điện đàm cùng pháp sư Ngô Sanh, sư cô cho biết pháp sư Ngô Hạnh đang giảng tác phẩm này, và sư cô có nhã ý

muốn in bản dịch này thành sách, đồng thời gửi tặng ấn bản mới nhất do Đài Nam Tỉnh Tông Học Hội ấn hành. Nhân đó, mặt nhân so sánh hai ấn bản, nhận thấy tuy hai ấn bản có những chỗ đại đồng tiểu dị, nhưng lời văn trong bản Đài Nam Tỉnh Tông Học Hội gọn gàng hơn, tinh xác hơn, văn phong cũng gần gũi với cách viết trong Ấn Quang Văn Sao hơn, nên mặt nhân đã sửa lại bản dịch cũ cho khớp với bản Đài Nam Tỉnh Tông Học Hội (với hy vọng bản dịch này sẽ là phần tham khảo cho băng giảng của pháp sư Ngô Hạnh); đồng thời sửa lỗi chánh tả, đính chính những sai sót, cũng như “diễn nôm” một số thuật ngữ Hán Việt không thông dụng và thêm một số chú thích (theo lời dạy của pháp sư Ngô Sanh). Một hai đoạn bị lược bỏ trong ấn bản của Đài Nam Tỉnh Tông Học Hội, nhưng theo ngu ý là rất quan trọng thì chúng tôi vẫn giữ nguyên theo ấn bản của Hoa Tạng Tỉnh Tông Học Hội.

Chúng tôi cũng tự tiện đưa thêm vào phần phụ lục bài văn khuyên phóng sanh của đại sư trích từ bộ Ấn Quang Tăng Quảng Chánh Biên Văn Sao nhằm bổ sung ý nghĩa lời giảng của đại sư trong ba ngày đầu tiên của pháp hội. Ngưỡng mong, tập sách dịch vụng về thô thiển này sẽ đem lại đôi chút lợi ích nhỏ nhoi cho những sơ cơ Tịnh nghiệp hành nhân như chúng tôi.

Trân trọng cảm tạ các đạo hữu Minh Tiến và Huệ Trang đã dành nhiều công sức giáo duyệt bản dịch này. Nếu việc làm tùy tiện, táo toan này có chút phần công đức nào, đều xin hồi hướng về lịch đại phụ mẫu sư trưởng, hiện tiền phụ mẫu sư trưởng, cừu gia oán đối và các liên hữu cùng pháp giới chúng sanh đều được hội ngộ nơi cõi Cực Lạc thanh lương.

Ngày mùng Một tháng Mười Một năm 2006,

Bửu Quang Tự đệ tử Liên Hương kính ghi

LỜI TỰA TỰ ĐỀ

Ấn Quang tôi là một ông Tăng phạm tục ở Tây Tàn[1] chỉ biết đến cơm cháo, trăm sự không làm được điều gì; túc nghiệp sâu nặng đến nỗi trời phải quả trách. Mới sanh được sáu tháng đã mắc bệnh mắt, trong suốt một trăm tám mươi ngày không mở nổi mắt. Ngoại trừ lúc ăn, ngủ ra, thường khóc suốt ngày đêm. Nhờ thiện lực xưa, may còn được thấy ánh mặt trời, cũng may mắn lắm!

Đến tuổi thiếu niên[2] đọc sách, lại bị hãm vào vực xoáy bóng Phật của Trình, Chu, Âu, Hàn[3]. Từ đấy, hằng ngày chuyên chí bác Phật, nghiệp tướng lại hiện, bệnh tật triền miên. Tận lực nghĩ ngợi, suy xét cặn kẽ mới biết lỗi đó; năm hai mươi một tuổi, xuất gia làm Tăng. Nhân thấy Tăng chúng có kẻ chẳng như pháp nên phát nguyện chẳng trụ trì chùa miếu, chẳng thọ đồ đệ, chẳng hóa duyên[4], chẳng cùng ai kết xã lập hội. Hơn năm mươi năm chẳng đổi chí ban đầu, sống lẫn quật[5] gần Ngô Môn.

Đầu tháng Chín, Lý Sự Trưởng (hội trưởng) hội Phật Giáo Trung Quốc là pháp sư Viên Anh, các vị lãnh tụ của Bồ Đề Học Hội như cư sĩ Khuất Văn Lục v.v... thấy Quang tuổi cao, ngỡ tôi có chút tâm đắc, nào hay tôi chỉ biết húp cháo nuốt cơm, họ thỉnh tôi khi pháp hội Túc Tai Hộ Quốc khai mạc, sẽ đến đất Hồ[6] diễn thuyết. Có từ chẳng được, chỉ đành đem điều [mình hiểu biết] làm lạc bù đắp sự lầm lạc[7].

Đến kỳ, mỗi ngày ông Đặng Huệ Tải và hai ba vị cư sĩ ở Vô Tích đều dùng máy thu âm [thu lại], nghe băng chép ra, mang đến xin tôi giám định để ấn hành. Bản sao lục này [so với lời giảng] có vài điểm sai khác đôi chút. Nhưng bản sao của ông Đặng chép chữ to, nên tôi dựa theo đó, sửa đổi, tóm tắt lại. Cảo bản[8] này bậc thông huệ chẳng cần xem đến, còn ai ngu độn như Ấn Quang tôi mà lại muốn ngay trong đời này kết liễu đại sự sanh tử và muốn trị tâm, trị thân, trị gia, trị quốc,

nhưng chẳng biết bắt đầu từ đâu, xem đến cáo bản này, họa chẳng có điều bổ ích vậy.

Trọng Đông năm Bính Tý, Dân Quốc 25 (1936), Thích Ấn Quang đề

LỜI TỰA CHO TÁC PHẨM

ẤN QUANG ĐẠI SƯ KHAI THỊ LỤC^[9]

Thế gian biến loạn do đâu? Nói gọn một lời: Do tâm tham - sân - si của chúng sanh tạo nên mà thôi. Tâm tham thuận theo sự hưởng thụ vật chất càng tăng trưởng mãnh liệt, hễ có chút gì chẳng toại ý liền ganh đua ngay. Nếu vẫn chẳng toại ý liền có công kích, chiếm đoạt, đấu đá khiến cho tử vong, tai nạn đi theo. [Bởi đó] dịch lệ đói kém theo đó [xảy ra], hết thấy tai họa theo đó [phát khởi]. Lửa sân hừng hực, cả thế giới cháy sạch thành tro.

Chỉ mình đức Như Lai ta xiển dương sự thật Khổ, Không đề trị lòng tham của chúng sanh, hoằng dương tông chỉ từ bi đề trị lòng sân của chúng sanh. Ngài lại dạy pháp môn Tịnh Độ để chỉ dạy chúng sanh con đường lìa khổ hưởng vui, phương tiện vượt ngang ra khỏi tam giới. Là Phật tử, tin vào thể tánh bình đẳng của pháp giới, hiểu rõ tướng trạng nhân - quả, khổ - vui, biết công dụng tự - tha (ta - người), cảm - ứng, khởi vô duyên đại từ, đồng thể đại bi, ngày nào nỗi khổ của chúng sanh chưa trừ thì ngày đó trách nhiệm của kẻ thất phu chưa tận, nên trong ngày ấy, các sự nghiệp thỉnh pháp, tùy học, sám hối, cúng dường chưa thể ngưng nghỉ được. Tông chỉ kiến lập pháp hội Hộ Quốc Tức Tai của Bồ Đề Học Hội và các hội viên đã giống như thế, mà lão pháp sư Ấn Quang phó hội diễn thuyết cũng do bồn hoài ấy. Đạo lý Hộ Quốc Tức Tai nào phải cầu nơi khác đâu!

Nếu ai nấy chẳng làm các điều ác thì những sự tổn hại chúng sanh đều sẽ chẳng ai làm, tham - sân chẳng đủ để tạo thành tai họa vậy! Ai nấy có thể vâng làm các điều thiện thì hết thấy những việc lợi ích chúng sanh không gì là chẳng làm, quốc gia ắt đạt đến cảnh bình trị vậy! Ai nấy có thể tu hạnh Tịnh Độ thì sẽ tự tịnh ý mình. Một niệm niệm Phật thì một niệm tương ứng với bi tâm của đức Di Đà. Niệm niệm niệm Phật thì niệm niệm tương ứng với bi tâm của đức Di Đà. Tịnh niệm tiếp nối, tham - sân tự trừ. Nếu thật sự được như thế thì Sa Bà chính là Tịnh Độ, còn lo chi cõi nước chẳng yên, tai nạn chẳng dứt nữa ư? Yếu nghĩa trong những lời khai thị nhiều phen của Đại Sư chẳng ngoài điểm này. Nguyên ai đọc đến cuốn Ngũ Lục này sẽ tin nhận, vâng làm theo. Đọc rồi mới biết trong đạo lý Hộ Quốc Tức Tai, hễ buông bỏ pháp môn Tịnh Độ thì còn pháp nào thích hợp nữa!

Mùa Đông năm Bính Tý, Phật Giáo Tịnh Nghiệp Xã kính đề tựa

TRIỆT NGỘ ĐẠI SƯ KHAI THỊ

Một là tin hễ có sanh ắt có tử, khắp cả thiên hạ từ xưa đến nay chưa hề có ai tránh khỏi.

Hai là tin nhân mạng vô thường, hơi thở ra tuy còn, hơi hít vào khó giữ, một hơi thở hít chẳng vào thì đã thành đời sau.

Ba là tin đường luân hồi hiểm trở, một niệm lầm lạc liền đọa nẻo ác. Được thân người như đất đọng trên móng tay, mất thân người như đất trong đại địa.

Bốn là tin nẻo khổ dài lâu, một phen chịu báo trong tam đồ là cả năm ngàn kiếp, biết khi nào mới ló đầu ra nổi!

Năm là tin lời Phật chẳng hư dối, vầng mặt trời, mặt trăng đây làm cho còn roi rụng được, núi chúa Diệu Cao còn làm cho khuynh động được, chứ lời chư Phật chẳng hề sai khác.

Sáu là tin thật có Tịnh Độ giống hệt như Sa Bà hiện tại, hiện hữu rành rành.

Bảy là tín - nguyện liền sanh, nay mình đã nguyện thì nay mình sẽ sanh. Kinh đã giảng rõ, nào dối ta đâu!

Tám là tin [vãng] sanh rồi sẽ chẳng thoái, cảnh thù thắng, duyên mạnh mẽ, tâm thoái chuyển chẳng khởi.

Chín là tin một đời thành Phật, thọ mạng vô lượng, việc gì chẳng xong!

Mười là tin pháp vốn duy tâm. Duy tâm có hai nghĩa: cụ (có đủ tất cả) và tạo (tạo ra tất cả). Các pháp [vừa nói] như trên tâm ta sẵn đủ, đều do tâm ta tạo ra.

Do tin lời Phật thì tạo thành bốn pháp sau (tức là từ điều 5 đến điều 8); chẳng tin lời Phật chỉ tạo ra bốn điều trước (điều 1 đến điều 4). Vì thế tin sâu lời Phật là tin sâu tự tâm; tu Tịnh nghiệp, đầy đủ mười thứ tín tâm này thì sanh về Lạc Độ như đưa bằng khoán lấy về vật xưa, nào khó khăn gì!

Tháng 7 năm Giáp Tý, Nột Đường Đạo Nhân viết.

THƯỢNG HẢI HỘ QUỐC TỨC TAI PHÁP HỘI PHÁP NGŨ

Ấn Quang pháp sư giảng giải,

Đặng Huệ Tải thuộc Phật Giáo Nhật Báo ghi chép

**Ngày thứ nhất: Giảng niệm Phật, ăn chay là
căn bản để hộ quốc tức tai**

Ấn Quang vốn là một ông Tăng vô tri, vô thức, chỉ biết đến cơm cháo, chỉ biết niệm Phật dăm câu, tuy sống luống uổng hơn bảy mươi năm, nhưng tuyệt chẳng hề

triệt để nghiên cứu Phật pháp. Pháp hội Hộ Quốc Túc Tai[10] lần này, do các vị kéo nài tham gia, vì tình nghĩa chẳng thể khước từ được. Và lại, đây là chuyện quan hệ đến phước lợi quốc gia mà cũng là trách nhiệm tôi phải tận lực nên tôi chẳng nề hà mình hiểu biết sơ sài, kém cỏi đến dự pháp hội này. Nhưng những điều tôi giảng hôm nay trọn chẳng phải là lý luận cao sâu gì, chỉ là trình bày phương pháp căn bản để “hộ quốc túc tai”. Còn về ý nghĩa quan trọng của pháp hội lần này, đợi tới ngày mai sẽ bàn đến.

Mục đích của pháp hội lần này là hộ quốc túc tai, nhưng làm sao mới đạt được mục đích ấy? Tôi cho rằng phương pháp căn bản là Niệm Phật vì sát kiếp và hết thủy tai nạn đều do ác nghiệp của chúng sanh chiêu cảm. Nếu ai nấy đều niệm Phật thì sẽ xoay chuyển được nghiệp này. Nếu chỉ có một ít người niệm Phật thì [nghiệp ấy] cũng có thể giảm nhẹ. Pháp môn Niệm Phật tuy là vì cầu sanh Tịnh Độ, liễu thoát sanh tử mà lập ra, nhưng sức tiêu trừ nghiệp chướng của nó quả thật cũng cực kỳ lớn lao.

Người chân chánh niệm Phật trước hết ắt phải giữ vẹn luân thường, tận hết bốn phận, ngăn dứt lòng tà, giữ lòng Thành, đừng làm các điều ác, vâng làm các điều thiện. Cần nhất là phải hiểu rõ nhân quả, tự hành, dạy người [hành]. Hiện tại, các thứ tà thuyết không thánh, không hiểu, khinh miệt đạo, phé luân thường, giết cha, chung vợ v.v... đều do bọn Tống Nho đả phá, bài xích nhân quả - luân hồi đến nỗi sanh ra ác quả này. Nếu như ai nấy đều hiểu rõ nhân quả thì quyết chẳng một ai dám xướng lên những thuyết sai lầm ấy! Trong thế gian, người tốt hoàn toàn chẳng biến đổi rất ít, kẻ xấu hoàn toàn chẳng biến đổi cũng rất ít; đa số là kẻ lúc thượng, lúc hạ, khi tốt, khi xấu, cho nên giáo hóa là điều khẩn yếu nhất vậy. Không Tử nói: “*Duy thượng trí dữ hạ ngu bất di*” (Chỉ có bậc thượng trí và kẻ hạ ngu là chẳng thay đổi). Chỉ cần ra sức giáo hóa thì sẽ có thể khiến cho con người đổi ác theo lành, buông dao đồ tể, ngay lập tức thành Phật chẳng sót một ai! Chỉ là do nơi con người tin tưởng, nghĩ nhớ, tận lực mà hành đầy thôi. Sở dĩ xã hội Trung Quốc

hiện thời loạn lạc rồi ren đến mức như thế này đều là do không được giáo hóa; nhưng giáo hóa phải bắt đầu từ lúc còn thơ ấu như thường hay nói: “*Giáo phụ sơ lai, giáo nhi anh hài*” (Dạy con từ thuở còn thơ, dạy vợ từ thuở ban sơ mới về). Nếu thuở nhỏ chẳng dạy, đến lúc lớn, khó lòng lay chuyển được! Vì sao? Tập tánh (thói quen) đã thành, không cách chi thay đổi được. Vì thế, người niệm Phật cần phải chú ý giáo dục con cái mình trở thành người tốt, giữ tấm lòng tốt, nói lời tốt, làm việc tốt. Nếu ai cũng làm được như thế thì tai nạn tự tiêu, đất nước cũng tự được gìn giữ, bảo vệ!

Chân lý mẫu nhiệm căn bản của pháp môn Niệm Phật nằm trong ba kinh Tịnh Độ, nhưng theo như phẩm Phổ Hiền Hạnh Nguyện của kinh Hoa Nghiêm đã dạy thì [niệm Phật] lại càng là hạnh nguyện căn bản chẳng thể thiếu khuyết. Bởi lẽ, Thiện Tài đã viên mãn tâm Thập Tín^[11], tham học với tỳ-kheo Đức Vân, liền được Ngài dạy cho pháp môn Niệm Phật, nhập vào Sơ Trụ^[12], phân chứng Pháp Thân. Từ đấy, Thiện Tài tham học với hơn năm mươi vị thiện tri thức, hể nghe xong liền chứng, từ Nhị Trụ cho đến Thập Địa là bốn mươi địa vị. Tới hậu, ở chỗ Phổ Hiền Bồ Tát, Thiện Tài được Ngài khai thị, được sức oai thần gia bị, sở chứng ngang với ngài Phổ Hiền, ngang với chư Phật, liền thành Đẳng Giác Bồ Tát. Sau đó, Phổ Hiền Bồ Tát dùng mười đại nguyện vương dẫn dắt quy hướng Cực Lạc, khuyến khích, cổ vũ Thiện Tài và Hoa Tạng hải chúng nhất trí tinh tấn hành trì, cầu sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới nhằm mong viên mãn Phật Quả. Vì thế, biết rằng: Pháp môn Niệm Phật, tự phàm phu thuở ban đầu cũng có thể chứng nhập được, mà rốt cục đến bậc Đẳng Giác cũng chẳng thể vượt ra ngoài nổi. Thật là pháp môn Tổng Trì trên thành Phật đạo, dưới giáo hóa chúng sanh, thành thi, thành chung^[13] của mười phương tam thế hết thảy chư Phật. Vì thế, [pháp môn này] được chín giới cùng hướng về, mười phương chung tán thán, ngàn kinh cùng xiển dương, vạn luận đều tuyên thuyết.

Phàm là người học Phật thì có một việc rất nên chú ý là kiêng ăn mặn vì ăn mặn sẽ tăng trưởng cơ duyên giết hại. Con người và hết thủy động vật cùng sống trong vòng trời đất, tâm tánh vốn bình đẳng, chỉ vì nhân duyên ác nghiệp đến nỗi hình thể sai khác quá xa. Nếu đời này quý vị ăn thịt chúng nó, đời mai sau chúng nó sẽ ăn thịt quý vị. Oán hờn báo đền mãi, cơ duyên giết chóc đời đời chẳng có lúc nào kết thúc. Nếu như ai nấy đều ăn chay thì sẽ vun bồi tâm từ bi của chính mình, tránh khỏi cơ duyên giết hại. Nếu không, dù cho niệm Phật, nhưng chỉ lo sướng miệng, vui bụng, ăn đầy thức tanh hôi, vẫn chưa thể đạt được lợi ích thật sự nhờ học Phật vậy!

Hơn nữa, người đời nay ưa nói Thiền Tịnh Song Tu. Xét đến cùng cái gọi là Song Tu đó chỉ là khán câu “*người niệm Phật là ai?*” Đây là chú trọng tham cứu, chẳng ăn nhập gì đến việc sanh lòng tin phát nguyện cầu vãng sanh của Tịnh Độ cả, rõ ràng là hai chuyện [khác biệt]! Thêm nữa, Thiền Tông nói: “*Minh tâm kiến tánh, kiến tánh thành Phật*” là nói đến đương nhân đích thân thấy được Phật tánh vốn sẵn đủ ở ngay trong tâm. Mật Tông nói: “*Ngay thân này thành Phật*” (tức thân thành Phật), tức là quan niệm “hễ giải thoát được sanh tử ở ngay nơi cái thân này” thì [gọi đó là] “thành Phật”. Nếu vội hiểu những lời đó có nghĩa là [ngay chính nơi thân này] có thể thành tựu được vị Phật vạn đức đầy đủ, phước huệ viên mãn thì lầm to, lầm to mất rồi!

Bởi lẽ, “*kiến tánh thành Phật*” của Thiền Gia là [sở chứng] của địa vị đại triệt, đại ngộ. Nếu đoạn được Kiến Hoặc và Tư Hoặc[14] trong tam giới mới có thể liễu sanh thoát tử. “*Tức thân thành Phật*” trong Mật Tông chẳng qua là đạt tới địa vị liễu sanh tử đầu tiên. Địa vị đó là bậc A La Hán trong Tiểu Thừa đã liễu sanh tử. Trong Viên Giáo thì bậc Sơ Tín đoạn được Kiến Hoặc, bậc Thất Tín đoạn Tư Hoặc rồi mới giải quyết xong sanh tử. Bậc Thất Tín và A La Hán tuy cùng liễu sanh tử nhưng thần thông, đạo lực khác xa nhau vời vợi. Bát Tín, Cửu Tín, Thập Tín phá được Trần Sa Hoặc[15], cho đến Thập Tín Hậu Tâm phá một phẩm Vô Minh,

chúng một phẩm Tam Đức bí tạng[16], nhập Sơ Trụ, thành bậc Pháp Thân Đại Sĩ. Trải qua Thập Trụ, Thập Hạnh, Thập Hồi Hướng, Thập Địa, Đăng Giác là bốn mươi một địa vị rồi mới chúng nhập địa vị Phật. Lịch trình còn lâu xa như thế đó, làm sao mà một bước liền có thể vọt tới nơi ngay cho được? Người tu Tịnh Độ đã sanh về Tây Phương liền liễu sanh tử thì cũng là “*tức thân thành Phật*”, nhưng Tịnh Tông chẳng nêu cái thuyết tiếm phận[17] ấy. Dem so sánh sự khó - dễ với việc thuần cày vào tự lực của nhà Thiền thì thật là sai khác một trời một vực. Kính mong các vị dự hội hãy suy nghĩ chín chắn ý chỉ này.

Ngày thứ hai: Bàn về nhân quả báo ứng và sự giáo dục trong gia đình

Ngày hôm qua giảng về pháp môn Tịnh Độ, hôm nay giảng về ý nghĩa của pháp hội Hộ Quốc Túc Tai. Muốn nói đến “hộ quốc tức tai” thì trước hết phải biết là “hộ quốc” (giữ gìn đất nước) như thế nào? “Tức tai” (dứt trừ tai nạn) như thế nào? Là vì muốn đạt đến hạng mục ấy, có hai biện pháp: Một là lâm thời, hai là bình thời. Nếu lúc bình thường, ăn chay niệm Phật để cầu hộ quốc tức tai thì có nhiên có công đức vô hạn; nhưng lúc lâm thời, dốc lòng thành kính cầu nguyện giữ yên đất nước, dứt bật tai nạn cũng sẽ có hiệu lực tương đương; nhưng vẫn chẳng bằng lúc bình thời mọi người hộ quốc tức tai thì hay hơn. Bởi lẽ, nếu bình thời mọi người ăn chay niệm Phật, do nguyện lực tiếp nối nên tà khí tiêu trừ, chánh khí tăng trưởng, ai nấy giữ tâm lòng tốt, nói lời tốt, làm việc tốt thì tự nhiên quốc gia được bảo vệ, tai ương tự tiêu vậy.

Sách xưa có ghi: “*Thánh nhân bất trị dĩ bệnh, trị vị bệnh; bất trị dĩ loạn, trị vị loạn*” (Thánh nhân chẳng trị lúc đã bệnh, trị từ lúc chưa bệnh; chẳng trị lúc đã loạn, trị từ lúc chưa loạn). Bởi lẽ, trị khi đã loạn thì dễ hiểu, chứ trị từ lúc chưa

loạn thì khó thấy rõ được! Phàm trị quốc cũng giống như trị bệnh, có cách trị nơi ngọn, có cách trị nơi gốc. Trị bệnh là trị khi đã loạn. Nếu cầu lấy hiệu quả nhanh chóng, tức là đau đầu trị bệnh đầu, đau đùi trị bệnh đùi, [tức là] trị cái ngọn vậy. Cái ngọn đã lành, sau đấy mới lại trị cái gốc khiến cho khí huyết lưu thông trọn khắp, khỏe khoắn, sáng khoái. Gốc đã lành bệnh thì tự nhiên tinh thần phấn chấn, mới có thể hăng hái ra sức.

Hiện thời, quốc gia nguy nan đã đến mức ngàn cân treo sợi tóc. Tôi cho rằng để trị quốc trong hiện thời thì phải trị cả ngọn lẫn gốc. Cách kiềm trị không chỉ tốt bằng niệm Phật, ăn chay, kiêng giết, phóng sanh và hiểu sâu xa lý nhân quả trong ba đời. Kiếp vận hiện tại của thế giới, những tai nạn chúng ta phải chịu đựng đều là do ác nghiệp trong quá khứ chiêu cảm đến nỗi cảm nhận khổ quả hiện thời. Do đó, biết rằng: Những ác nghiệp này là do ác nhân trong quá khứ tạo thành; muốn tránh khổ quả phải dứt khổ nhân. Quá khứ đã gieo khổ nhân thì niệm Phật, sám hối mới có thể tiêu trừ được nỗi. Hiện tại nếu chẳng gieo khổ nhân nữa thì tương lai sẽ khỏi phải chịu khổ quả. Khổ nhân là gì? Là ba độc “tham, sân, si”. Thiện nhân là gì? Giúp vật, lợi người. Nếu ai nấy hiểu rõ lẽ nhân quả sẽ chẳng làm các điều ác, vâng làm các điều lành, tai họa sẽ chẳng từ đâu mà khởi lên được nữa! Chỉ vì người đời nay chẳng hiểu lý nhân quả, tư dục đầy ắp dạ, không điều ác nào chẳng làm, chỉ biết có chính mình, chẳng biết có ai khác. Nào biết lợi người chính là lợi mình, hại người còn tệ hơn hại mình!

Vì thế, hằng ngày, tôi thường bảo: “*Nhân quả là cái gốc lớn lao để thánh nhân trị thiên hạ, để Như Lai độ chúng sanh. Bỏ nhân quả mà bàn đến chuyện trị quốc bình thiên hạ khác gì nín cây tìm cá, tôi chưa từng thấy ai có thể tìm được cả!*” Phật dạy: “*Dục tri tiên thế nhân, kim sanh thọ giả thị. Dục tri lai thế quả, kim sanh tác giả thị*” (Muốn biết nhân đời trước, xem quả báo đời này. Muốn biết quả mai sau, xem việc làm đời này). Nếu như những điều mình tạo tác đời này đều là

việc ác, đời sau chắc chắn bị quả ác! Nếu những hành vi đời này đều là việc lành thì đời sau nhất định hưởng thiện quả!

Kinh Dịch chép: “*Tích thiện chi gia, tất hữu dư khánh. Tích bất thiện chi gia, tất hữu dư ương*” (Nhà tích thiện ắt sự vui có thừa, nhà chất chứa điều chẳng lành, tai ương ắt có thừa). Kinh Thư chép: “*Tác thiện, giáng chi bách tường. Tác bất thiện, giáng chi bách ương*” (Làm lành, trăm điều tốt lành giáng xuống. Làm việc chẳng lành, trăm tai ương đổ xuống). Lý ấy hết như lý nhân quả của đức Phật ta đã giảng. Chữ “*dư*” đã nói đó chính là tàn dư của chánh báo, chứ không phải là chánh báo. Chính người ấy trong đời sau tự mình hưởng thụ, nên gọi là “*bồn khánh, bồn ương*” (điều vui mừng hay tai ương chính), còn dư báo lan qua con cháu. Dư báo, dư ương đều là do tổ phụ tích chứa mà thành vậy!

Người đời chẳng biết nhân quả, thường nói con người sau khi chết đi là đã giải thoát hoàn toàn, không có quả báo thiện - ác nữa. Đây chính là tà kiến sai lầm nhất về đời sau của thiên hạ vậy. Cần biết là: Người đã chết đi rồi, thần thức chẳng bị diệt. Nếu ai nấy đều biết thần thức chẳng diệt, ắt sẽ thích làm lành. Nếu không biết thần thức chẳng diệt sẽ mặc tình phóng túng, giết cha, giết mẹ, đủ thứ tội ác do đây mà sanh! Những thứ hành vi nghịch ác tội bậc ấy đều là kết quả của tà kiến đoạn diệt mà ra! Nếu ai nấy có thể chẳng làm các điều ác, vâng giữ các điều lành thì thiên hạ thái bình, nhân dân an lạc; nhưng đây vẫn chưa phải là biện pháp rốt ráo. Thế nào mới là biện pháp rốt ráo? Chính là niệm Phật cầu sanh Tây Phương, liễu sanh thoát tử, và phải giữ vey luân thường, trọn hết bốn phận, ngăn chặn điều tà, giữ lòng thành thì sẽ chuyển được vận nước, tiêu trừ được tai nạn. Bởi lẽ, tai nạn ngày nay đều là do cộng nghiệp của mọi người chiêu cảm.

Nếu ai nấy đều niệm Phật, làm lành sẽ chuyển được cộng nghiệp, tiêu được kiếp vận. Ngay trong lúc chiến cuộc nổ ra ở đất Hồ vào ngày Hai Mươi Tám tháng Giêng[18], những người niệm Phật được linh cảm rất nhiều. Bọn họ chỉ tu một mình mà còn được linh cảm như thế, huống là ai nấy cùng tu ư? Vì thế, biết rằng:

Do đại chúng chí thành khẩn thiết niệm Phật cũng có thể vẫn hồi được tai nạn của đất nước. Lại như đức Quán Thế Âm Bồ Tát dùng ba mươi hai ứng thân để vào các cõi nước, theo tiếng cứu khổ; nếu như chí thành tụng niệm thánh hiệu Quán Thế Âm thì sẽ tự được cảm ứng. Những chuyện linh cảm xưa nay thấy ghi chép rất nhiều trong các sách vở, các vị có thể tự tìm đọc lấy. Ngoài những thân đã thuật trong phẩm Phổ Môn “[Bồ Tát] thấy nên dùng thân nào để độ được thì liền hiện thân đó cứu độ” ra, nếu [Bồ Tát thấy] nên dùng thân núi, sông, đại địa, cầu bến, đường sá để hóa độ thì Ngài cũng hiện các thân núi, sông, đại địa, cầu bến, đường sá... để cứu độ.

Con người hiện tại, kẻ dấy được lòng tin ít lắm, kẻ không phát khởi lòng tin rất nhiều. Nếu ai nấy đều phát khởi lòng tin thì có tai vạ nào mà chẳng thể tiêu diệt được? Nhưng lòng tin của con người cần phải được vun bồi từ thơ ấu. Phàm là người làm cha mẹ, khi con cái còn thơ ấu, hãy nên dạy con cái về lý nhân quả báo ứng, đạo lý giữ vền luân thường, trọn hết bổn phận. Nếu đợi đến lúc trưởng thành, tập tánh đã thành, không thể uốn nắn được nữa! Điều quan trọng nhất là “thai giáo” (dạy từ trong thai). Nếu phụ nữ mang thai có thể ăn chay, niệm Phật, làm lành, bỏ ác, mắt chẳng nhìn sắc ác, tai chẳng nghe tiếng ác, thân chẳng làm việc ác, miệng chẳng thốt lời ác, khiến cho đứa trẻ còn trong thai đã được tắm gội chánh khí nên thiên tánh tinh thuần. Sanh ra, lại giáo hóa thêm thì không đứa nào chẳng trở thành thiện nhân!

Xưa kia, các bà Thái Khương, Thái Nhậm, Thái Tự của nhà Châu đức hạnh hiền thực, cao đẹp, giúp chồng dạy con, nên tạo thành nền móng cho vương nghiệp nhà Châu suốt tám trăm năm. Ấn Quang thường bảo: “*Quyền trị quốc, bình thiên hạ, hàng nữ nhân chiếm hơn quá nửa*”. Bởi lẽ, trong gia đình, người chủ trì việc nhà đa phần là phụ nữ, đàn ông thường hay lo việc ngoài. Nếu mẹ hiền thì những điều lọt vào tai, đập vào mắt con cái trong nhà đều là những điều dạy dỗ của mẹ, chịu ảnh hưởng của mẹ, lợi ích ấy chẳng nông cạn. Nếu thuở bé bỏ mặc cho tánh

chúng quen thói kiêu căng, cho chúng nó tự do, trọn chẳng lấy chuyện hiếu để, trung tín, nhân quả báo ứng để giáo huấn thì [đến khi] khôn lớn, chúng sẽ trở thành quyến thuộc của Ma Vương giết cha giết mẹ. Vì thế, cần phải nuôi dưỡng tâm lành của con cái từ lúc thơ ấu, kèm cặp nghiêm ngặt.

Phải biết: Hiện thời, bọn sát nhân, phóng hỏa, không điều ác gì chẳng làm đa phần là vì cha mẹ chúng nó nuôi chiều quen thói kiêu căng mà ra! Mạnh Tử đầu hiền mà cũng cần phải do bà mẹ ba lần đổi chỗ ở, nghiêm ngặt quản thúc mà thành [hiền nhân], huống hồ những kẻ tầm thường ư? Hiện tại, mọi người đề xướng nam nữ bình quyền, cho đó là nâng cao nhân cách của nữ giới. Chẳng biết nam nữ thể chất đã không giống nhau, mà trách nhiệm mỗi giới mỗi khác. Thánh nhân cho rằng vị trí chính đáng của nam giới là ở ngoài, vị trí chính đáng của nữ giới là ở bên trong. “Vị trí chính đáng ở bên trong” chính là chăm lo những việc bếp núc, canh cửi, giúp chồng dạy con v.v... Nay bảo nữ nhân đảm nhiệm chuyện của nam giới nên những chuyện thuộc vị trí chính đáng của nữ nhân bị bỏ phế. Tuy mang tiếng là nâng cao nhân cách của nữ giới, thật ra là xô đổ nhân cách phụ nữ. Xin những bậc anh hiền của nữ giới ai nấy nhận thức rõ nhân cách của chính mình ở tại đâu, ngõ hầu con cái trong gia đình đều thành hiền thiện, thiên hạ lẽ đâu chẳng thái bình!

Bởi lẽ, đạo trọng yếu để trị quốc, bình thiên hạ nằm trong giáo dục gia đình, mà việc giáo dục trong gia đình người mẹ đảm nhiệm quá nửa. Bởi lúc trong thai, con cái đã hấp thụ khí chất của mẹ, lúc sanh ra lại nhìn theo oai nghi của mẹ, nhận sự dạy dỗ của mẹ, nên trở thành hiền thiện. Điều này tuy chẳng hiện hình tích nhưng lại là việc trọng yếu để đạt đến thái bình. Tiếc là vĩ nhân các giới đa số chưa thấy rõ điều này. Nguyên những bậc anh hiền trong nữ giới kể từ nay hãy chú ý lời này. Người đời đều gọi phụ nữ là Thái Thái. Phải biết ý nghĩa của hai chữ “thái thái” rất cao quý, to lớn. Xét ra, cội nguồn sâu thẳm của hai chữ ấy bắt nguồn từ tận đời Châu. Do Thái Khương, Thái Nhậm, Thái Tự đều là bậc thánh nhân trong

nữ giới, đều có thể giúp chồng dạy con. Bà Thái Khương sanh ra ba vị thánh nhân là Thái Bá, Trọng Ung và Quý Lịch. Bà Thái Nhậm sanh Văn Vương. Bà Thái Tự đẻ ra Vũ Vương và Châu Công. Ba đời bà cháu nữ thánh sanh ra ba đời ông cháu mấy vị thánh nhân, tạo thành thời thịnh trị tốt đẹp nhất tự ngàn xưa. Người đời sau gọi phụ nữ là “thái thái” tức là muốn đem so họ với ba bà Thái. Do vậy, hãy ngắm xem: Thái Thái là danh hiệu cao quý nhất không gì hơn được nữa để gọi phụ nữ. Nữ giới cần phải có đức hạnh của ba bà Thái thì mới chẳng phụ bạc sự tôn xưng ấy. Rất mong những vị nữ anh hiền trong hiện tại hãy thực hiện chuyện giúp chồng dạy con, khiến cho con cái do mình sanh ra đều thành hiền thiện ngõ hầu chẳng phụ danh xưng tốt đẹp trên đây!

Kể vậy, cần phải nỗ lực ăn chay. Con người và động vật vốn bình đẳng, nữ nào giết hại tánh mạng chúng để thỏa mãn miệng, bụng mình? Thân ta vừa bị dao cắt phải một chút liền cảm thấy đau khổ. Mới nói hoặc nghĩ đến đó, tim gan đau buốt, nữ nào giết chúng ăn thịt? Huống chi kẻ sát sanh ăn thịt dễ khởi cơ duyên giết hại. Tai kiếp đao binh trong đời này đều là do đây mà có! Cổ nhân nói: “*Dục tri thế thượng đao binh kiếp; đản thính đồ môn dạ bán thanh*” (Muốn biết đao binh trong cõi thế, hãy nghe tiếng lò mổ giữa đêm trường). Trong cõi đời, khá nhiều kẻ tuy hiểu rõ đạo lý Phật pháp mà vẫn thấy kiêng giết, ăn chay là chuyện khó làm.

Năm Dân Quốc thứ mười (1921), tôi đến Nam Kinh thăm một người bạn. Ông ta mời ông Ngụy Mai Tôn đến gặp tôi. Ông Ngụy tin Phật, niệm Phật, nhưng bảo là chưa thể ăn chay. Tôi dặn ông ta hãy đọc kỹ Bài Văn Kêu Gọi Tu Bồ Ao Phóng Sanh của chùa Cực Lạc ở Nam Tầm đăng trong bộ Văn Sao mấy chục lượt sẽ ăn chay được. Bởi lẽ, trong bài văn đó, trước hết nói chúng sanh và Phật tâm tánh chẳng hai. Tiếp đó, nói đến [ta và các loài vật] bao kiếp làm cha, mẹ, anh, em, vợ, con, quyến thuộc, sanh ra lẫn nhau, làm oan gia đối đầu của nhau, giết chóc lẫn nhau. Tiếp đó, dẫn kinh văn Phạm Võng, Lăng Nghiêm, Lăng Già làm chứng. Đọc

sâu nghĩ chín, chẳng những không nỡ ăn mà còn chẳng dám ăn nữa kia! Chưa đầy hai tháng sau, Ngụy cư sĩ liền trọn không ăn thịt nữa.

Lại nữa, bà mẹ của cư sĩ Hoàng Hàm Chi ở Thượng Hải chưa thể ăn chay, lại còn chẳng tin ăn chay là chuyện trọng yếu trong việc học Phật. Ông Hoàng Hàm Chi gửi thư hỏi cách [khuyên cho mẹ tin], tôi bảo ông ta sớm tối thay mẹ đối trước Phật sám hối nghiệp chướng. Do mẹ con thiên tánh tương quan, nếu thật sự chí thành ắt có cảm ứng. Hàm Chi làm theo, hơn tháng sau, mẹ ông liền ăn chay trường. Lúc đó bà đã tám mươi một tuổi, công khóa hằng ngày là hai vạn câu Phật hiệu, sống đến năm chín mươi ba tuổi mới mất. Tôi mong từ hôm nay trở đi, hết thầy đại chúng chú ý kiêng giết, ăn chay và khuyên cha mẹ, con cái và thân hữu của chính mình cùng nhau ăn chay. Phải biết đây cũng là phương pháp căn bản để hộ quốc tức tai. Những điều tôi giảng hôm nay là ý nghĩa của hộ quốc tức tai, mà phương pháp để thực hành hộ quốc tức tai chính là niệm Phật, ăn chay; mong quý vị chẳng nghĩ là thiên cận rồi chẳng thêm để ý.

Ngày thứ ba: Trần thuật nguyên lý nhân quả và nêu những sự thực để chứng minh

Hai ngày hôm trước, tôi đã trình bày sơ lược về đạo lý nhân quả và phương pháp tức tai hộ quốc; hôm nay vốn chẳng cần phải luận về nhân quả nữa; nhưng vẫn còn có những điểm chẳng thể không trình bày rõ ràng, nên tôi định sẽ giảng sâu hơn ít nữa, giảng rõ nguyên lý nhân quả và nêu sự thực để làm chứng, ngõ hầu đại chúng biết mà kiêng dè.

Hiện thời, người đời chẳng hiểu nguyên lý nhân quả, cho đó là chuyện bàn xằng, tà thuyết, lúc nào cũng tính chiếm tiện nghi, chẳng chịu thua thiệt; đâu biết tiện nghi chính là chịu thua thiệt, chịu thua thiệt chính là tiện nghi. Như người làm

cha mẹ hiện nay phần nhiều nông chiều con cái, chẳng kèm cặp nghiêm ngặt đến nỗi tạo thành thói quen ham tiền tài, tham chuộng tiện nghi. Cứ cho là có như vậy mới giữ gìn được gia sản, chẳng đến nỗi bị tổn thất; nào ngờ kết quả trái ngược: Gây vạ suốt đời, lại còn gián tiếp tạo ảnh hưởng vô hạn cho quốc gia, xã hội.

Nay tôi nêu lên một chuyện để làm ví dụ: Triệu Lương Tướng ở Đại Châu đời Tùy, giàu nứt đổ đổ vách, có hai đứa con. Đứa lớn tên Mạnh, đứa nhỏ tên Doanh. Doanh mạnh mẽ, Mạnh yếu đuối. Lúc người cha sắp mất, chia gia sản làm hai, Mạnh được nhiều hơn. Tới khi Lương Tướng mất, Doanh chiếm sạch tài sản của anh, chỉ cho anh một căn nhà và mảnh vườn. Mạnh phải đi làm thuê để tự nuôi thân. Chẳng mấy chốc, Triệu Doanh chết, sanh làm con của Mạnh, mang tên là Hoàn. Sau đấy, Mạnh cũng chết, đầu thai vào nhà Doanh, làm cháu nội của Doanh, mang tên là Tiên. Đến lớn, nhà Mạnh càng nghèo, nhà Doanh càng giàu. Triệu Hoàn phải làm tôi tớ cho Triệu Tiên để sống. Ngạn ngữ có câu: *“Thiên đạo không công bằng, đã giàu càng giàu thêm”*.

Một ngày kia, Hoàn nghe bà mẹ góa bảo: “Triệu Doanh cướp đoạt gia sản của mày đến nỗi đời mày nghèo mạt, nay đến làm tôi tớ cho nó, chẳng nhục hay sao?” Bởi thế, Hoàn oán hận, muốn giết Triệu Tiên. Năm Khai Hoàng thứ nhất (600 Tây lịch), Hoàn theo Tiên đi triều bái Ngũ Đài, vào đến chốn hang thẳm mấy mươi dặm ở phía Đông, sâu hun hút không một bóng người. Hoàn rút dao, bảo Tiên: “Ông nội mày và bố tao là anh em. Ông mày đoạt sản nghiệp của tao. Đến đời tao nghèo túng nay làm đầy tớ cho mày. Mày nỡ lòng làm thế, nay tao giết mày đây!” Tiên liền rảo chạy, Hoàn đuổi theo chạy vào rừng, thấy có am tranh liền bước vào. Có một vị lão Tăng bảo Hoàn: “Ông định làm gì thế?” Hoàn đáp: “Tôi đuổi theo kẻ oán thù!” Vị lão Tăng cười lớn: “Ông khoan làm thế, tôi sẽ cho ông tự biết”, rồi trao những món thuốc cho mỗi người để pha trà. Uống xong, như mộng mới tỉnh, chợt nhớ việc cũ, cảm thấy thẹn thùng, đau đớn. Lão Tăng bảo: “Doanh chính là tiền thân của Hoàn. Cướp đoạt tài sản của anh chính là tự bỏ tài sản của mình. Tiên

là Mạnh thác sanh trở lại để hưởng lấy sản nghiệp kiếp trước vì lệnh cha vẫn còn vậy!” Hai người bèn bỏ nhà tu theo đạo Phật, sau mất tại Di Đà Am. Xem trong Thanh Lương Sơn Chí[19]. Nhân quả báo ứng hiển hiện rõ ràng, như âm vang ứng theo tiếng, như bóng theo hình, chẳng sai mảy may.

Lại như hiện tại còn lưu truyền chuyện cái trống bằng da người ở Ngũ Đài Sơn cũng là chuyện nhân quả báo ứng thật rành rẽ đáng sợ vậy, xin kể rành rẽ. Đời Đường, tại chùa Hắc Sơn ở mặt sau ngọn Bắc Đài có nhà sư tên Pháp Ái làm Giám Tự hai mươi năm, lấy vật dụng của Chiêu Đề Tăng[20] tậu nhiều ruộng ở Nam Nguyên, để lại cho đồ đệ là Minh Hối. Pháp Ái chết liền sanh làm trâu ở nhà nợ tận lực một mình kéo cày trong ba mươi năm. Trâu vừa già vừa bệnh, chủ trại muốn đem trâu đổi lấy dầu. Đêm ấy, Minh Hối mộng thấy vị thầy đã chết của mình khóc bảo: “Ta dùng tài sản của Tăng chúng để tậu ruộng cho người. Nay đang làm trâu vừa già vừa còm cõi. Xin hãy lột da ta bọc trống, viết tên họ của ta trên trống. Mỗi khi lễ tụng liền đánh trống thì nỗi khổ của ta mới mong có ngày thoát khỏi. Nếu không, dù gò Nam Nguyên có biến thành biển xanh, ta vẫn chưa thể thoát khỏi nỗi!” Nói xong, phủ phục cả thân mình xuống. Minh Hối tỉnh giấc, chỉ mới nửa đêm liền tỉnh chuông nhóm chúng, kể cặn kẽ chuyện này. Sáng hôm sau, chủ trại ruộng báo con trâu già đã húc đầu vào cây mà chết. Minh Hối y theo lời trước, lột da trâu bọc trống, viết tên [thầy] lên trên, bán hết ruộng ở Nam Nguyên, được bao nhiêu tiền đem đãi cơm chư Tăng Ngũ Đài hết. Minh Hối lại bán sạch cả y bát, vì vị thầy đã mất mà lễ sám. Sau đem trống ấy gửi vào điện Văn Thù ở Ngũ Đài Sơn. Lâu ngày, trống hư, chủ chùa đem trống khác thế vào. [Thế gian] ngoa truyền là trống bọc bằng da người. Xem trong Thanh Lương Sơn Chí.

Ấy là nhân quả rành rành, không ai có thể trốn khỏi. Hai người con họ Triệu do đời trước có gieo căn lành nên gặp được cao tăng, nghiêm nhiên thành đạo. Còn như những kẻ phạm tục há nên tự ý y, lại còn bài bác “không có nhân quả”, tự mình làm, làm người khác làm, tự hại, hại người! Người đời nay đều chỉ thấy

chuyện trước mắt, chẳng đoái hoài đời sau, thích chiếm tiện nghi, chẳng bằng lòng chịu thua thiệt. Con cái họ mắt thấy tai nghe, tập riết thành thói. Phong tục xã hội cũng do đó mà hiểm ác, tranh đoạt khởi lên, đại loạn dấy lên lung tung, giết người đầy thành, ngập đồng mà mắt chẳng nháy, tâm chẳng áy náy, không gì chẳng phải là vì lẽ đó. Đã thế, những kẻ giết người tàn nhẫn, ác độc, chẳng thấy là đáng buồn, đáng sợ, ngược ngạo vênh váo khoe công, lại còn khen ngợi lẫn nhau. Thậm chí có kẻ giết cả cha mẹ, giết huynh trưởng, ngược ngạo tự xưng là “*đại nghĩa diệt thân*” (vì nghĩa lớn mà giết người thân)! Ôi! Họa biến đến thế, thiên lý tuyệt, nhân đạo diệt, không những đạo đức bị vùi lấp, mất mát mà chắc là kiếp nạn lớn lao sẽ liên tiếp xảy ra! Vì thế, trong hiện tại, muốn cứu vớt, bảo vệ đất nước thì phải bắt đầu từ căn bản. Căn bản là gì? Tức là tin tưởng chắc chắn vào nhân quả. Nếu đã thật sự hiểu rõ lý nhân quả rồi lại còn có thể dốc lòng tin, thực hành thì thế đạo, nhân tâm sẽ tự có thể văn hồi. Tôi cho rằng tất cả triết học, tôn giáo trên thế giới không gì tinh vi, sâu thẳm, nhưng dễ thực hành bằng Phật giáo!

Hiện tại, người đời sở dĩ chẳng tin nhân quả, phần lớn là vì chịu ảnh hưởng của Tống Nho. Những nhà Lý học[21] thời Tống như Trình Minh Đạo, [Trình] Y Xuyên, Châu Hối Am v.v... do xem kinh Đại Thừa nhà Phật, chỉ lãnh hội sơ lược ý nghĩa “*toàn sự tức lý*” và thân cận tri thức trong Tông Môn (Thiền Tông), lại biết ý chỉ “bất cứ pháp nào, chuyện nào cũng chẳng ngoài Nhất Tâm”, chứ thực sự chưa hề xem trọn khắp các kinh luận và tham học với khắp mọi tri thức các tông, bèn trộm lấy ý nghĩa của kinh Phật để tự xưng hùng, dùng đó để phát huy sự sâu xa của Nho giáo. Bọn họ lại sợ người đời sau xem kinh Phật sẽ biết được cái họ đạt được [là ăn trộm từ kinh Phật] bèn rắp tâm mê muội báng Phật. Do chẳng dễ báng bỏ những chỗ tinh diệu, họ liền nhắm vào mặt Sự để bài bác. Họ bảo đức Phật dạy sự -lý “tam thế nhân quả, lục đạo luân hồi” đều nhằm phỉnh phờ hạ ngu phu, ngu phụ phụng hành giáo pháp của Ngài, chứ thật sự chẳng có những chuyện ấy. Họ còn bảo: Sau khi con người chết đi, thân đã mục nát thì thân thức cũng phiêu tán;

dù có bầm, chặt, giã, mài sẽ thi thố vào đâu? Hơn nữa, thần thức đã tan thì còn ai để thọ sanh? Do vậy, họ đã mở tung đầu mối phóng túng, không kiêng sợ gì cả, thiện không có gì để khuyên, ác không có gì để trừng phạt, cho rằng “*Trời tức là Lý*” vậy, chứ nào có một vị vua đội mão[22] thật sự đâu! Họ cho rằng quỷ thần là lương năng[23] của hai Khí, chẳng hạn như sấm động là do hai khí Âm, Dương va chạm nhau nổ thành tiếng.

Họ coi những vấn đề Thực Lý, Thực Sự là chuyện bàn luận xuông, chuyên lấy việc “chánh tâm thành ý” làm cái gốc để trị quốc, trị dân; chẳng biết chánh tâm thành ý chính là do “*trí tri cách vật*” mà ra. Họ bảo “*trí tri*” là thúc đẩy tri thức (sự hiểu biết) của mình đến cùng cực, “*cách vật*” là hiểu cùng tận cái lý của mọi sự vật trong thiên hạ; nào hay “*vật*” chính là tư dục trong tâm mình. Do có tư dục nên chướng lấp tự tâm. Bởi thế, tâm vốn sẵn đủ chân tri nhưng không cách nào hiển hiện được. Do “*cách trừ*” (thấu hiểu và trừ khử) được tư dục thì chân tri sẵn có sẽ tự hiển hiện. Hễ chân tri đã hiển thì ý sẽ thành, tâm sẽ chánh! Chánh tâm thành ý thì ngu phu, ngu phụ chẳng biết một chữ cũng vẫn làm được! Còn nếu đúng như họ (chỉ các nhà Tống Nho) nói thì thúc đẩy tri thức của ta đến cùng cực để hiểu tận cùng cái lý của mọi sự vật trong thiên hạ, dẫu bậc thánh nhân cũng làm không được! Vì thế, biết rằng: Hễ lầm lạc ở chỗ này thì căn bản để giữ yên cõi đời đã mất. Họ lại dùng thuyết “không nhân quả, luân hồi” để dạy người khác chánh tâm thành ý. Nếu không có nhân quả, một phen chết đi là vĩnh viễn mất hết, thiện hay ác đều cùng chết sạch; còn ai bận tâm đến cái tiếng hão mà chánh tâm thành ý cơ chứ?

Hơn nữa, các nhà Lý học cho rằng: “*Có làm điều gì để làm lành thì đó chính là ác*”. Lời này đúng là phá hoại thiện pháp thế gian. Vì sao thế? Ông Cừ Bá Ngọc năm hai mươi tuổi, biết mười chín năm trước đều sai trái. Đến năm mươi tuổi, thấy bốn mươi chín năm trước đều sai trái, muốn bót lỗi nhưng chưa làm được. Như thế là có làm điều gì hay là không làm điều gì? Không Tử coi “*đức không tu, học vẫn*

chẳng giảng, nghe đạo nghĩa mà chẳng thể làm theo, không thể thay đổi chuyện chẳng tốt” là điều đáng lo. Tuổi đã bảy mươi, Ngài vẫn mong trời cho sống thêm mấy năm nữa để học Dịch hòng khỏi mắc lỗi lớn. Như vậy thì Ngài có làm điều gì hay không làm điều gì hết vậy?

Từ sau thời Trình - Châu, nhà Nho đều chẳng dám bàn đến nhân quả vì hễ bàn đến sẽ bị người khác công kích, bảo không phải là thuần Nho, cho là trái nghịch tiên hiền. Bởi vậy, phàm những kẻ hiểu biết kém cỏi liền hòa giọng báng Phật; người kiến thức cao minh không ai chẳng lén lút xem kinh Phật để mong khoe tài, không ai chẳng thống thiết bài bác Phật pháp, ngõ hầu làm căn cứ để sau này được thờ trong Hiền Từ (miếu thờ tiên hiền) trong làng hay được đưa vào [thờ trong] Văn Miếu! Trong thâm tâm của Trình, Châu khi ấy chỉ mong Nho Giáo hưng thịnh, chẳng bận tâm Phật giáo sẽ còn hay mất! Cho tới hiện thời, do chất độc “phá diệt nhân quả, luân hồi” của bọn họ đến nay bộc phát, phế kinh điển, phế luân thường, bỏ hiếu, không biết hổ thẹn, trở thành những thảm kịch như giết cha, giết mẹ, chẳng đáng buồn ư?

Hiện tại, chiến sự ở vùng Tuy Viễn rất khẩn cấp, tai họa cực thảm, những chiến sĩ trung dũng và đồng bào thân ái của chúng ta hoặc là máu thịt tung tóe, táng thân, tổn mạng, hoặc là nhà tan cửa nát, trôi giạt, bơ vơ, không cơm, không áo, đói khát bức bách. Nói, nghĩ đến điều này, tim gan đều tan nát! Sáng nay, pháp sư Viên Anh kể cho tôi nghe chuyện này, bảo tôi khuyên mọi người phát tâm cứu tế, góp gió thành bão[24], chẳng quản ít nhiều. Có áo giúp áo, có tiền giúp tiền, công đức vô lượng, chắc chắn hưởng thiện quả. Phải biết: Giúp người tức là giúp mình, cứu người tức là cứu mình. Nhân quả vắng vắng, chẳng sai sót mảy may. Nếu chính mình gặp tai nạn, không có ai giúp, nhưng nếu có thể xưng niệm thánh hiệu thì nhất định sẽ được Phật, Bồ Tát thăm gia hộ, bảo vệ. Tôi là một ông sư nghèo, hoàn toàn chẳng cất chứa thứ gì, hễ đệ tử tại gia có bố thí gì, đều dùng để ăn lót kinh

sách hết. Nay tôi xin quyên ra một ngàn đồng để xướng suất [cứu trợ vùng] Tuy Viễn. Giúp người mắc nạn thì mới có thể dứt trừ được tai nạn cho chính mình.

Hiện tại, có những phụ nữ ham chuộng xa hoa, một bình nước hoa trị giá từ ba, bốn chục đồng đến hai, ba trăm đồng. Sao bằng đem số tiền phung phí đó dùng để cứu trợ Tuy Viễn? Lại còn có hạng người rất chuộng tích góp của cải, lúc sống đã chẳng muốn dùng, chết đi còn mong chôn theo xuống đất, muốn được con cái chôn cất ma chay trọng thể, hoặc để lại cho con cháu dùng. Đâu có biết hiện nay đang có nguy cơ đào mồ, [những tưởng] tích chứa [nào ngờ] lại khiến cho [người chết] bị hại. Như hiện tại ở Thiểm Tây đang có cả một tổ chức đào mồ chuyên làm chuyện đó. Làm con có hiếu với cha mẹ, nữ nào vì chữ Hiếu lại khiến cho mớ xương khô của cha mẹ bị phơi tênh hênh trên mặt đất! Sao bằng đem khoản tiền lớn lao đó dùng để cứu tế người khác thì tốt hơn! Lại có người nghèo túng, tuy có chí nguyện làm như thế, nhưng sức chẳng kham nổi, tôi cho rằng hãy nên niệm Phật cho nhiều để giúp đỡ. Đã có thể dứt tai nạn cho người, lại còn dứt được tai nạn cho mình. Vui sướng [như vậy] mà sao không làm?

Lúc chiến cuộc xảy ra tại đất Hồ (Thượng Hải), cháu nội của cư sĩ Tào Thương Châu ở Tô Châu vâng lời cha từ đất Hồ xuống Tô Châu đón tam thúc tổ (ông chú thứ ba) và các chú về đất Hồ. Ông chú và các chú đều chẳng muốn đi. Anh ta bèn lấy châu báu của vợ giắt vào lưng, ngồi tàu thủy nhỏ về đất Hồ. Chợt có kẻ cướp đến, anh ta muốn trốn lên bờ, liền nhảy xuống nước, vàng ngọc giắt theo có lẽ đáng giá hai, ba vạn đều đem cho hết người đã đổi áo cho mình, tự xưng là học trò nghèo, làm thầy giáo dạy vỡ lòng cho trẻ. Nếu bọn giặc cướp biết được, không biết còn phải tốn tới mấy vạn để chuộc thân nữa. Đây có phải là tiền tài gieo họa cho người hay không? Người ta nay chỉ tham phần tiện nghi trước mắt, chẳng thể thấy thông suốt, bị khốn khổ vì tiền tài, những trường hợp như vậy rất nhiều, chẳng thể thuật đủ! Khi xưa, có một vị cư sĩ nọ hỏi tôi phương cách văn hồi kiếp vận, tôi bảo: “Việc này rất dễ! Hiểu rõ lý nhân quả rồi tận lực thực hành. Phát được tín tâm ắt có

thiện quả. Vả nữa, tâm dối trá đã tiêu, trong tâm rỗng suốt thì tai nạn nào cũng đều tiêu tan như băng tuyết vậy!”

Trong cơn loạn lạc Hồng Dương[25], một nhà buôn gỗ ở Giang Tây là Viên Cung Hoằng bị bọn phi bắt được, trói vào cây cột ở khách sảnh (nhà khách), khóa chặt cửa lại, chờ đúng lúc sẽ giết. Ông Viên tự nghĩ ắt bị chết, bèn thắm niệm thánh hiệu Quán Âm, hồi lâu ngủ quên đi, tỉnh dậy thấy thân mình nằm ngoài đồng, ngẩng đầu lên thấy hầy còn sớm liền trốn thoát. Do vậy, tôi rất mong mọi người phát tín tâm rộng lớn, nương vào đức của cha trời, mẹ đất[26], giữ lòng nhân “*coi mọi người và ta là ruột thịt, xem loài vật cũng giống như ta*”. Phàm đối với [hết thảy những gì] trong vòng trời đất đều thương xót, nuôi dưỡng, bảo vệ. Lại còn đem lễ nhân quả báo ứng, đạo niệm Phật cầu sanh Tây Phương để chỉ bảo, khuyến hóa. Nếu như ai nấy đều thực hành thì nước chẳng mong bảo vệ mà tự được bảo vệ, tai nạn chẳng mong dứt cũng tự dứt vậy!

Ngày thứ tư: Giảng về nhân quả lớn lao để thành Phật và giải thích đại lược những nghĩa lý trọng yếu của Tứ Liệu Giản

Hai ngày hôm trước, tôi đã bàn qua về nhân quả. Hôm nay tôi vẫn bàn về nhân quả, [quý vị] cần biết là [nhân quả] đã được nói trong hai bữa trước là tiểu nhân, tiểu quả, [nhân quả] được bàn trong ngày hôm nay là đại nhân, đại quả.

Sở dĩ đức Phật thành Phật thường hưởng pháp lạc chân thường, sở dĩ chúng sanh bị đọa địa ngục, vĩnh viễn chịu khổ luân hồi kịch liệt, [cả hai việc này] đều chẳng ra ngoài nhân quả. Hễ con người muốn trị thân tâm thì trọn chẳng thể ra ngoài nhân quả được. Con người hiện tại ham ăn nói lớn lối, chẳng cầu thực tế, bộp chộp bảo nhân quả là pháp Tiểu Thừa, thật là làm lẫn lộn. Nào biết Đại Thừa hay Tiểu Thừa trọn chẳng ra ngoài hai chữ “nhân quả” được! Tiểu Thừa là tiểu nhân

quả, Đại Thừa là đại nhân quả. Tiểu nhân (nhân nhỏ bé) là y theo Sanh Diệt Tứ Đế, biết Khổ, đoạn Tập, hâm mộ Diệt, tu Đạo; tiểu quả là chứng quả A La Hán. Đại nhân (nhân lớn lao) là tu Lục Độ vạn hạnh; đại quả là chứng Phật Quả rốt ráo. Trồng dưa được dưa, gieo đậu được đậu. Có nhân nào ắt sẽ có quả đó, chưa hề sai sót. Vì vậy, chẳng riêng người thế gian đều thuộc trong nhân quả mà ngay chính Bồ Tát, Phật cũng chẳng ra ngoài nhân quả được! Nếu bảo nhân quả là Tiểu Thừa, hóa ra Phật, Bồ Tát cũng là Tiểu Thừa ư? Đủ biết lời lẽ ấy ngông cuồng, trái nghịch đến thế nào!

Pháp hội này là pháp hội Hộ Quốc Tức Tai. Tôi chỉ mới bàn đến việc ngưng dứt tai nạn đao binh, nước lửa, vẫn chưa phải là rốt ráo. Lại cần phải dứt tai nạn phiền não sanh tử thì mới là biện pháp triệt để. Chúng ta mê muội Pháp Thân của chính mình, dứt huệ mạng của Phật, đáng buồn, đáng đau! So với việc sắc thân bị họa, [mê làm mất Pháp Thân] nào phải chỉ gấp trăm ngàn vạn lần nặng nề hơn! Vì thế, phải hộ trì Pháp Thân huệ mạng, đoạn sanh tử phiền não mới đáng kể là biện pháp tức tai (dứt trừ tai chướng) trọn vẹn.

Phật giáo, [nói] đại cương, chẳng ngoài năm tông, năm tông chính là Luật, Giáo, Thiền, Mật, Tịnh. Luật là căn bản của Phật pháp, nghiêm trì tịnh giới để mong tam nghiệp thanh tịnh, nhất tâm viên minh, Ngũ Uẩn đều không, các khổ đều độ. Giáo là nương theo giáo pháp mà tu Quán, rời khỏi “ngón tay [chỉ mặt trăng] để thấy được mặt trăng”, triệt ngộ Phật tánh sẵn có của đương nhân, kiến tánh thành Phật. Nhưng chữ “*thành Phật*” đó có nghĩa là thấy được đức Phật thiên chân[27] trong tự tánh bèn gọi là “*thành Phật*”, chứ chưa phải là thành tựu, chứng được quả Phật nơi Bồ Đề đạo. Mật dùng tam mật (thân mật, khẩu mật, ý mật) gia trì, chuyển Thức thành Trí, gọi là “*tức thân thành Phật*” (thành Phật ngay trong thân này). Đây cũng chỉ là coi “liễu sanh thoát tử từ ngay nơi thân này là thành Phật”, chứ chưa phải là thành đức Phật phước huệ viên mãn! Ba tông này đều có thể gộp vào Thiền vì khí phận giống nhau. Do vậy, tu trì Phật pháp trọng yếu

chẳng ngoài hai môn Thiền và Tịnh. Thiền chuyên cậy tự lực, nếu chẳng phải kẻ túc căn chín muồi thì chẳng thể được lợi ích thật sự. Tịnh là kiêm nhờ Phật lực, hễ ai đầy đủ tín, hạnh, nguyện chân thật thì đều có thể đỏi nghiệp vãng sanh. Sự khó - dễ giữa hai pháp môn này khác nhau một trời, một vực. Vì thế, đầu đời Tống, ngài Vĩnh Minh Diên Thọ thiền sư dùng thân “cổ Phật” thị hiện sanh trong thế gian, triệt ngộ nhất tâm, tu trọn vạn hạnh; mỗi ngày làm một trăm lễ tám Phật sự, đêm đi qua ngọn núi khác kinh hành niệm Phật. Ngài rất lo cho kẻ học trong đời sau chẳng hiểu rõ tông yếu[28], nên đặc biệt viết một bài kệ Tứ Liệu Giản ngộ hầu [mọi người] biết chỗ tiến theo.

Bài kệ ấy như sau:

Hữu Thiền, hữu Tịnh Độ,

Do như đỏi giác hỏ,

Hiện thế vì nhân sư,

Lai sanh tác Phật, Tổ.

Vô Thiền, hữu Tịnh Độ,

Vạn tu, vạn nhân khứ,

Nhược đắc kiến Di Đà,

Hà sâu bất khai ngộ?

Hữu Thiền, vô Tịnh Độ,

Thập nhân cửu tha lộ,

Ấm cảnh nhược hiện tiền,

Miết nhĩ tùy tha khứ.

Vô Thiền, vô Tịnh Độ,

Thiết sàng tịnh đồng trụ,

Vạn kiếp dữ thiên sanh,

Một cá nhân y hỏ

(Có Thiền, có Tịnh Độ,

Khác nào hổ thêm sừng,
Hiện tại làm thầy người
Đời sau làm Phật, Tổ.
Không Thiền, có Tịnh Độ,
Vạn tu, vạn cùng sanh,
Nếu được thấy Di Đà,
Lo gì chẳng khai ngộ.
Có Thiền, không Tịnh Độ
Mười người, chín chân chừ
Ấm cảnh nếu hiện tiền
Chớp mắt đi theo nó.
Không Thiền, không Tịnh Độ
Giường sắt cùng cột đồng
Muôn kiếp với ngàn đời
Không một ai nương dựa)

Tám mươi chữ này là cương yếu cả một đời giáo hóa của đức Như Lai, là khuôn mẫu huyền diệu để người học [Phật] liễu thoát ngay trong đời này. Người đọc trước hết cần phải hiểu rõ thế nào là Thiền? Thế nào là Tịnh Độ? Thế nào là có Thiền? Thế nào là có Tịnh Độ? Thiền và Tịnh Độ là ước về Lý, ước về Giáo mà nói. “*Có Thiền, có Tịnh Độ*” là ước về căn cơ, ước về tu mà luận. [Luận theo] Lý - Giáo, hai pháp [Thiền và Tịnh] trọn chẳng khác gì nhau. Xét về mặt Cơ - Tu (căn cơ và sự tu hành), hai pháp khác nhau rất xa. Lời tuy tương tự, ý nghĩa thật khác biệt, cần phải rất chú ý thì mới chẳng cô phụ tâm lòng đau đáu của tổ Vĩnh Minh.

Gì là Thiền? Đây chính là Chân Như Phật tánh chúng ta sẵn có, nhà Thiền thường gọi là “*bản lai diện mục trước khi cha mẹ sanh ra*”. Tông môn chẳng nói toạc ra để người ta tự tham cứu, tự lãnh ngộ, nên nói như thế. Thật sự, nó chính là tâm thể thuần chân ly niệm linh tri, không Năng, không Sở, vừa Tịch vừa

Chiếu[29] vậy (“Ly niệm linh tri” là trọn không có ý niệm suy lường nhưng hiểu rành rẽ tất cả cảnh tượng trước mắt). Tịnh Độ tức “tín nguyện trì danh, cầu sanh Tây Phương”, chứ chẳng phải chỉ riêng nói đến “*duy tâm Tịnh Độ, tự tánh Di Đà*”.

“*Có Thiền*” tức là dốc sức tham cứu đến cùng cực, niệm vắng lặng, tình[30] mất đi, thấy thấu suốt diện mục sẵn có trước khi cha mẹ sanh ra, minh tâm kiến tánh. “*Có Tịnh Độ*” là chuyện thực sự phát Bồ Đề tâm, sanh lòng tin, phát nguyện, trì danh hiệu Phật, cầu sanh Tây Phương. Nếu như tham Thiền chưa ngộ, hoặc ngộ chưa triệt để đều chẳng được gọi là “*có Thiền*”. Nếu như niệm Phật nhưng thiên chấp duy tâm, không có tín - nguyện, hoặc có tín - nguyện nhưng chẳng thân thiết đều chẳng được gọi là “*có Tịnh Độ*”. Thậm chí, tuy tu Tịnh Độ nhưng tâm nghĩ đến trần lao[31], hoặc cầu phước báo trời - người, hoặc cầu đời sau xuất gia làm Tăng, nghe một hiệu cả ngàn, đắc Đại Tổng Trì, hoằng dương Phật pháp, giáo hóa chúng sanh đều chẳng được gọi là “người tu Tịnh Độ” vì chẳng chịu theo đúng kinh giáo Tịnh Độ trong Phật pháp. Nếu làm lạc lấy giáo nghĩa thông thường làm chuẩn [để phê phán, suy luận pháp môn Tịnh Độ] thì trong đời sau, trong cả vạn người, khó có được một, hai kẻ có thể chẳng mê để được liễu thoát. Bị phước báo mê hoặc, từ mê vào mê, thật có lắm kẻ! Nếu thật sự hiểu sâu xa ý nghĩa này thì mới đúng là người tu Tịnh Độ.

Kẻ có mắt không trông thường tưởng tham thiền là “*có Thiền*”, niệm Phật là “*có Tịnh Độ*”, tự làm, làm người, há chẳng phải là tai hại cùng cực hay sao? Ở đây, tôi đã thuyết minh [thế nào là] có hay không có Thiền, Tịnh; nay sẽ lại đem lời kệ, dựa theo từng đoạn để phân tích [thì quý vị] mới biết tám mươi chữ này khác nào trời tạo đất dựng, không một chữ nào chẳng xác đáng, không một chữ nào có thể thay đổi được!

Bài kệ thứ nhất nói: “*Có Thiền, có Tịnh Độ, khác nào hổ thêm sừng, hiện tại làm thầy người, đời sau làm Phật, Tổ*”, nghĩa là: Người đã triệt ngộ Thiền Tông, minh tâm kiến tánh, lại còn thâm nhập kinh tạng, biết trọn vẹn các pháp môn

Quyền - Thật của Như Lai, nhưng trong các pháp, lại chỉ chọn lấy một pháp “tín nguyện niệm Phật” để làm đường lối chung cho chánh hạnh tự lợi, lợi tha. Phần nói về Thượng Phẩm Thượng Sanh trong Quán kinh [có câu]: “*Độc tụng Đại Thừa, hiểu Độ Nhất Nghĩa*” chính là nói về hạng người này. “*Khác nào hổ thêm sừng*” là người này song tu Thiền Tịnh, có đại trí huệ, có đại Thiền Định, có đại biện tài, tà ma ngoại đạo nghe danh vỡ mật, giống như hổ mọc thêm sừng, oai mãnh khôn sánh. Có kẻ nào đến học hỏi sẽ tùy cơ thuyết pháp. Thấy nên dùng Thiền Tịnh Song Tu để tiếp độ thì dùng Thiền Tịnh Song Tu tiếp độ. Nên dùng Chuyên Tu Tịnh Độ để tiếp độ thì dùng Chuyên Tu Tịnh Độ tiếp độ. Bất luận là thượng, trung, hạ căn, không một ai chẳng được lợi lạc. [Người như vậy] há chẳng phải là “*nhân thiên đạo sư*” ư? Đến lúc mạng chung, được Phật tiếp dẫn vãng sanh Thượng Phẩm, trong khoảng khảy ngón tay, hoa nở thấy Phật, chứng Vô Sanh Nhẫn, thấp nhất cũng là chứng bậc Sơ Trụ trong Viên Giác. Cũng có người đốn siêu[32] địa vị, đạt tới Đẳng Giác. Bậc Sơ Trụ trong Viên Giác đã có thể hiện thân làm Phật trong trăm cõi; huống hồ là những địa vị sau đó càng lên cao càng thù thắng hơn, tính thẳng đến địa vị thứ bốn mươi một là địa vị Đẳng Giác [thì càng thù thắng đến mực nào] nữa? Vì thế nói: “*Lai sanh tác Phật, Tổ*” (Đời sau làm Phật, Tổ).

Bài kệ thứ hai là: “*Không Thiên, có Tịnh Độ, vạn tu, vạn cùng sanh, nếu được thấy Di Đà, lo gì chẳng khai ngộ*”. Do người ấy tuy chưa minh tâm kiến tánh, nhưng cứ quyết chí cầu sanh Tây Phương. Trong kiếp xưa, Phật từng phát đại thệ nguyện nhiếp thọ chúng sanh như mẹ nhớ con. Nếu chúng sanh thật sự như con nhớ mẹ, chí thành niệm Phật thì cảm ứng đạo giao, liền được Phật nhiếp thọ. Kẻ tận lực tu Định - Huệ được vãng sanh đã đành, mà kẻ Ngũ Nghịch, Thập Ác lúc lâm chung bị sự khổ bức bách, phát tâm hổ thẹn lớn lao, xưng niệm Phật danh hoặc đến mười tiếng hoặc chỉ một tiếng rồi liền mạng chung, cũng đều được hóa thân của Phật tiếp dẫn vãng sanh. Đây chẳng phải là “*vạn tu, vạn người sanh*” hay sao?

Tuy kẻ ấy niệm Phật chẳng bao lâu, nhưng do [niệm Phật] cực kỳ mãnh liệt nên đạt hiệu quả lớn lao, chớ nên đem người niệm Phật hờ hững, lững lờ để so sánh nhiều - ít! Đã sanh về Tây Phương, gặp Phật nghe pháp, tuy có nhanh - chậm khác nhau, nhưng đều đã cao dự dòng Thánh, vĩnh viễn chẳng lui sụt. Tùy theo căn tánh sâu hay cạn sẽ hoặc dần dà hoặc nhanh chóng chứng đạt các quả vị. Đã được chứng quả thì chuyện khai ngộ cần gì phải nói tới nữa, bởi thế mới bảo: *“Nếu được thấy Di Đà, lo gì chẳng khai ngộ”*.

Bài kệ thứ ba là: *“Có Thiền, không Tịnh Độ, mười người, chín chân chừ. Ám cảnh nếu hiện tiền, chớp mắt đi theo nó”*. Do người ấy tuy triệt ngộ Thiền Tông, minh tâm kiến tánh, nhưng Kiến, Tư phiền não chẳng dễ đoạn trừ, cần phải qua bao duyên rèn luyện khiến cho [phiền não bị] đoạn trừ sạch không còn sót thì mới có thể xuất ly phần đoạn sanh tử[33]. Còn như kẻ chưa đoạn được mảy may nào ta chẳng cần bàn đến. Nếu như đoạn [phiền não] mà vẫn còn sót chút mảy may nào chưa thể đoạn sạch thì sáu nẻo luân hồi vẫn y như cũ, khó bề trốn tránh. Biền sanh tử sâu thăm thẳm, đường Bồ Đề xa vời vợi, nếu chưa về đến nhà đã liền mạng chung thì trong mười người đại ngộ, tám chín người đã giống như thế. Vì thế, mới nói: *“Thập nhân cứu tha lộ”* (Mười người, chín chân chừ). Chữ *“tha”* (蹉) ở đây nghĩa là *“tha đà”* (蹉跎), nếu nói thông tục là “chân chừ”. *“Ám cảnh”* là cảnh tượng của thân Trung Âm, tức là các cảnh tượng do nghiệp lực thiện, ác trong đời này và bao kiếp trước cùng hiện ra khi lâm chung. Khi cảnh này hiện ra, chỉ trong nháy mắt, sẽ theo nghiệp lực thiện hay ác nào mạnh mẽ nhất đi thọ sanh trong đường thiện hay ác, chẳng thể tự làm chủ được mảy may nào, giống như người mắc nợ, chủ nợ nào mạnh sẽ lôi đi trước. Tâm tình lăm mồi, sẽ nghiêng lệch về chỗ nào tâm mình đặt nặng. Ngũ Tổ Giới tái sanh làm Tô Đông Pha, Thảo Đường Thanh lại sanh làm Lỗ Công[34]. Đây vẫn còn là bậc thượng[35], nên nói: *“Ám cảnh nếu hiện tiền, chớp mắt đi theo nó”*.

Chữ Âm (陰) âm đọc và ý nghĩa giống chữ Âm (蔭), có nghĩa là “che đậy”. Ý nói: Do nghiệp lực này ngăn che nên chân tánh chẳng thể hiển hiện. Chữ Miết (瞥) cùng âm với chữ Phiết (撇), nghĩa là “chớp mắt”. Có kẻ cho rằng chữ Tha (蹉) nghĩa là lầm lạc, “Âm” là cảnh Ngũ Âm Ma thì đều là vì chưa hiểu ý nghĩa chữ Thiên và chữ Có nên mới hiểu sai lầm như thế. Lẽ đâu bậc đại triệt đại ngộ trong mười vị, hết chín người lầm đường, lạc lối, lầm đi theo cảnh Ngũ Âm Ma, bị ma dựa phát cuồng ư? Phàm kẻ bị ma dựa phát cuồng chính là hạng tăng thượng mạn[36] chẳng hiểu giáo lý, chẳng rõ tự tâm, tu mù luyện đui. Sao chẳng biết tốt - xấu, lại đem gán cho bậc đại triệt, đại ngộ vậy? Điều này quan hệ rất lớn, chẳng thể không biện bác rõ.

Bài kệ thứ tư là: *“Không Thiên, không Tịnh Độ, giường sắt cùng cột đồng, muôn kiếp với ngàn đời, không một ai nương dựa”*. Có người bảo “không Thiên, không Tịnh Độ” chính là kẻ vui đầu tạo nghiệp, chẳng tu thiện pháp. Lầm lẫn lắm thay! Bởi lẽ, pháp môn vô lượng, nhưng chỉ có Thiên và Tịnh là phù hợp căn cơ nhất. Kẻ đó đã chưa triệt ngộ, lại chẳng cầu vãng sanh, cứ hời hợt, hờ hững tu các pháp môn khác thì chẳng thể giữ cho Định, Huệ quân bình, đoạn Hoặc, chứng Chân, lại chẳng cậy vào Phật lực để đối nghiệp vãng sanh, dùng công đức tu trì cả đời để cảm lấy phước báo trời người trong đời sau. Đời này đã không có chánh trí, đời sau ắt bị phước chuyển, đắm say Ngũ Dục, rộng tạo ác nghiệp. Đã tạo nghiệp ác sẽ khó tránh khỏi ác báo. Một hơi thở ra không hít vào được nữa liền đọa địa ngục, rõ ràng là trải qua kiếp dài lâu, nằm lăn giường sắt, ôm ấp cột đồng để đền trả các món ác nghiệp tham thanh sắc, giết sanh mạng v.v... Chư Phật, Bồ Tát tuy rửa lòng từ mãi, nhưng [do kẻ ấy] bị ác nghiệp chướng ngăn nên cũng chẳng được lợi ích gì.

Thiền sư Triệt Lưu đời Thanh bảo: *“Người tu hành nếu không có chánh tín cầu sanh Tây phương, tu lung tung các điều thiện khác thì gọi là oan gia đời thứ ba”*,

chính là nói về ý này. Bởi lẽ, đời này tu hành, đời sau hưởng phước; cậy phước làm ác, ắt bị đọa lạc. Vui chỉ tạm hưởng trong đời sau, khổ vĩnh viễn suốt kiếp. Nếu như nghiệp địa ngục đã tiêu, lại chuyển sanh làm quỷ, súc sanh. Muốn lại được thân người, khó nhất trong những điều khó! Bởi thế, đức Thích Ca dùng tay bốc đất, hỏi ngài A Nan rằng: “Đất trên tay ta nhiều hay đất trên đại địa nhiều?” A Nan bạch Phật: “Đất trên đại địa nhiều”. Phật dạy: “*Được thân người như đất trên tay; mất thân người như đất trên đại địa*”. Câu “*vạn kiếp và ngàn đời, không một ai nương dựa*” vẫn còn là do âm vận bài kệ bó buộc nên chỉ nói thiên cận như vậy đó thôi!

Vĩnh Minh thiền sư sợ người đời chẳng hiểu được nghĩa chân thật của Thiền - Tịnh, [chẳng] quán sát rõ ràng, nên mới viết bài kệ này để giảng rõ. Có thể nói [bài kệ này] là chiếc bè báu để thoát bến mê, là người dẫn đường lìa nẻo hiểm, công lao rất lớn. Bởi lẽ, hết thấy pháp môn chuyên cậy vào tự lực, pháp môn Tịnh Độ kiêm nhờ Phật lực. Trong hết thấy pháp môn phải hết sạch Hoặc nghiệp thì mới có thể liễu sanh tử; pháp môn Tịnh Độ đối nghiệp vãng sanh liền dựa vào dòng Thánh. Người đời chẳng xem xét, coi Tịnh Độ là thừa thải, vụn vặt, thật đáng than thở lớn lao! Hiện tại, người ta hay cho rằng khán thoại đầu là cách tu thích hợp nhất, [cứ cho rằng] hễ lâm chung được chết an lành là liễu thoát. Nào hay lời ấy là lời nói mớ của kẻ chưa mở Chánh Nhãn. Ở đây, tôi dẫn chuyện cũ để làm thí dụ:

Vào khoảng đời Càn Long - Gia Khánh nhà Thanh, có ba vị Thiền tăng cùng tham thiền với nhau. Chết đi, một vị sanh tại Giang Tô, tên là Bành Văn Chương; một vị sanh ở Vân Nam, tên là Hà Quế Thanh; một vị sanh ở Thiểm Tây tên là Trương Phí. Trong ba người, chỉ ông Bành nhớ được chuyện kiếp trước. Sau lên kinh đô thi Hội, gặp hai người kia liền kể chuyện kiếp trước cùng làm Tăng. Hai người kia tuy không nhớ được [việc cũ], nhưng vừa thấy ông Bành đã như [gặp lại] cố nhân, trở thành bạn thân thiết. Vào Điện Thí (thi Đình), ông Bành đậu Trạng Nguyên, ông Hà đậu Bảng Nhãn, ông Trương trúng Truyền Lô[37]. Họ Bành sau

từng làm Chủ Khảo, Học Đài, nhưng khá tham sắc, sau chết tại nhà. Họ Hà giữ chức Chế Đài ở Nam Kinh. Giặc Hồng Dương nổi dậy, Nam Kinh thất thủ, ông bị hoàng thượng bắt tội chết. Ông Trương từng làm thầy dạy hoàng đế Hàm Phong, dân Hồi Hồi[38] muốn làm phản bèn lừa giết phăng ông đi. Ba vị này chẳng thể coi là Tăng nhân bình thường, đáng tiếc là chẳng biết cầu sanh Tây Phương, tuy được đôi chút phước lớn nhưng hai người chẳng được chết yên lành. Rốt cuộc, ông Bành tham đắm nữ sắc, e trong đời sau sẽ chẳng được như đời này!

Lại nữa, tiên sinh Ngô Dẫn Chi ở Tô Châu, đậu Thám Hoa dưới đời Thanh. Học văn, đạo đức, tướng mạo, đều tốt đẹp cả. Năm Dân Quốc thứ mười (1921), đi triều bái Phổ Đà, gặp tôi, tự bảo kiếp trước ông ta là hòa thượng ở Vân Nam. Vì khách đến dâng hương đông đảo, chẳng thể chuyện trò nhiều, cũng chưa hỏi tường tận nguyên do. Năm [Dân Quốc] thứ mười một (1922), tôi qua Dương Châu khắc in sách, đến ở nhà một người đệ tử tại Tô Châu, liền dò hỏi về việc ấy, nghĩ rằng ông ta chưa quên mất túc nhân, khi gặp mặt sẽ hỏi chuyện, nhưng rồi hoàn toàn quên mất. Từ đó, chẳng qua lại với nhau nữa. Đến năm [Dân Quốc] thứ 19 (1930), tôi bế quan tại chùa Báo Quốc. Đến tháng Mười Một, ông ta cùng hai tiên sinh Lý Ấn Tuyên, Lý Hiệp Hòa đến thăm. Tôi hỏi: “Sao ông biết kiếp trước là nhà sư ở Vân Nam?” Ông ta bảo: “Năm hai mươi sáu tuổi, tôi nằm mộng đến một ngôi chùa kia, biết là chùa X... ở huyện X... thuộc tỉnh Vân Nam. Trông thấy hình dạng điện đường, phòng xá, cây cối đều như thường thấy, cũng thấy mình là Tăng. Tỉnh dậy, nhớ rất rõ, ghi chép lại từng điều. Sau đấy, một người bạn đi làm quan ở Vân Nam (tiên sinh Trương Trọng Nhân còn biết tên họ người này), đem đối chiếu những lời ông ta chép thì không sai lệch mảy may”.

Tôi bảo: “Tiên sinh đã tám mươi tuổi, không còn được bao nhiêu ngày nữa, hãy nên khôi phục sự nghiệp hòa thượng kiếp trước, nhất tâm niệm Phật cầu sanh Tây Phương thì mới chẳng phụ công khó tu trì đời trước!” Ông ta đáp: “Niệm Phật có gì là hy hữu, lạ lùng?” Tôi nói: “Niệm Phật tuy chẳng phải là hy hữu, lạ lùng gì,

nhưng thế gian chẳng có mấy người niệm. Chuyện chẳng hy hữu, chẳng lạ lùng nhất là chuyện ăn cơm, cả thế giới không một ai là chẳng ăn; đấy là sự chẳng hy hữu, lạ lùng bậc nhất, vì sao ông vẫn cứ phải làm?” Ông ta chẳng đáp được, nhưng vẫn không chịu niệm. Ông ta hỏi hai vị Lý Tiên sinh: “Các vị có niệm không?” Họ đáp: “Niệm chứ!” Ông ta vẫn không nói gì; đến tối ngày Ba Mươi tháng Chạp, lúc sắp thắp đèn, qua đời, vừa tròn tám mươi tuổi. Vị này đời trước tu trì cũng rất khá nên đời này mới cảm được công danh lớn lao, tuổi thọ lâu dài, nhưng đời này chỉ giữ trọn luân thường, chẳng còn tin vào Phật pháp nữa, há chẳng phải là đáng xót xa lắm sao?

Cả bốn vị trên chưa ai chứng đắc, mà dù có sở chứng đi nữa, nếu chưa đoạn hết Phiền Hoặc thì vẫn khó thể lìa khỏi sanh tử được! Thậm chí như thiền sư Viên Trạch đời Đường, biết được chuyện quá khứ, vị lai, nhưng vẫn không thể thoát được, huống hồ là kẻ chỉ được chết an lành lại có thể giải quyết xong chuyện sanh tử sao? Cha ông Lý Nguyên đời Đường, trấn thủ Đông Đô, bị An Lộc Sơn làm phản giết chết. Lý Nguyên chẳng muốn làm quan, biến căn nhà mình đang sống ở Lạc Dương thành chùa Huệ Lâm, thỉnh Viên Trạch làm Hòa Thượng; Lý Nguyên cũng tu hành ở chùa ấy. Mấy năm sau, Lý Nguyên muốn triều bái Nga Mi, mời Viên Trạch cùng đi. Viên Trạch muốn đi theo đường Thiểm Tây, nhưng Lý Nguyên chẳng muốn đến kinh đô nên nhất định đi theo đường thủy qua ngã Kinh Châu. Viên Trạch đã tự biết mình chẳng trở về được nên liền [viết thư] dặn dò hậu sự, mỗi mỗi đều rành rẽ, kẹp trong cuốn kinh nhưng chẳng để lộ ra, theo Lý Nguyên ngồi thuyền ra đi.

Thuyền bơi đến miền thượng du Kinh Châu, gần đến Giáp Sơn, vùng đất ấy thế nước chảy xiết, chưa đến tối đã phải cắm thuyền. Chợt có một người đàn bà mặc quần gấm, kéo nước bên sông. Viên Trạch vừa trông thấy, hai mắt ứa lệ. Lý Nguyên hỏi nguyên do, Viên Trạch đáp: “Ta chẳng chịu đi theo đường này là vì sợ gặp người đàn bà này. Bà ta mang thai đã ba năm, chờ ta sanh làm con. Chẳng thấy

còn có thể trốn lánh, chứ nay đã thấy, không cách nào chẳng làm con bà ta được! Ông nên tụng chú, giúp ta mau sanh. Tới ngày thứ ba, hãy đến nhà thăm ta. Ta trông thấy ông, cười một tiếng làm tin. Mười hai năm sau, đêm Rằm tháng Tám, đến bên bờ giếng Cát Hồng tại chùa Thiên Trúc ở Hàng Châu gặp ta”. Nói xong, Viên Trạch tọa thoát (ngồi qua đời). Bà nọ liền sanh con. Ngày thứ ba, Lý Nguyên đến thăm, đưa bé liền cười. Sau đấy, Lý Nguyên quay về chùa Huệ Lâm, thấy trong quyển kinh đã viết sẵn lời dự ngôn về hậu sự, càng thêm tin [sư Viên Trạch] chẳng phải là kẻ tầm thường. Mười hai năm sau, Lý Nguyên đến Hàng Châu. Tới đêm Rằm tháng Tám, ông đến chỗ ước hẹn chờ đợi; chợt thấy bên sông có đứa bé trai chần trâu, ngồi trên lưng trâu, dùng roi gõ sừng trâu, xướng:

Tam sinh thạch thượng cự tinh hồn,

Thường nguyệt, ngâm phong bất yếu luân.

Tâm quý tình nhân viễn tương phủng,

Thử thân tuy dị, tánh thường tồn.

(Trên đá ba sinh[39], vẫn nguyên hồn

Ngâm gió, thường trăng lộ phải bàn

Thẹn thấy người xưa tìm đến gặp

Thân này tuy khác, tánh thường còn)

Lý Nguyên nghe xong bèn đến chào hỏi. Hàn huyên xong xuôi, đưa bé lại đọc:

Thân tiền, thân hậu sự mang mang,

Dục thoại nhân duyên khủng đoạn trường[40]

Ngô, Việt giang sơn du dĩ biến

Khước hồi yên trạo thượng Cù Đường

(Thân trước, thân sau sự vẫn vương

Bàn chuyện nhân duyên luống đoạn trường

Ngô, Việt giang sơn chơi khắp cả,

Quầy chèo mây khói, vượt Cù Đường[41])

Rồi ruồi trâu đi mất. Thân phận như thế còn chưa liễu thoát được, huống hồ là những kẻ chỉ mới lãnh hội được câu thoại đầu, được chết an lành mà coi là đã liễu thoát ư? Cậy vào tự lực để thoát sanh tử khó khăn như thế đó; cậy vào Phật lực để thoát sanh tử dễ dàng như thế đó; vậy mà người đời vẫn cứ buông bỏ Phật lực để cậy vào tự lực, cũng là vì chưa hiểu rõ lẽ mẫu nhiệm. Nay dùng hai câu sau đây để nói toạc ra: Chỉ là vì tri kiến sai lầm “muốn tỏ vẻ ta là hạng người bậc thượng, chẳng chịu làm chuyện tầm thường, không hy hữu, lạ lùng” vậy. Xin hết thầy mọi người hãy suy nghĩ chín chắn chuyện đã qua của năm người này rồi tự lợi, lợi tha, sốt sắng tu Tịnh Nghiệp như lo chôn cất cha mẹ, như cứu đầu cháy thì mới khỏi luống uổng đời này và lần gặp gỡ này.

Ngày thứ năm: Giải thích sơ lược về giáo nghĩa Lục Tức của tông Thiên Thai, kiêm giảng về ăn chay, phóng sanh

Pháp môn Tịnh Độ thích hợp khắp ba căn, thâm nhiếp lợi căn lẫn độn căn, khế lý, khế cơ, chí viên, chí đốn, đúng là pháp môn lợi lạc chúng sanh duy nhất vô thượng. Nhưng con người hiện tại, có kẻ tự cao, tự đại bảo: “Chúng sanh tức là Phật thì ta chính là Phật, sao lại phải niệm Phật?”, kẻ thì lại cho rằng: “Ta đã là phàm phu khổ não, làm sao có thể liễu thoát sanh tử, chỉ cầu kiếp sau chẳng mất thân người mà thôi!” Hai hạng người này đều vì chẳng hiểu rõ nhân quả mà thành ra như thế ấy. Bởi vậy, hôm nay tôi vẫn giảng về nhân quả.

Phải biết “*chúng sanh tức là Phật*” [chỉ cho] cái nhân chân thật là Phật tánh sẵn có đủ. Nếu chẳng tu hạnh Niệm Phật mẫu nhiệm, Phật tánh chẳng do đâu hiển hiện được thì làm sao đạt được thật quả “giải thoát sanh tử, thành tựu Phật đạo” đây? Ví như gương báu đóng bụi, quang minh chẳng hiện, chứ thật ra chẳng mất! Nếu chịu ra sức lau chùi, mài giũa thì gương sẽ tự có thể chiếu trời soi đất. Nếu

nói: “Ta là phàm phu khổ não, chẳng thể vãng sanh Tây Phương, liễu sanh thoát tử, cho đến thành Phật” thì lại chính là lời lẽ của kẻ nghiệp chướng sâu nặng, tự cam chịu đọa lạc. Vả nữa, người đời nay có kẻ đánh cò, xoa mặt-chuộc đến nổi mệt quá rồi chết, chẳng biết là bao nhiêu! Nếu họ có thể vận dụng sự khổ nhọc ấy vào chuyện tu hành niệm Phật thì lo gì chẳng vãng sanh Tây Phương, chứng lên đến Phật quả ư? Bởi lẽ, Phật vốn chỉ là một chúng sanh tu trì, chúng đắc Phật quả mà thôi.

Thiên Thai Trí Giả Đại Sư đời Tùy soạn cuốn Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Sớ, đã lập ra giáo nghĩa Lục Tức Phật để đối trị căn bệnh lớn “cam chịu đọa lạc” và bệnh “tự tôn, tự đại sai lầm”. Lục Tức Phật là: một là Lý Tức Phật, hai là Danh Tự Tức Phật, ba là Quán Hạnh Tức Phật, bốn là Tương Tự Tức Phật, năm là Phần Chứng Tức Phật, sáu là Cứu Cánh Tức Phật. “Lục”: Minh thị thứ lớp sâu - cạn, “Tức”: Chỉ rõ ngay nơi Thể chính là Phật. Ví như trẻ sơ sanh hình thể chẳng khác gì cha mẹ, nhưng sức lực, khả năng khác biệt rất xa. Bởi thế, chẳng thể bảo đứa bé con ấy chẳng phải là người, nhưng cũng chẳng thể sai nó gánh vác chuyện của người đã trưởng thành được. Nếu biết rõ “tuy sáu mà thường tức” thì sẽ chẳng sanh lui sụt. Nếu hiểu “tuy tức mà thường sáu” sẽ chẳng sanh lòng tăng thượng mạn. Từ đó, nỗ lực tu trì, sẽ từ phàm phu mà viên chứng Phật quả, do Lý Tức Phật mà thành Cứu Cánh Tức Phật vậy.

1. Lý Tức Phật là hết thấy chúng sanh đều có Phật Tính. Tuy trái phản Chánh Giác, xuôi theo trần lao, luân hồi trong Tam Đồ, Lục Đạo, nhưng công đức của Phật Tính vẫn tự đầy đủ, cho nên gọi là Lý Tức Phật, coi Lý Thể của tâm chính là Phật vậy. Vô Cơ Tử^[42] làm bài tụng rằng:

*Động, tịnh lý toàn thị
Hành, tàng sự tận phi,
Minh minh tùy vật khứ,*

Yếu yếu bất tri quy.

(Động, tịnh toàn là lý,

Hành, tàng chẳng trúng gì,

Tối tăm theo đuổi vật,

Mờ mịt chẳng biết về)

Do hết thấy chúng sanh chưa nghe Phật pháp, chẳng biết tu trì, nhưng nhất niệm tâm thể vẫn hoàn toàn giống như Phật. Vì thế mới bảo là: “*Động, tịnh toàn là lý*”. Do mê lầm tự tâm, tạo các sự nghiệp nên mới bảo “*Hành, tàng chẳng trúng gì*” (Hành là hoạt động, tàng là ở yên), vì mọi việc làm đều chẳng tương ứng Phật Tánh. Suốt ngày, suốt năm, tối tăm, mờ mịt ruổi theo vật dục (lòng ham muốn vật chất) phiền não, vọng tưởng, từ sống đến chết chẳng hề biết hồi quang phản chiếu (xoay trở lại xét soi cái tâm), nên bảo là: “*Tối tăm theo đuổi vật, mờ mịt chẳng biết về*”.

2. Danh Tự Tức Phật là hoặc do từ thiện tri thức, hoặc từ kinh điển mà biết rằng tâm vốn sẵn đủ Phật Tánh tịch - chiếu viên dung, bất sanh, bất diệt. Thông suốt hiểu rõ nơi danh tự, biết hết thấy pháp đều là Phật pháp, hết thấy chúng sanh đều có thể thành Phật. Đó gọi là “nghe danh tự Phật tánh liền hiểu rõ, thấu suốt Phật pháp”. Kệ tụng rằng

Phương thính vô sanh khúc,

Thĩ văn bất tử ca,

Kim tri đương thể thị

Phiên hận tự tha đà.

(Vừa nghe khúc vô sanh,

Mới nghe bài bất tử,

Liền biết ngay đương thể,

Tiếc đã trót lần khờ)

[Ý nói]: Từ trước đến nay chỉ biết sanh tử luân hồi không lúc nào kết thúc; nay biết Phật Tánh chân thường, bất sanh, bất diệt, đã biết đương thể (ngay nơi bản thể) chính là cái nhân chân chánh để thành Phật liền gấp gáp tu trì, còn hận từ trước đến nay mình bỏ uổng quang âm (thời gian) đến nỗi chưa thể thật sự chứng đắc!

3. Quán Hạnh Tứ Phật là nương theo Giáo tu Quán, tức là địa vị Ngoại Phàm[43] Ngũ Phẩm trong Viên Giáo. Ngũ Phẩm là:

- a. Tùy Hỷ Phẩm: Nghe pháp Thật Tướng, tin hiểu, tùy hỷ.
- b. Độc Tụng Phẩm: Đọc tụng kinh Pháp Hoa và các kinh điển Đại Thừa để hỗ trợ quán hạnh và sự hiểu biết.
- c. Giảng Thuyết Phẩm: Tự nói những điều mình tự chứng hiểu (nội giải) để chỉ dạy, dắt dẫn làm lợi cho người khác.
- c. Kiêm Hành Lục Độ Phẩm: Kiêm tu Lục Độ để giúp cho quán tâm.
- e. Chánh Hành Lục Độ Phẩm: Lấy việc hành Lục Độ làm hạnh chánh yếu, tự mình hành, dạy người khác hành, Lý - Sự đầy đủ. Quán Hạnh càng thêm thù thắng. Kệ tụng rằng:

Niệm niệm chiếu thường lý

Tâm tâm bất huyển trần

Biến quán chư pháp tánh

Vô giả diệt vô chân.

(Niệm niệm chiếu thường lý,

Tâm tâm bất huyển trần

Quán khắp các pháp tánh,

Không giả cũng không chân)

Đã viên ngộ (ngộ trọn vẹn) Phật tánh, nương theo Giáo tu Quán, đối trị phiền não tập khí nên bảo là: “*Niệm niệm chiếu thường lý, tâm tâm bất huyển trần*”. Hiểu rõ một sắc, một hương không thứ gì chẳng phải là Trung Đạo; hết thấy

các pháp không pháp nào chẳng phải là Phật pháp, hết thảy chúng sanh đều sẽ thành Phật, cho nên nói: “*Quán khắp các pháp tánh, không giả cũng không chân*”.

4. Tương Tự Tức Phật là tương tự giải phát (gần giống như đã giải ngộ, phát khởi), tức là địa vị Nội Phàm thuộc Thập Tín trong Viên Giáo. Sơ Tín đoạn Kiến Hoặc, Thất Tín đoạn Tư Hoặc; Bát, Cửu, Thập, Tín đoạn Trần Sa Hoặc. Kệ tụng rằng:

Tứ Trụ tuy tiên thoát,

Lục trần vị tận không

Nhãn trung do hữu ế

Không lý kiến hoa hồng.

(Trước đã thoát Tứ Trụ,

Nhưng sáu trần chưa không,

Mắt vẫn còn màng mộng

Thấy hoa đốm trên không)

Tứ Trụ là:

- a. Kiến Nhất Thiết Trụ Địa chính là Kiến Hoặc trong Tam Giới.
- b. Dục Ái Trụ Địa chính là Tư Hoặc trong Dục Giới.
- c. Sắc Ái Trụ Địa tức là Tư Hoặc trong Sắc Giới.
- d. Hữu Ái Trụ Địa tức là Tư Hoặc trong Vô Sắc Giới.

Sơ Tín đoạn Kiến Hoặc, Thất Tín đoạn Tư Hoặc nên bảo là: “*Trước đã thoát Tứ Trụ*”. Nhưng do tập khí sắc, thanh, hương, vị, xúc pháp chưa hết, nên bảo là: “*Nhưng sáu trần chưa không*”. Ở đây chỉ luận về địa vị Thất Tín, chứ Bát, Cửu, Thập Tín đã phá được Trần Sa Hoặc nên tập khí đã hoàn toàn rỗng không. Tập khí là những dư âm của các Chánh Hoặc (các phiền não chánh yếu). Giống như cái mâm đựng thịt dù đã rửa sạch, vẫn còn có mùi hôi; bình đựng rượu tuy đã súc kỹ

vẫn còn có mùi rượu. “*Mắt vẫn còn màng mộng, thấy hoa đóm trên không*” là: Vì chưa phá Vô Minh nên chưa thể thấy được bản thể của Chân Không Pháp Giới.

5. Phần Chứng Túc Phật là ở [giai đoạn] Thập Tín hậu tâm[44], phá một phần Vô Minh, chứng một phần Tam Đức, liền bước vào Sơ Trụ, chứng Pháp Thân, là Pháp Thân Đại Sĩ. Từ Sơ Trụ đến Đẳng Giác, tổng cộng là bốn mươi một địa vị, mỗi địa vị đều phá được một phần vô minh, chứng một phần Tam Đức, nên gọi là Phần Chứng Túc Phật. Do vô minh chia làm bốn mươi hai phẩm, Sơ Trụ phá một phần, cho đến Thập Trụ phá được mười phần. Trải qua [các địa vị] Thập Hạnh, Thập Hồi Hướng, Thập Địa cho đến Đẳng Giác [lần lượt] phá được bốn mươi một phần. Bậc Sơ Trụ có thể hiện thân làm Phật trong thế giới không có Phật, lại còn tùy loại hiện thân độ thoát chúng sanh. Thân thông đạo lực của bậc này chẳng thể nghĩ bàn, hướng hồ là càng lên mỗi địa vị trên càng thù thắng hơn nữa, nhất là địa vị thứ bốn mươi một là Đẳng Giác Bồ Tát ư? Kệ tụng rằng:

Hoát nhĩ tâm khai ngộ

Trạm nhiên nhất thiết thông

Cùng nguyên do vị tận

Thường kiến nguyệt môn lung.

(Đột nhiên tâm khai ngộ,

Lặng trong hết thấy thông,

Vẫn chưa thông tận gốc

Trắng thường thấy môn lung)

“*Đột nhiên tâm khai ngộ, lặng trong hết thấy thông*” là nói về cảnh tượng phá được vô minh đôi phần, chứng ngộ đôi phần. “*Vẫn chưa thông tận gốc, trắng thường thấy môn lung*” ý nói còn có mây vô minh [che lấp] nên chưa thể thấy thấu tột ánh sáng của vầng trăng thiên chân trong tự tánh.

6. **Cứu Cánh Tức Phật** là từ Đẳng Giác lại phá một phần Vô Minh nên [thấu đạt] tột cùng Chân Tánh, hết sạch Hoặc, phước huệ viên mãn, chứng ngộ triệt để Chân Như Phật Tánh sẵn có ngay trong tâm mình, đạt địa vị Diệu Giác, thành đạo Vô Thượng Bồ Đề. Kệ tụng rằng:

Tùng lai chân thị vọng

Kim nhật vọng giai chân

Đản phục bản thời tánh

Cánh vô nhất pháp tân.

(Từ trước, chân là vọng

Hôm nay, vọng đều chân,

Chỉ khôi phục bản tánh

Có pháp nào mới đâu?)

“*Từ trước chân là vọng*” là trước khi ngộ thì cũng chỉ từ “Ngũ Uẩn đều là không” này mà làm sanh chấp trước [khiến cho] Sắc Pháp, Tâm Pháp nương theo nhau thành lập, khô ách theo đó sanh ra. Sau khi đã ngộ rồi, tuy vẫn chỉ là Ngũ Uẩn này, nhưng toàn thể đều là một Chân Như, trọn chẳng có tướng Sắc, Tâm, Ngũ Uẩn để được. Vì thế, bảo là: “*Từ trước chân là vọng. Hôm nay, vọng đều chân*”. Nhưng cái Chân được chứng ấy nào phải là điều gì mới đạt được, chẳng qua là phục hồi lại Chân Như Phật Tánh sẵn có đó thôi, vì thế bảo: “*Chỉ khôi phục bản tánh, có pháp nào mới đâu?*”

Lại nữa, chúng sanh còn mê thì thấy Phật, Bồ Tát và hết thấy chúng sanh đều là chúng sanh, cho nên hủy báng Phật pháp, sát hại chúng sanh, chẳng biết là tội lỗi; trái lại còn coi đó là vui. Đức Phật đã triệt ngộ cái tâm “tâm, Phật, chúng sanh cả ba không sai biệt”, thấy hết thấy chúng sanh hoàn toàn là Phật. Vì thế đều vì kẻ oán, người thân thuyết pháp khiến cho họ được độ thoát; dầu là kẻ cực kỳ ác nghịch không tin, tâm [Phật] cũng không hề có một niệm buông bỏ vì Phật thấy thấu suốt kẻ đó chính là một vị Phật chưa thành vậy.

Sáng hôm nay, ông Hoàng Hàm Chi bảo tôi rằng: Pháp Sư Viên Anh nói đạo tràng sắp viên mãn; ngày hoàn mãn sẽ cử hành phóng sanh. Đến ngày Mười Sáu sẽ nói về Tam Quy, Ngũ Giới, xin tôi vì đại chúng giảng đại ý của sự phóng sanh và thọ Tam Quy, Ngũ Giới ngõ hầu mọi người cùng phát tâm lợi người, lợi vật. Bởi thế, chẳng thể không tuyên nói. Pháp hội này nhằm để hộ quốc tức tai. Nếu suy xét đến tận cùng nguyên do phát khởi tai nạn thì phần nhiều là vì sát sanh mà ra. Vì thế, muốn ngưng dứt sát nghiệp, phải bắt đầu từ việc kiêng giết chóc, ăn chay, bảo vệ, tiếc thương sanh mạng loài vật và chuộc mạng loài vật. Mọi người ai nấy phải nên phát tâm bảo vệ, thương tiếc sanh mạng loài vật. “*Muốn biết binh đao trong cõi thế, lò mổ xin nghe tiếng nửa đêm*”. Hãy giữ hai câu ấy làm lời nhắc nhở, tận lực kiêng dè.

Ý nghĩa của việc phóng sanh là khiến cho mọi người phát tâm bảo vệ mạng sống của chúng sanh. Chính mình phóng sanh, đương nhiên sẽ chẳng sát sanh nữa. Dẫu chính mình chẳng phóng sanh, trông thấy người khác phóng sanh, lẽ nào còn nỡ sát sanh? Nếu ai nấy bảo vệ, thương tiếc sanh mạng, chẳng tàn hại nữa sẽ tiêu được sát kiếp, chuyển được vận nước. Nhưng người đời vẫn có kẻ một mặt bỏ tiền phóng sanh, một mặt vẫn sát sanh, ăn thịt như thường. Như vậy, dù có chút công đức phóng sanh, làm sao địch nổi tội lỗi sát sanh lớn lao! Hiện thời, hội này dự định trong ngày viên mãn sẽ cử hành phóng sanh, xin các vị phát tâm thí tiền giúp cho, tự lợi, lợi vật, công đức chẳng thể nghĩ bàn. Còn như [tiền] cúng dường của đệ tử quy y lần này, Ân Quang quyết định dùng hết vào việc cứu trợ tai nạn, trọn chẳng lấy dùng một đồng nào! Bởi lẽ, tôi là một ông Tăng trợ trợ, đã không có chùa miếu, lại cũng chẳng có đồ đệ, trừ thức ăn, quần áo ra, để dành tiền làm gì? Mai kia mạng chung, sau khi hỏa thiêu, đem tro rải xuống biển cả, chẳng cần phải tạo tháp và làm bất cứ [hình thức] kỷ niệm nào!

Ngay cả việc quy y đây, tôi vốn chẳng thuận từ đầu, nhưng bởi pháp sư Viên Anh và cư sĩ Khuất Văn Lục thiết tha khuyên bảo, viện lẽ những người phát tâm

cầu pháp ân cần, vì thỏa mãn ý nguyện của họ, vì tình chẳng thể khước từ, nên đành chấp thuận. Tôi vốn xem nhẹ tiền bạc, chẳng giống những người khác, mỗi tên đệ tử phải xuất tiền “huong kính”[45] bao nhiêu đó mới chấp thuận cho quy y. Tôi thì không tiền cũng quy y được, chỉ cần người ấy có tâm thành kính tu trì mà thôi. Bởi lẽ, chẳng thể coi chuyện quy y như chuyện mua bán, cần phải ra giá bao nhiêu đó mới mua được hàng hóa đáng giá chừng đó! Có như vậy thì mới là tín đồ chân thật quy y Phật pháp, mới có thể đạt đại lợi ích liễu sanh thoát tử, siêu phàm nhập thánh.

Ngày thứ sáu: Dùng Chân Đế và Tục Đế để phá trừ kiến chấp và trần thuật những chuyện linh cảm gần đây

Người đời chấp Không, chấp Có, làm lạc sanh khởi những kiến giải của chính mình nên mê muội chẳng giác ngộ. Đức Thế Tôn lập ra giáo pháp [là vì] muốn cho chúng sanh phá trừ hai kiến chấp ấy, đặc biệt bày ra một pháp môn Niệm Phật, mong chúng sanh từ Có đạt đến Không, dầu đắc Không nhưng chẳng bỏ Có thì hai pháp Có - Không sẽ hỗ trợ nhau, được lợi ích rất lớn. Huống hồ là cậy vào nguyện lực của Phật Di Đà. Vì thế, lực dụng của pháp môn Niệm Phật vượt trội hết thảy pháp môn [khác], làm chỗ quy túc cho hết thảy các pháp môn.

Trong đời có một hạng người tri kiến hèn kém, dạy họ niệm Phật cầu sanh Tây Phương bèn nói: “Chúng tôi là hạng nghiệp lực phàm phu, làm sao dám mong mỗi vãng sanh Tây Phương? Chỉ cầu chẳng mất thân người là đủ lắm rồi”. Thứ tri kiến này là do chẳng biết tâm tánh của chúng sanh và tâm tánh của chư Phật giống hệt, chẳng hai. Nhưng chư Phật tu đức đến cùng cực, tánh đức hiển hiện trọn vẹn, còn chúng sanh dầu đủ tánh đức, trọn không tu đức, dầu có tu tập nhưng lắm kẻ vì tu hành trái nghịch với tánh, nên đâm ra càng thêm mê muội, trái nghịch.

Lại có một hạng người tri kiến cuồng vọng. Dạy họ niệm Phật, liền bảo: “Ta đã là Phật, cần gì phải niệm Phật? Các người chẳng biết tự mình chính là Phật thì thường niệm Phật cũng không sao! Ta đã tự biết là Phật, cần gì phải trên đầu lại chồng thêm một cái đầu!” Thứ tri kiến này là do chỉ biết đến vị Phật thuộc về Phật Tánh sẵn có ngay trong tâm, chưa biết đến vị Phật đã đoạn sạch Phiền Hoặc, viên mãn phước huệ. Hạng người này nếu đã biết Tánh - Tu, Lý - Sự đều chẳng thể thiên chấp, cực lực tu tịnh hạnh thì sẽ vượt xa hạng người nầy sanh tri kiến hèn kém. Nếu chẳng vậy, sẽ tự làm, làm người, vĩnh viễn đọa trong địa ngục A Tỳ, trọn không có kỳ ra. Vì thế, đối với những hiểu biết lầm lạc chấp Không, chấp Có, kiến giải hèn kém và kiến giải lầm lạc cuồng vọng này, chỉ có riêng pháp Niệm Phật là dễ đối trị nhất. *“Tâm này làm Phật, tâm này là Phật”*, nếu chẳng làm Phật thì chẳng phải là Phật được. Hai câu kinh văn này chính là Vô Thượng Diệu Pháp để phá trừ hai thứ kiến chấp hèn kém và cuồng vọng.

Bàn chặt chẽ về ý nghĩa lớn lao trong Phật pháp thì chẳng ngoài Chân Đế và Tục Đế. Chân Đế một pháp chẳng lập, là thực thể được thấy biết bởi Thánh Trí. Tục Đế phô bày trọn vẹn vạn hạnh, chính là hành tướng được tu trong pháp môn (chữ Tục ở đây nghĩa là tạo dựng, kiến lập, chứ đừng hiểu là thế tục, thô tục). Người học Phật phải viên dung Chân - Tục, một mực cùng hành. Bởi lẽ, vì một pháp chẳng lập thì mới có thể tu đạo phô bày trọn vẹn vạn hạnh. Vạn hạnh được phô bày trọn vẹn thì mới hiển hiện được bản thể một pháp chẳng lập. Nay để dễ hiểu, tôi nêu riêng một thí dụ. Bản thể của Chân Như Pháp Tánh ví như tấm gương quý báu tròn lớn, rỗng rỗng rang rang, trọn không có một vật, thế mà người Hồ đến thì bóng người Hồ hiện, người Hán đến ắt bóng người Hán hiện. Hồ, Hán cùng đến một lúc thì cùng lúc hiện bóng. Ngay đang trong lúc rỗng rang, trống lỗng, trọn không có một vật, chẳng trở ngại gì chuyện người Hồ đến, bóng người Hồ hiện; kẻ Hán đến, bóng kẻ Hán hiện. Ngay đang lúc người Hồ đến hiện bóng người Hồ, người Hán đến soi bóng người Hán, gương vẫn rỗng rang, trống lỗng, trọn không có một vật.

Thiền Tông đặt nặng Chân Đế, tức là ngay chỗ “vạn hạnh phô bày trọn vẹn” chỉ ra “một pháp chẳng lập”. Tịnh tông phần nhiều chú trọng Tục Đế, tức là ngay nơi “một pháp chẳng lập”, chỉ ra chuyện “vạn hạnh phô bày trọn vẹn”. Bậc trí hiểu rõ Lý sẽ tự chẳng thiên chấp. Nếu không, thà chấp Có còn hơn là chấp Không! Vì nếu chấp Có dẫu chưa ngộ trọn vẹn Phật tánh vẫn còn có công tu trì; chứ chấp Không sẽ bác không nhân quả, thành ra kiến chấp Đoạn Diệt, phá hoại, rối loạn Phật pháp, khiến chúng sanh nghi ngờ, lằm lạc, họa ấy rất lớn, chẳng thể tuyên nói được!

Chúng ta niệm Phật trước hết phải từ Có Niệm mà khởi. Niệm đến lúc niệm lặng, tình mát, ắt không những đã không có Ta là người niệm mà cũng không có đức Phật được ta niệm, nhưng từng câu, từng chữ vẫn rành rẽ, phân minh, chẳng lằm, chẳng loạn, tức là như thường nói: *“Niệm mà vô niệm, vô niệm mà niệm”* vậy. *“Niệm mà vô niệm, vô niệm mà niệm”* nghĩa là ngay trong lúc đang niệm Phật, trọn chẳng có tình niệm khởi tâm niệm Phật. Tuy không có tình niệm khởi tâm niệm Phật nhưng lại niệm rành rẽ, phân minh, liên tục. Nhưng công phu này chẳng phải là điều hạng sơ tâm có thể đạt được ngay! Nếu chưa đạt đến công phu “vô niệm mà niệm” mà không chú trọng “có niệm” thì khác nào phá nhà để tìm lấy chỗ trống không! Cái Không ấy quyết chẳng phải là chỗ để an thân lập mạng được! Các bậc cổ Thiền đức, có nhiều vị lễ bái, trì tụng chẳng tiếc thân mạng như cứu đầu cháy. Vì thế, thiền sư Vĩnh Minh Diên Thọ ngày làm một trăm lễ tám Phật sự, đêm qua ngọn núi khác kinh hành niệm Phật; hướng hồ là học nhân đời sau chẳng trọng Sự Tu (tu hành về mặt Sự) mà hòng thành tựu đạo nghiệp ư? Do đại ngộ lý thể “một pháp chẳng lập”, tận lực tu hành công phu “vạn pháp viên tu” nơi mặt Sự thì mới là Trung Đạo Không Hữu viên dung!

Kẻ [chấp vào] Không Giải Thoát cho rằng chẳng tu một pháp nào hết mới là “[một pháp] chẳng lập” được chư Phật gọi là “kẻ đáng thương xót”. Liên Trì Đại Sư dạy: *“Chấp sự mà niệm, giữ được liên tục thì sẽ chẳng luống uổng công, được*

dự vào phẩm vị [vãng sanh]. Chấp lý nhưng tâm chưa thật sự thông đạt, khó thể tránh được cái họa rớt vào Không. Bởi lẽ, Sự có công năng kèm cặp Lý, Lý chẳng thể tồn tại độc lập”, lý do là như vậy đó. Chúng ta học Phật phải do từ ngay nơi Sự để thành Lý, do chính ngay nơi Lý để thành Sự. Lý - Sự viên dung, Có - Không chẳng hai thì mới có thể trọn thành tam-muội, liễu thoát sanh tử. Nếu tự nói ‘ta chính là Phật’, chấp Lý phế Sự, sai lầm rất nặng! Hãy nên tận lực tu trì, nhất tâm niệm Phật, từ Sự hiển Lý, dấu hiển Lý vẫn chú trọng nơi Sự thì mới được lợi ích thật sự. Ngay như hàng Đẳng Giác Bồ Tát vẫn còn phải dùng mười đại nguyện vương hồi hướng vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới nhằm mong viên mãn Phật Quả. Nay là phàm phu nhưng chẳng biết tự lượng, coi niệm Phật là Tiểu Thừa chẳng đáng để tu trì, tương lai quyết định vào địa ngục A Tỳ vậy!

Hơn nữa, người niệm Phật ai nấy phải tận hết bốn phận của chính mình, chẳng trái nghịch luân lý thế gian, như thường nói là *“giữ vẹn luân thường, tận hết bốn phận, ngăn cấm điều tà, giữ lòng thành, đừng làm các điều ác, vâng giữ các điều lành”*. Nếu bất hiếu với cha mẹ, chẳng dạy dỗ con cái thì là tội nhân trong Phật pháp. [Người] như vậy mà muốn được Phật cảm ứng gia bị, trọn chẳng có lẽ ấy! Vì thế, người học Phật phải là cha từ, con hiếu, anh nhường, em kính, tự lập mình, lại chu toàn cho người, tự lợi, lợi tha. Ai nấy tận hết bốn phận của chính mình, dùng chính thân mình đốc suất người khác, rộng tu Lục Độ, vạn hạnh, để làm gương mẫu cho mọi người. Phải biết rằng hiếu, đễ, trung, tín, lễ, nghĩa, liêm, sỉ cũng thuộc vào Lục Độ vạn hạnh. Trong cõi đời, kẻ chẳng tin Phật giống như người đeo cặp kính màu xem xét vạn vật, [thấy là] xanh hoặc đỏ là do kính [khác màu] mà ra, chẳng thấy được màu sắc thật sự của sự vật. Vì thế, sách Đại Học có thuyết *“cách vật trí tri”*, thật là có lý vậy! Người học Phật chúng ta chớ có lầm chấp vào kiến giải của chính mình. Nếu lầm chấp vào kiến giải của chính mình, ngồi đấy giềng nhìn trời, một khi Diêm La đòi mạng mới hay trước đây mình đã sai lầm, có hối cũng muộn rồi!

Đời này bạc ác, xã hội rối loạn, thiên tai, nhân họa liên tiếp xảy ra. Muốn tính chuyện cứu vãn, ai nấy phải tận lực giữ vẹn luân thường, tận hết bổn phận, hiếu dưỡng cha mẹ, thương yêu trẻ nhỏ, yêu người như yêu chính mình, hoàn toàn vì lẽ công, chẳng tư lợi, thì mới có thể [cứu vãn được]! Do nhân tâm hòa bình, thế giới tự yên, quốc nạn tự dứt. Hiện tại, mối họa hoạn lớn nhất là con người ô mê lòng riêng tư. Lòng riêng tư đến cùng cực [sẽ chỉ còn biết đến mình], con ruột có thể giết cha mẹ. Người đời thường hâm mộ cảnh thịnh trị rạng ngời, rực rỡ, thiên hạ thái bình thời Đường - Ngu[46], cứ than thở thói đời hiện tại suy đồi, lòng người hiểm ác, nhưng xét đến cùng cực tại sao thành ra như vậy thì thật sự chẳng ngoài [hai chữ] Công và Tư mà thôi! Công đến cùng cực ắt thế giới đại đồng, tư đến cùng cực thì con giết cha mẹ. Nếu mọi người phá được kiến chấp tư hữu, chẳng tàn hại lẫn nhau thì sẽ lại được thấy cảnh đời Đường Ngu Tam Đại[47] trong ngày nay chẳng khó khăn gì!

Xưa kia, tại Phò Đà có một vị lão Tăng đi đường, chân chột đụng phải cái ghế, liền đạp đổ cái ghế, lại còn giộng liên tiếp mấy đạp nữa. Thử tri kiến như vậy đều là do mặc tình ngã mạn, tuyệt chẳng phản tỉnh mà ra! Thử tri kiến ấy bộc phát lòng lầy ắt sẽ dẫn đến chuyện giết cha giết mẹ mà vẫn không hổ thẹn; trái lại, còn coi đó là công lao! Hiện tại cơ duyên giết hại càng mạnh mẽ, dụng cụ giết người càng thêm khéo léo, tinh vi, đại kiếp ngay trước mặt, ai có thể thoát khỏi được? Chỉ mong đại chúng dốc hết lòng thành niệm Phật, xót xa cầu Phật lực gia bị. Khi chiến cuộc xảy ra ở đất Hồ (Thượng Hải), những nhà cửa ở vùng Áp Bắc phần nhiều cháy tan ra tro, chỉ còn khu nhà của một đệ tử quy y với tôi là ông Hạ Hình Bồi chưa bị mắc họa. Ấy là vì trong lúc chiến sự dữ dội, cả nhà ông ta cùng niệm thánh hiệu Quán Thế Âm Bồ Tát. Điều kỳ lạ nhất là bảy ngày sau khi cuộc chiến nổ ra, cả nhà bọn họ mới được Thập Cửu Lộ Quân[48] cứu ra; đến lúc đình chiến trở về nhà, mọi vật trong nhà chẳng mất thứ gì. Nếu Bồ Tát chẳng gia hộ, che chở thì làm sao mà được như vậy? Đó là do ông ta làm việc cho một tòa soạn nhật báo

đã mấy mươi năm, vợ chồng đều ăn chay, niệm Phật rất chí thành. Do vậy biết: Quán Âm Bồ Tát đại từ, đại bi, nếu gặp tai nạn, một phen xưng niệm thánh hiệu, chắc chắn được cứu vớt, che chở.

Nếu nói: “Người đời ngàn vạn, tai nạn phát sanh dồn dập, Quán Âm Bồ Tát chỉ có một mình làm sao có thể cùng lúc đến cứu vớt, che chở từng người được? Dù có cứu giúp, che chở, cũng mệt nhọc khôn xiết!” Nào biết trọn chẳng phải Quán Âm Bồ Tát đến từng chỗ cứu giúp, mà chính là Quán Âm trong tâm chúng sanh cứu giúp đó thôi! Quán Âm vốn vô tâm, lấy tâm chúng sanh làm tâm [của chính mình], cho nên có thể *‘nên dùng thân nào để cứu độ thì sẽ hiện ngay thân đó để thuyết pháp’*. Như vàng trắng văng vặc trên không, tất cả mọi chỗ có nước đều hiện bóng trắng, nước trong ngàn dòng sông có ngàn vàng trắng in bóng trên sông. Trăng ấy là một hay là nhiều? Chẳng thể nói là một, vì trăng hiện bóng trong muôn dòng nước; chẳng thể nói là nhiều vì vàng trắng trên hư không luôn chỉ là một. Chư Phật, Bồ Tát cứu độ hữu tình cũng giống như thế. Chẳng được cảm ứng là do chúng sanh còn chưa dốc lòng thành, chứ chẳng phải Bồ Tát không cứu giúp, che chở! Như một cái ao nước dơ bẩn, muốn trăng hiện bóng trong ấy há có được chẳng? Hiểu rõ lẽ này rồi, đại chúng chúng ta niệm Phật há còn ai chẳng chánh tâm, thành ý, chân thành, khẩn thiết hay sao? Tôi không tin !

Một đệ tử ở huyện Văn Hỷ, tỉnh Sơn Tây là ông Diệp Tư Sơ, cuời lừa đi trong vùng núi hiểm, một bên núi cao chót vót, một bên là khe sâu thăm thẳm. Tuyết đóng thành băng, con lừa trượt chân, liền rơi xuống khe. Ngang vách núi có một cái cây to, khéo sao rớt đúng ngay trên cây ấy, không hề hấn gì. Nếu không, sẽ bị tan thân, nát xương. Cây ấy do đâu mà có? Ấy là do Quán Âm Bồ Tát thị hiện vậy!

Lại nữa, năm Dân Quốc mười bảy (1928), ông Thái Nhân Sơ người huyện Ninh Ba mở cửa hàng Ngũ Kim Pha Lê ở Thượng Hải. [Ông ta là] người cực thuần hậu, chơi thân với ông Nhiếp Vân Đài. Vân Đài dạy ông Thái thường niệm Quán Âm, cốt ý để phòng ngừa bị bắt cóc, tống tiền. Nhân Sơ tin theo. Ngày nọ, sắp ra

về, xe của chính ông đậu ngoài cửa, bọn cướp cầm súng đuổi tài xế đi, rồi bọn cướp ngồi trên đó. Ông Nhân Sơ vừa bước ra liền leo lên xe, xe liền chạy đi, mới biết gặp cướp, liền thề niệm Quán Âm, mong cho xe chết máy hòng thoát nạn. Quả thật, xe bị nổ bánh, xe chạy khật khừ, nhưng vẫn cứ chạy tiếp. Bình xăng bị nổ vỡ khiến xe bắt lửa, bọn cướp xuống xe, cúi kính hướng về phía ông Thái nã liền ba phát súng, nhưng ông Thái ba lần chạy né được, liền ngồi xe kéo trở về. Tháng Sáu năm đó, ông và vợ cùng đến Phổ Đà quy y.

Lại nữa, ông Trương Thiếu Liêm, giám đốc của một hãng ngoại quốc nọ, trọn chẳng tin Phật. Một ngày kia, ngồi xe hơi lái đến chỗ thanh vắng, hai tên cướp cầm súng đuổi người tài xế đi. Ông Trương nói: “Các ông lên xe ngồi, sai hẳn lái đến chỗ nào là được rồi!” Hai tên cướp cầm súng chĩa về phía ông Trương. Ông Trương thề niệm Quán Âm, xe lái đến chỗ náo nhiệt, chợt có hai người đánh lộn, tuần bộ (cảnh sát) thổi còi, hai tên cướp trèo xuống xe, lủi mất. Đây là vì [ông Trương] niệm Quán Âm nên hai tên cướp mới lầm tưởng là tuần bộ đến bắt chúng. Cậu ông ta là Chu Vị Thạch đã quy y từ trước, một hôm thỉnh tôi đến nhà cụ. Thiếu Liêm cũng đến quy y.

Lại nữa, con ông Lý Cận Đan ở Trấn Hải làm nhân viên buôn bán cho một hãng ngoại quốc, bị bệnh thổ huyết đã hai năm. Có lúc thổ huyết thành linh, dầu là lúc không thổ huyết thì trong đàm cũng thường lẫn máu. Một ngày, anh ta bị bọn cướp bắt. Cận Đan sợ hãi vô cùng, cả nhà niệm Quán Âm cầu cứu. Lại thỉnh chư Tăng chùa Pháp Tạng trợ niệm. Sau đấy, bọn cướp đòi tiền chuộc năm mươi vạn đồng! Nhà họ Lý chỉ có năm vạn. Tên đầu sỏ bọn cướp bảo không đủ năm mươi vạn là không xong; nhưng mỗi khi hắn đề cập đến năm mươi vạn, đầu liền bị nhức buốt, sau đành phải chấp thuận năm vạn tiền chuộc. Từ khi con ông Cận Đan được bọn cướp thả về, chẳng những không bị thổ huyết, mà ngay cả khạc đàm cũng chẳng thấy lẫn máu nữa! Bệnh dây dưa suốt hai năm do bị cướp bắt, bệnh được

khỏi hẳn. Những sự tích cảm ứng vừa thuật trên đây, [quý vị] hãy nên tin tưởng sâu xa.

Hiện tại, người học Phật khá nhiều, nhưng người hiểu biết Phật pháp sâu xa quá ít, trái lại, con người phần nhiều tin vào những lời lẽ của ngoại đạo. Miền Giang - Triết thường đồn rằng: “Người niệm Phật chẳng được vào huyết phòng (phòng đàn bà sanh nở) vì một khi bị mùi máu tanh hôi của bà đẻ suông nhằm, bao nhiêu công đức niệm Phật từ trước tiêu mất hết”. Vì thế, [ai nấy] coi là chỗ phải tránh né, dù là con gái, con dâu của chính mình [sinh nở] đều chẳng dám đến gần. Có kẻ còn né sẵn qua nơi khác từ trước; hơn cả tháng mới dám trở về nhà. Tập tục này phổ biến rất rộng cũng đáng lạ thay! Chẳng biết đó chính là tà thuyết của ngoại đạo làm lầm lạc, điên đảo lòng người, há nên tin bậy?

Năm Dân Quốc thứ mười hai (1923), con dâu thứ của ông Viên Hải Quán, tuổi đã hơn năm mươi, có chút học vấn, có hai trai, hai gái. [Lúc] con dâu trưởng của bà ta sắp sanh, một vị cư sĩ bảo: “Con dâu sắp sanh, trong vòng một tháng, không được thờ Phật trong nhà, cũng chẳng được niệm Phật”. Bà ta nghe xong, hồ nghi, vừa may tôi đến đất Hồ, bèn hỏi ý việc ấy. Tôi nói: “Kẻ mù quáng đặt lời đồn thổi! Về bảo con dâu bà thường niệm Quán Âm, lúc sanh nở cần niệm ra tiếng. Bà và những người săn sóc sản phụ ai nấy đều nên niệm lớn tiếng thì chắc chắn chẳng đến nỗi bị sanh khó và không có những chuyện đau đớn, băng huyết v.v... Mà sau khi đẻ xong cũng chẳng bị các điều nguy hiểm”. Bà ta nghe nói, rất mừng. Qua mấy ngày sau, cháu bé sanh ra, thân rất to, người Hồ Nam sanh con nhất định cân [coi nặng bao nhiêu], đứa bé nặng đến chín cân rưỡi, lại là con so, mà [người mẹ] trọn chẳng đau đớn gì. Vậy mới biết sức đại từ, đại bi của Quán Âm Bồ Tát chẳng thể nghĩ bàn. Bình thường niệm Phật, niệm Bồ Tát, phàm lúc sắp ngủ, lúc rửa chân, tắm gội đều nên niệm thầm. Chỉ có lúc sanh nở chẳng được niệm thầm vì lúc đang sanh phải dùng sức, niệm thầm ắt sẽ bị tức khí thành bệnh. Phải rất chú ý điểm này! Phải biết: Phật lực chẳng thể nghĩ bàn, Pháp lực chẳng thể nghĩ bàn,

chúng sanh tâm lực cũng chẳng thể nghĩ bàn, chỉ do con người có lòng kiền thành hay không mà thôi!

Vị cao tăng đời Minh là ngài Thọ Xương Huệ Kinh thiền sư lúc sắp được sanh ra khá khó khăn. Ông nội ngài đứng ngoài phòng sanh, vì con cháu niệm kinh Kim Cang để cầu được dễ sanh. Cụ vừa mới mở miệng niệm xong hai chữ Kim Cang, [cháu] liền được sanh. Ông nội bèn đặt tên cho cháu là Huệ Kinh. Lớn lên, quy y và xuất gia đều chẳng lấy tên nào khác. Ngài là vị cao tăng lỗi lạc thời Vạn Lịch (Minh Thần Tông 1573-1620). Do đấy, gẫm xem thì biết là Phật pháp có ích cho cõi đời cũng lớn lắm! Niệm Quán Âm Bồ Tát vào lúc sanh sản có lợi ích như thế đó, há nên bị tà thuyết mê hoặc mà chẳng tin phụng Ngài ư?

Người đời ăn thịt đã thành thói quen. Hãy nên biết bất cứ loại thịt nào đi nữa đều có chất độc, vì lúc [con vật] bị giết, hận tâm, oán khí ngùn ngụt. [Người ăn vào] tuy chẳng đến nỗi mất mạng ngay lập tức, nhưng tích tập lâu ngày sẽ trở thành ghê chốc, tật bệnh. Những phụ nữ trẻ tuổi nếu vừa nổi nóng xong liền cho con bú sữa mẹ, đứa bé có thể bị chết; là vì sự nóng giận khiến cho sữa bị trở thành chất độc. Sự nóng giận của con người vào lúc chưa phải bị đau khổ trí mạng còn độc đến thế, huống là cái đau mất mạng của những loài lợn, dê, gà, vịt, cá, tôm v.v... há có thể nào thịt chúng nó chẳng độc ư? Hơn mười năm về trước, tôi thấy một cuốn sách nói: *“Một phụ nữ Âu Tây tánh tình nóng nảy quá mức, [ngày nọ] vừa nổi nóng xong, cho con bú, đứa bé chết ngay, chẳng biết vì nguyên do gì. Về sau lại sanh đứa khác, lại nhân lúc nóng giận xong cho con bú, [đứa bé] chết tươi; bèn đem sữa đi xét nghiệm thì thấy có chất độc, mới biết cả hai đứa con đều chết vì bú sữa độc”*.

Gần đây, có một bà cụ đến quy y, tôi bảo cụ ăn chay vì thịt có chất độc và kể chuyện người phụ nữ Âu Tây do nóng giận mà sữa hóa thành chất độc làm chết hai đứa con để làm chứng. Bà cụ ấy bảo bà ta cũng có hai đứa con cũng bị chết giống như vậy, vì ông chồng cụ tánh khí ngang ngược, man rợ, cứ hễ trái ý liền đánh vợ

nhờ tử. Con thơ trông thấy khóc òa lên, liền cho con bú. [Đứa bé] chết liền! Lúc ấy, cụ chẳng biết là chết vì sữa đã trở thành chất độc. Con dâu cụ cũng vì cho con bú mà chết mất một đứa. Đủ thấy con nít trong đời bị trúng sữa độc chết chẳng biết là bao nhiêu. Từ người phụ nữ Tây Phương phát giác trước tiên cho đến cụ bà này [xác nhận], mới thấy thật minh bạch. Vì thế, phụ nữ cho con bú sữa mẹ chớ nên nổi nóng. Nếu như đang giận dữ quá mức thì hôm ấy đừng có cho con bú, cần phải đợi đến hôm sau, tâm trạng lắng dịu, lúc hết còn giận hờn thì mới [cho con bú] không ngại gì. Nếu ngay hôm đó cho con bú rất có thể làm chết con. Nếu không chết ngay, rất có thể là chết dần dần.

Do vậy, biết rằng: Trâu, dê v.v... lúc bị giết tuy chẳng nói được, nhưng chất độc do lòng oán hận kết lại trong thịt nơi thân chúng cũng chẳng ít ỏi gì! Kẻ biết tự thương mình cố nhiên phải nên kiêng [ăn thịt] vĩnh viễn để tránh khỏi các thứ tai họa trong đời này, đời sau! Chuyện này rất ít người biết; vì thế, phải nêu rõ ra, mong sao mọi người lưu ý. Lấy đó làm chứng, cần biết rằng: Khi người ta nóng giận, chẳng những sữa có chất độc mà nước mắt, nước miếng cũng đều có chất độc. Nếu những thứ này rơi rớt vào mắt, vào thân trẻ nhỏ cũng gây hại chẳng cạn. Có một vị bác sĩ đến quy y, tôi hỏi ông ta: “Trong sách thuốc có nói đến điều này hay không?” Ông ta đáp: “Không biết!” Trong thế gian chuyện vượt ngoài tình lý khá nhiều, chẳng thể vì chúng không hợp khoa học mà coi thường được! Chẳng hạn như cách trị bệnh sốt rét thì dùng một tấm giấy trắng rộng hai tấc, viết ô mai (hai trái), hồng táo (hai trái), hồ đậu (tùy theo bệnh nhân bao nhiêu tuổi, viết bấy nhiêu hạt. Như mười tuổi, viết mười hạt. Hai mươi tuổi viết hai mươi hạt) xếp lại. Trước lúc cơn bệnh phát ra khoảng một tiếng đồng hồ, quần trên bắp tay, nam bên trái nữ bên phải, thì bệnh sẽ chẳng phát nữa. Trăm lần áp dụng, trăm lần hiệu nghiệm. Dù bệnh đã hai ba năm chẳng lành, cũng chữa lành được. Chẳng phải bùa, chẳng phải chú, chẳng phải thuốc mà trị lành được bệnh ngặt, há có thể vận dụng lý thông thường để giải thích hay chẳng? Sự thể trong thế gian đều khó thể nghĩ bàn cả! Như mắt

thấy, tai nghe là chuyện cực bình thường, ai ai cũng biết cả, nhưng nếu hỏi vì sao mắt thấy được, vì sao tai nghe được thì những người biết rất ít! Trong Phật pháp cũng có những sự chẳng thể nghĩ bàn nhưng lại nghĩ bàn được, có những sự có thể nghĩ bàn nhưng lại chẳng thể nghĩ bàn được. Thần diệu nhưng minh bạch, tồn tại ngay trong con người, há nên dùng lẽ thường tình để suy lường ư!

Ngày thứ bảy: Giảng về tội đại vọng ngữ và những sự như đại hiếu trong nhà Phật, trí tri cách vật, thật thà niệm Phật v.v...

Ngày hôm nay, pháp hội viên mãn. Thời hạn bảy ngày chớp mắt đã qua. Thế nhưng, pháp hội tuy viên mãn, chuyện hộ quốc tức tai nên thực hiện cho đến khi chấm dứt báo thân này. Trừ phi ai nấy ăn chay, niệm Phật, vãng sanh Tây Phương, chẳng thể nói là đã viên mãn rốt ráo được.

Người học Phật hiện tại có lắm kẻ tự bảo ta đã khai ngộ, ta là Bồ Tát, ta đã đắc thần thông đến nỗi gây làm lạc cho nhiều người. Một mai Diêm lão réo mạng, lúc mạng sắp chấm dứt, khi ấy cầu sống chẳng được, đau khổ mà chết, chắc chắn đọa địa ngục A Tỳ. Chớ nên nhiễm đắm thói ác của những kẻ ham cao, chuộng xa, dối mình, lừa người ấy; nếu có thì phải sửa ngay. Nếu không có thì càng thêm cố gắng. Hãy kiên trì, hãy đề phòng!

Giết, trộm, dâm... cố nhiên là tội nặng, nhưng con người biết những hành vi ấy chẳng tốt, không đến nỗi ai nấy đều bắt chước theo, nên tội ấy vẫn còn nhẹ. Nếu chẳng tự lượng, phạm tội đại vọng ngữ, chưa đắc đã bảo đắc, chưa chứng đã nói chứng để dẫn dắt những hạng vô tri, ai nấy đều bắt chước theo, hoại loạn Phật pháp, làm chúng sanh bị nghi ngờ, làm lạc, tội ấy nặng không thể hình dung được! Người tu hành cần phải giấu tài, ẩn đức, phơi bày tội lỗi. Nếu chuộng phô trương tiếng tăm, oai thế rộng tuếch, bày trò giả dối, dù có tu hành cũng bị cái tâm dối trá

rỗng tuếch ấy làm hư mất hết! Vì thế, Phật đặc biệt coi tội vọng ngữ là giới căn bản của các giới để ngăn ngừa tâm hư ngụy, ngõ hầu [người tu học đạo Phật] sẽ chân tu, thực chứng. Người tu hành chẳng được hướng về hết thấy mọi người khoe khoang công phu của chính mình. Nếu như vì chính mình chẳng thể hiểu thật rành rẽ, muốn cầu thiện tri thức khai thị, ẩn chứng, thì cứ theo đúng sự thực mà trình bày trực tiếp, chớ nên kiêu căng nói quá lên, cũng chớ nên tự khiêm nói giảm đi, cứ dựa theo bốn phận của chính mình mà nói thì mới là đệ tử Phật thật sự, mới có thể mỗi ngày một thấy được lợi ích nhiều hơn. Lục Tổ đại sư nói:

Phật pháp tại thế gian,

Bất ly thế gian giác,

Ly thế mịch Bồ Đề,

Kháp như cầu thố giác

(Phật pháp tại thế gian,

Chẳng rời thế gian giác

Lìa đời tìm Bồ Đề

Khác nào tìm sừng thỏ).

Vì vậy, biết rằng: Hết thấy mọi sự mỗi vật trong thế gian đều là Phật pháp. Chúng ta khởi tâm động niệm đều phải rành rẽ, minh bạch, chẳng được để vọng niệm làm mê. Ngay cả những kẻ cực ác, bại hoại nhất trong thế gian cũng như những đứa trẻ non nớt nếu có ai nói đến những điều bất thiện thì giận, nghe điều lành thì vui. Sự giận dữ đối với điều bất thiện, vui vẻ đối với điều thiện há chẳng phải là Chân Tâm Bản Giác phát hiện ư? Điều đáng tiếc là chẳng biết tự quay lại để mở rộng [cái tâm giận điều ác, vui điều lành] ra, vẫn cứ suốt ngày làm chuyện chẳng lành, đến nỗi trở thành ham danh, ghét thật, lọt vào hạng tiểu nhân. Giả sử họ có thể tự phản tỉnh: “Ta đã vui với điều thiện thì hãy nên tận lực làm việc lành, tận lực ngăn ngừa điều ác thì gần là mong thành hiền, thành thánh; xa là liễu sanh thoát tử, thành giác đạo của Phật”.

Điều quan trọng là tự giác. Hễ giác thì chẳng chịu thuận theo mê tình, cuối cùng đạt đến chỗ giác vĩnh viễn chẳng mê. Nếu chẳng tự giác sẽ hằng ngày muốn người khác khen ngợi ta là lành, nhưng hằng ngày tận lực làm các điều ác, chẳng đáng buồn lắm ư? [Sự kiện] con người ai cũng có ý niệm thích được người khác khen ta là lành đủ chứng tỏ chúng sanh đều có Phật tánh, nhưng hành vi thuận theo tánh hay trái nghịch tánh thì: Một là do mình tự cố gắng hay tự buông lung, hai là do thiện hay ác tri thức chỉ bày, dẫn dụ. Đời nay, tai nạn phát sanh dồn dập, quá nửa là do con người phần nhiều chẳng chuộng thực tế, ham chuộng mong mọi hư danh, ham danh ghét thật, trái nghịch bản tâm của chính mình mà nên nổi! Nếu có thể hồi quang phản chiếu, tỏ rõ Phật tánh vốn sẵn có, chẳng lừa mình, dối người, biết lẽ nghĩa, biết liêm sỉ thì cái căn bản đã lập, chẳng còn làm chuyện nghịch lý loạn đức, ắt tai hoạn sẽ tự dứt vậy!

Người học Phật quan trọng nhất là ai nấy phải trọn hết bốn phận. Tròn bốn phận thì sẽ có liêm, có sỉ. [Những hạnh] như cha từ, con hiếu, anh nhường, em kính đều nên nỗ lực thực hành. Sách Đại Học có câu: “*Đại học chi đạo, tại minh Minh Đức*” (Đạo đại học cốt ở chỗ làm sáng tỏ cái đức sáng). Chữ “minh” thứ nhất là tu đức “khắc kỷ[49], xét soi, phản tỉnh”. Hai chữ “Minh Đức” tiếp đó chỉ tánh đức sẵn có trong tự tâm. Muốn làm sáng tỏ Minh Đức sẵn có trong bản tâm, không tu trì từ việc khắc kỷ, xét soi, phản tỉnh thì không xong! Tiến lên nữa, mới có thể nói: “*Tại thân dân, tại chỉ u chí thiện*”. Chữ “*thân dân*” ở đây hàm ý ai nấy tận hết bốn phận. “*Chỉ u chí thiện*” nghĩa là khởi tâm, làm chuyện gì, tự hành, dạy người, đều thuận theo lẽ trời, tình người, là Trung Đạo chẳng lệch, chẳng cong queo. Được như vậy thì làm thánh làm hiền là điều có thể đạt được!

Vả nữa, Phật pháp nhằm dạy người đối trị phiền não, tập khí, nên có Tam Học Giới - Định - Huệ làm căn bản. Bởi lẽ, Giới ràng buộc cái thân thì chẳng dám làm điều trái đức nghịch lý, chẳng dám thốt lời vô ích có hại. Do Giới sanh Định nên những tạp niệm vọng loạn rối bời trong tâm sẽ dần tiêu, những hành vi hồ đồ sẽ tự

ngung. Do Định phát Huệ nên Chánh Trí mở mang, phát khởi, Thiền Hoặc tiêu diệt, thực hiện các thiện pháp thế gian hay xuất thế gian không pháp nào là chẳng phù hợp với Trung Đạo vậy! Ba thứ Giới - Định - Huệ đều là Tu Đức, đều là tâm thể do đích thân Chánh Trí thấy được! Đấy chính là Minh Đức. Sách Trung Dung gọi Minh Đức này là Thành. Thành chỉ cho “thuần chân chẳng vọng”. Minh Đức tức là “lý niệm linh tri”. Thành và Minh Đức đều thuộc về Tánh Đức. Do có Tu Đức “tu trì khắc kỷ, phản tỉnh, xét soi” thì Tánh Đức mới hiển lộ. Bởi thế, cần chú trọng vào chữ “minh” thứ nhất thì Minh Đức mới có thể thấy thấu suốt, vĩnh viễn tỏa sáng!

Phật pháp và thế gian pháp vốn chẳng phải là hai thứ! Nếu có kẻ cho rằng nhà Phật “*từ thân cát ái*” (từ biệt cha mẹ, cắt đứt tình yêu thương) là bất hiếu thì đó là cái nhìn hạn cuộc trong đời này, là cái nhìn nông cạn chẳng biết tới quá khứ, vị lai. Chữ Hiếu đối với cha mẹ trong nhà Phật thông cả ba đời. Vì thế kinh Phạm Võng dạy: “*Nếu là Phật tử thì do Từ tâm sẽ hành nghiệp phóng sanh, coi hết thấy đàn ông là cha ta, coi hết thấy đàn bà là mẹ ta. Ta trong đời đời, không lúc nào không do họ sanh ra. Bởi vậy, chúng sanh trong sáu đường đều là cha mẹ ta. Giết họ để ăn tức là giết cha mẹ ta!*” Đối với hết thấy chúng sanh, Phật đều nghĩ thương xót độ thoát, ấy là Hiếu chẳng phải là vừa rộng lại vừa xa ư? Và nữa, lòng Hiếu thế gian: Cha mẹ còn sống thì hầu hạ, phụng dưỡng, cha mẹ đã khuất thì chỉ tới ngày [cha mẹ] mất mới làm cỗ cúng bái để trọn hết dạ làm con. Nếu như cha mẹ tội lớn, đọa trong dị loại, nào ai có thể biết trong đám sinh vật bị giết hại để ăn ấy, chắc chắn không có ai từng là cha mẹ ta ư? Không thông hiểu lý ba đời vô tận, cạy vào sự hiếu nhỏ nhoi mấy mươi năm để trách người, sự thấy biết ấy nhỏ nhoi, nông cạn, đáng thương xót thay! Vì thế, Phật dạy người ta kiêng giết, phóng sanh, ăn chay, niệm Phật, lòng từ bi cứu giúp cũng lớn lao thay!

Hoặc lại có kẻ bảo: “Loài lợn, dê, cá, tôm... vốn do trời sanh để nuôi dưỡng con người, ăn chúng nào có mắc tội gì?” Đây là do chưa trải qua cảnh đó nên mới

nói bừa như thế. Nếu đích thân trải qua cảnh ấy thì mong được cứu còn không xuể, nào có dịp biện bác. Sách Khuyển Giới Loại Biên có chép: Ông họ Triệu nợ làm huyện lệnh huyện Bồ Thành, tỉnh Phước Kiến, ăn chay trường thờ Phật. Vợ ông hoàn toàn không có lòng tin. Ngày hôm trước bữa sinh nhật, bà ta mua khá nhiều sanh vật tính giết đãi khách. Họ Triệu bảo: “Bà muốn chúc thọ mà lại làm cho chúng nó bị chết, nên chăng?” Vợ bảo: “Ông nói toàn lời vô ích! Nếu theo như Phật pháp, nam nữ chẳng được ngủ chung, chẳng giết sanh mạng, thì hóa ra mấy chục năm sau, tràn ngập thế gian toàn là súc sanh!” Ông Triệu cũng không có cách gì khuyên giải được. Đến đêm, người vợ mơ thấy đi vào nhà bếp, thấy giết lợn mà chính mình bị biến thành lợn, bị giết chết rồi vẫn còn biết đau. Lúc bị cạo lông, phanh bụng, móc ruột, cắt phổi, đau khổ không thể chịu được nổi! Sau đấy, giết đến gà, vịt v.v... đều thấy chính mình là những con vật bị giết. Đau quá sức, tỉnh cả ngủ, tim run, thịt giựt. Từ đấy phát tâm thả hết những loài vật mình đã mua, ăn chay trường. Người này đời trước có căn lành lớn nên mới cảm được Phật từ gia bị, khiến cho bà ta đích thân chịu khổ để dứt ác nghiệp. Chứ nếu không sẽ đời đời, kiếp kiếp nộp thân cho người ta ăn [để đền nợ sát sanh]! Những kẻ giết sanh vật ăn thịt trong cõi đời nếu có thể nghĩ tưởng đặt chính mình vào trong hoàn cảnh [của loài vật] thì khó gì mà chẳng quay đầu ngay khi ấy.

Lại có một hạng người nói: “Ta ăn thịt trâu, dê, gà, vịt... là vì muốn độ thoát chúng nó!” Chẳng những Hiền Giáo không có thuyết này, ngay trong Mật Giáo cũng không có. Nếu quả thật có thần thông như ngài Tế Diên thì còn được. Chứ nếu không, đó chỉ là tà thuyết khiến người lầm lạc, tự chuốc lấy tội. Hạng hết sức vô liêm sỉ mới dám nói như thế! Người học Phật phải hiểu rõ ràng khả năng của mình, chớ nên xằng bậy tự khoe khoang lớn lối, mong mỗi vậ thay!

Thời Lương, tại núi Thanh Thành ở đất Thục (Tứ Xuyên), có vị Tăng tên là Đạo Hương có đại thần lực, nhưng giấu kín chẳng tiết lộ. Núi ấy có lệ hằng năm mở hội, lúc đó mọi người ăn uống no say, giết hại sanh vật vô số. Ngài Đạo Hương

khuyên can nhiều lần, họ chẳng nghe. Năm ấy, Ngài đào một cái hố to ở ngoài sơn môn, bảo mọi người: “Các ông đã ăn no, xin chia cho tôi một bát canh, có được không?” Mọi người ưng thuận. Khi đó, ngài Đạo Hương cũng ăn uống thật no say, nhờ người diu đến trước hố ọc hết ra. Những con vật ngài đã ăn vào: Con nào bay được thì bay lên, con nào chạy thì chạy đi, tôm, cá, thủy tộc ỏi ra ngập cả hố. Mọi người kinh sợ, kính phục, liền vĩnh viễn kiêng sát sanh. Về sau, ngài Đạo Hương nghe lời Chí Công liền hóa (tịch diệt) (Có người đất Thục yết kiến ngài Chí Công ở kinh đô. Chí Công hỏi: “Người xứ nào?” Đáp: “Tứ Xuyên”. Chí Công bảo: “Hương ở Tứ Xuyên mắc hay rẻ?” Đáp: “Rất rẻ”[50]. Chí Công bảo: “Đã bị người ta coi thường sao chẳng ra đi?” Người đó trở về núi Thanh Thành, thuật cho Đạo Hương nghe lời ngài Chí Công. Ngài Đạo Hương nghe lời ấy xong liền hóa).

Cần biết rằng: Những người an phận giữ mình trong cõi đời, một khi hiển thị thần thông xong liền thị hiện tịch diệt là đời để khỏi bị tăng thêm phiền não. Nếu không, phải như ngài Tế Điền làm ra vẻ si cuồng, không ra trò gì để người ta nửa tin nửa ngờ, không thể đoan chắc thì mới được!

Người học Phật cần phải chăm chú bỏ cái thấy ta - người, cần phải tự lập, lập người, tự lợi, lợi người. Có vậy mới có thể nói là “nhập đạo”. Tức là như sách Đại Học chép: “*Cổ chi dục minh Minh Đức ư thiên hạ giả, tiên trị kỳ quốc. Dục trị kỳ quốc giả, tiên tề kỳ gia. Dục tề kỳ gia giả, tiên tu kỳ thân. Dục tu kỳ thân giả, tiên chánh kỳ tâm. Dục chánh kỳ tâm giả, tiên thành kỳ ý. Dục thành kỳ ý giả, tiên trí kỳ tri. Trí tri tại cách vật*” (Người xưa muốn làm sáng tỏ Minh Đức trong thiên hạ thì trước hết phải giữ yên đất nước. Muốn giữ yên đất nước thì trước hết phải giữ yên gia đình. Muốn giữ yên gia đình thì trước hết phải sửa đổi thân mình. Muốn sửa đổi thân mình thì trước hết cái tâm phải ngay thẳng. Muốn cái tâm ta ngay thẳng thì trước hết phải giữ cho cái ý chân thành. Muốn cho cái ý chân thành thì trước hết phải đạt đến chỗ hiểu biết. Đạt đến chỗ hiểu biết nằm ở chỗ trừ khử vật dục).

Chữ “vật” được nói ở đây chỉ lòng tư dục chẳng phù hợp với thiên lý và tình người. Hễ đã có tư dục ắt tri kiến sẽ lệch lạc, tà vạy, chẳng còn ngay thẳng nữa. Chẳng hạn như kẻ đã yêu vợ, thương con thì dù vợ con có hư đốn, kẻ đó cũng chẳng thấy là hư hỏng. Do tư dục yêu thương mê mết ngăn lấp lương tri sẵn có, nên trở thành sự thấy biết xấu ác, lệch lạc, tà vạy, bất chánh. Nếu có thể trừ khử sạch tâm niệm yêu thương mù quáng thì những chuyện vợ con đúng hay sai sẽ thấy rõ ngay lập tức. Vì vậy, biết rằng: Phải thống thiết giảng [rõ ràng khái niệm] “*cách vật*”(trừ khử vật dục), chớ có hiểu lầm “*cách vật*” nghĩa là thông suốt cùng tột lý của mọi sự vật trong thiên hạ. Trừ khử món đồ tư dục trong tự tâm mới chính là căn bản của việc “làm sáng tỏ Minh Đức”. Thông đạt tận cùng lý tánh của sự vật trong cõi đời chỉ là chuyện cành nhánh nhất trong các chuyện cành nhánh. Lấy chuyện cành nhánh phụ thuộc nhất làm gốc thì thiên hạ ắt phải loạn lạc hết thuốc chữa được! Phật pháp trừ khử tham - sân - si chính là “*cách vật*”. Tu Giới - Định - Huệ chính là “*tri tri*”. Món vật Tham - Sân - Si chất chứa trong tâm thì cũng như đeo cặp kính màu để nhìn mọi vật sẽ chẳng thể thấy được màu thật của chúng. Họa hại của vật [dục] chẳng đáng sợ sao?

Người niệm Phật cũng đừng ý mình thông minh, trí huệ, mà cần phải vứt bỏ [những điều ấy] ra tận ngoài biển Đông. Nếu không, e rằng sẽ bị chúng gây làm lạc, tự chuốc buồn khổ. Bởi lẽ, do thấy biết nhiều nhưng không chuyên nhất, đâm ra chẳng bằng hạng ngu phu, ngu phụ niệm Phật, chánh tâm, thành ý được hưởng ích lợi rất nhiều. Vì thế, một pháp Niệm Phật tốt nhất là phải học theo ngu phu, ngu phụ, [lấy việc] thật thà tu trì làm chánh yếu. Tục ngữ có câu: “*Thông minh phản bị thông minh ngộ*” (Thông minh đâm ra lại bị làm lạc vì thông minh), chẳng đáng sợ sao?

Như bà vợ của ông Trịnh Bá Thuần, một đệ tử quy y của tôi ở huyện Bảo Sơn, tỉnh Vân Nam, ăn chay trường niệm Phật nhiều năm. Người con trưởng tên Huệ Hồng đã chết vào năm trước. Bà mẹ do thương con quá nên uống thuốc độc, trọn

không có tướng trạng khổ sở, ngồi ngay ngắn niệm Phật qua đời. Hơn nữa, chết rồi sắc mặt sáng nhuận, kinh động cả một phương. Ông Bá Thuần là bậc lão nho đề xướng [niệm Phật], người tin theo rất ít, nhưng do cái chết của vợ con ông, mười người đã hết tám, chín người tin theo. Phàm ngồi ngay ngắn niệm Phật qua đời, đâu không bình mà thác cũng đã khó có; huống chi uống thuốc độc chết mà còn hiện được tướng đó, nếu chẳng phải là đã đắc Tam Muội nên chất độc chẳng thể làm hại được thì làm sao hiện được tướng như vậy? Ông Dương Kiệt[51] đời Tống, tự là Thứ Công, hiệu Vô Vi Tử, tham học với thiền sư Thiên Y [Nghĩa] Hoài, đại ngộ. Sau do cư tang mẹ, đọc Đại Tạng, hiểu sâu xa sự thù thắng của pháp môn Tịnh Độ nên tận lực tự hành, dạy người hành. Lâm chung nói kệ rằng:

Sanh diệt vô khả luyến

Tử diệt vô khả xả,

Thái hư không trung chi hồ giả dã,

Tương thác tựu thác: Tây Phương Cực Lạc.

(Sanh thì cũng chẳng tiếc gì,

Chết rồi cũng chẳng bỏ đi đâu nào,

Hư không hư huyền sá chi,

Đem làm đáp lẩn để về Tây Phương)

Ông Dương Kiệt sau khi đại ngộ, quy tâm Tịnh Độ, cực lực đề xướng; đến lúc lâm chung nói: Trong chân tánh thì sanh tử như hoa đốm trong hư không, nhưng do chưa chứng được chân tánh thì chẳng thể không chú trọng cầu vãng sanh Tây Phương. “*Đem làm đáp lẩn*” nghĩa là nếu đã triệt chứng chân tánh thì chẳng cần phải cầu sanh Tây Phương nữa vì cầu được vãng sanh vẫn còn là làm lạc! Chưa chứng ngộ chân tánh thì phải nên cầu vãng sanh Tây Phương, cho nên mới nói: “*Đem làm đáp lẩn để về Tây Phương*”. Trong tác phẩm Vãng Sanh Tập, cuối truyện ông Dương Kiệt, Liên Trì Đại Sư đã viết bài tán như sau: “*Tôi mong những*

kẻ thông minh tài trí trong thiên hạ đều có thể thành tựu loại lầm lạc này. Đấy có thể bảo là thực sự đại thông minh mà chẳng bị thông minh làm lầm lạc vậy”.

Như ông Tô Đông Pha đời Tống, tuy là hậu thân của thiền sư Ngũ Tổ Giới, luôn mang một bức tranh Phật A Di Đà theo bên mình, bảo: “Đây là công cứ Tây Phương của cả đời ta”. Nhưng đến lúc lâm chung, trưởng lão Duy Lâm ở Kính Sơn khuyên nhủ đừng quên Tây Phương, Đông Pha nói: “Dù Tây Phương chẳng phải là không có, nhưng chẳng thể dốc sức vào đấy được!” Môn nhân là Tiền Thế Hùng thưa: “Đấy chính là chỗ tiên sinh thường hành trì, hãy nên dốc sức”. Đông Pha đáp: “Hễ dốc sức vào thì là sai rồi!” Nói xong liền mất. Đấy chính là bằng chứng hùng hồn của chuyện tự lầm lạc bởi thông minh vậy. Mong quý vị ai nấy đều chú ý.

Pháp môn Tịnh Độ khế lý, khế cơ, dùng sức ít mà thành công dễ dàng, như đã căng buồm thuận gió lại còn thuận nước vì nhờ vào Phật lực. Các tông khác dùng sức nhiều mà thành công khó khăn giống như con kiến bò lên núi cao vì hoàn toàn cậy vào tự lực. Đẳng Giác Bồ Tát muốn cầu viên mãn Phật Quả còn phải cầu vãng sanh Tây Phương, huống hồ là bọn phàm phu chúng ta nghiệp căn sâu nặng, sao chẳng dốc sức vào pháp này? Đấy là bỏ dễ cầu khó, lầm lạc cùng cực thay!

Hơn nữa, hiện thời những dụng cụ giết người trong cõi đời mỗi ngày mỗi mới mẻ, mỗi tháng mỗi khác biệt, nào là phi cơ, đại bác, hơi độc, tia sáng chết chóc v.v... Núi, sông chẳng thể ngăn trở nổi, vật cứng không chống ngăn được, cái thân máu thịt của chúng ta làm sao đương cự được nổi? Mạng người như giọt sương buổi sớm, vô thường một khi xảy đến, muôn sự đều thôi. Bởi thế, muốn cầu lìa khổ được vui thì phải nên kịp thời nỗ lực niệm Phật, cầu Phật gia bị lâm chung vãng sanh. Một phen đạt lên cõi kia, vĩnh viễn chẳng thoái chuyển, hoa nở thấy Phật, chứng được Vô Sanh, mới chẳng cô phụ chuyện được nghe pháp này mà tin nhận vậy. Kính mong đại chúng tinh tấn hành trì, đấy là điều tôi rất mong mỏi.

**Ngày thứ tám: Pháp hội đã viên mãn,
giảng Tam Quy, Ngũ Giới, Thập Thiện
và các nghĩa lý trọng yếu dành cho người niệm Phật**

Hôm nay là ngày quý vị quy y. Quý vị đã quy y thì nên hiểu rõ đạo lý quy y, nay tôi trình bày cùng quý vị. Vì sao quý vị quy y? Tôi nghĩ nói chung là chẳng ngoài việc muốn cầu sanh Tây Phương, liễu sanh thoát tử mà thôi! Như thế nào mới đạt được những mục tiêu này? Tức là phải quy y Tam Bảo, nghĩa là quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng. Có quy y Tam Bảo, tu trì chân thật thì mới được liễu thoát sanh tử, vãng sanh Tây Phương. Và nữa, Tam Bảo vừa nói đó có hai loại là Tự Tánh [Tam Bảo] và Trụ Trì [Tam Bảo].

Tự Tánh Tam Bảo:

* Phật nghĩa là Giác Ngộ. Tự Tánh Phật chính là Chân Như Phật Tánh ly niệm linh tri sẵn có trong tự tâm.

* Pháp nghĩa là quỹ phạm (khuôn phép). Tự Tánh Pháp chính là khuôn mẫu đạo đức, nhân nghĩa cao quý sẵn có trong tâm.

* Tăng nghĩa là Thanh Tịnh. Tự Tánh Tăng chính là tịnh hạnh thanh tịnh vô nhiễm sẵn có trong tâm.

Trụ Trì Tam Bảo:

* Lúc đức Phật Thích Ca còn tại thế thì Ngài là Phật Bảo. Sau khi Phật diệt độ, tất cả các tượng Phật bằng vàng, bằng đất, gỗ chạm, tranh vẽ đều là Phật Bảo.

* Các pháp ly dục thanh tịnh Phật đã giảng, và các kinh điển sách vàng, trực đều là Pháp Bảo.

* Người xuất gia áo thâm, tu các hạnh thanh tịnh đều là Tăng Bảo.

Quy là quay về, đổ vào, như nước đổ vào biển, như dân hướng về vua. Y là nương gởi, như con nương vào mẹ, như vượt [sông, biển] nương nhờ thuyền. Con người giữa biển cả sanh tử nếu chẳng quay về nương nhờ Tự Tánh Tam Bảo và Trụ Trì Tam Bảo thì không cách gì thoát ra được! Nếu chịu phát tâm chí thành quy y Tam Bảo, tu hành đúng như pháp thì liền ra khỏi biển khổ sanh tử, liễu sanh thoát tử. Như người lỡ chân rớt xuống biển cả, sóng dữ bủa cuốn cuộn, lo bị ngập mất đầu. Giữa lúc ngàn cân treo sợi tóc, sanh tử tồn vong ấy, chợt có con thuyền đi đến, liền đuổi theo, trèo lên. Đây là nghĩa “quay về, gieo vào” vậy. Do biết Tự Tánh Tam Bảo, từ đây khắc kỷ, phản tỉnh, xem xét, kiêng dè, gắng sức, lại cầu nơi Trụ Trì Tam Bảo và mười phương tam thế hết thấy Tam Bảo thì tiêu trừ được ác nghiệp, tăng trưởng thiện căn, thành tựu đạo nghiệp ngay trong đời này, vĩnh viễn thoát khỏi sanh tử, luân hồi. Giống như được cứu, leo lên thuyền, ngồi yên đến bờ. Hung hiểm lúc ấy đã qua, hiện tại mừng được sống sót. Bởi đó được vô hạn lợi ích. Đây chính là ý nghĩa “nương, gởi” vậy. Việc đời rồi ren, phiền não đau khổ, sóng trong biển cả sanh tử này, hãy nên lấy Tam Bảo làm thuyền. Chúng sanh được quy y, đẩy chèo, giương buồm, chẳng lười nhác, chẳng lui sụt, tự lên được bờ kia!

* Đã quy y Phật hãy nên thờ Phật làm thầy; bắt đầu từ nay cho đến hết đời, dốc lòng chân thành lễ kính, chẳng chịu lười nhác đâu chỉ trong một hơi thở. Lại chẳng được quy y thiên ma, ngoại đạo, tà quỷ, tà thần.

* Đã quy y Pháp, nên lấy Pháp làm thầy, từ nay cho đến hết đời, chẳng quy y kinh điển ngoại đạo nữa.

* Đã quy y Tăng nên lấy Tăng làm thầy, bắt đầu từ nay cho đến hết đời, chẳng còn quy y đồ chúng ngoại đạo nữa.

Nếu đã quy y Tam Bảo mà còn tin tưởng ngoại đạo, tôn thờ tà ma, quỷ thần thì tuy hằng ngày niệm Phật, tu trì, cũng khó lòng được lợi ích chân thật, vì tà - chánh chẳng phân, chắc chắn chẳng có hy vọng liễu thoát sanh tử. Ai nấy nên nghiêm chỉnh vâng giữ như thế (hai chữ Quy Y giảng xong).

Đã giảng về ý nghĩa Tam Quy rồi, lại nói đến ý nghĩa Ngũ Giới. Ngũ Giới vừa được nói đó, chính là: Một là chẳng sát sanh, hai là chẳng trộm cắp, ba là chẳng tà dâm, bốn là chẳng nói dối, năm là chẳng uống rượu.

* Chẳng sát sanh là vì ta cùng loài vật đều ham sống, sợ chết giống hệt nhau. Ta đã ham sống, há loài vật muốn chết? Nói, nghĩ đến điều đó, nỡ lòng nào giết hại? Bởi lẽ, hết thấy chúng sanh vốn cùng ngang hàng, luân hồi trong lục đạo, tùy theo nghiệp thiện - ác mà hình thể biến đổi, thăng, giáng, siêu thoát, chìm đắm, trọn chẳng lúc nào hết. Ta cùng bọn chúng trong nhiều kiếp lần lượt làm cha, mẹ, lần lượt làm con cái. Suy nghĩ như vậy, há còn dám sát sanh? Hết thấy chúng sanh đều có Phật tánh, quả thực chẳng hai, chẳng khác với tam thể chư Phật. Trong đời vị lai, đều có thể thành Phật, chỉ vì sức ác nghiệp đời trước ngăn lấp khiến cho Phật Tánh màu nhiệm sáng suốt chẳng thể hiển hiện được, chìm đắm trong dị loại. [Chúng ta] phải nên dùng lòng thương xót, lòng từ bi để cứu vớt, nỡ nào cắt xẻ thân thể chúng để no bụng ta? Đời này, bọn ta đã được làm người chính là do thiện quả đời trước, phải nên giữ gìn thiện quả này khiến cho nó được tỏa rạng rộng lớn, duy trì vĩnh cửu, hãy nên kiêng giết chóc sanh mạng! Nếu như rộng tạo sát nghiệp ắt sẽ đọa ác đạo, đền trả nợ cũ, xoay vần giết hại nhau, đây chìm, kia nổi, chẳng có lúc hết. Muốn cầu sanh Tây Phương để tránh khỏi nỗi khổ luân hồi, sao còn dám tạo sát nghiệp ư? Vì thế, điều đầu tiên cần chú trọng là kiêng giết.

* Chẳng trộm cắp là khi có được vật gì phải xét xem nó có hợp đạo nghĩa hay không[52], nếu chẳng cho thì chẳng lấy. Việc này những ai biết chút liêm sỉ sẽ đều có thể chẳng phạm, nhưng con người chẳng phải là hiền thánh, ai có thể chưa hề phạm? Bởi lẽ, nếu tư dục dấy lên sẽ dễ bị vật chất lung lạc. Nếu đối với mỗi lợi lớn ở ngay trước mắt mà có thể né tránh giống như gấp gáp tránh rắn, rết, hoặc kẻ chạy cuồng đi vội thì [người như vậy] chẳng luôn luôn gặp gỡ được! Nói “trộm cắp” đó chẳng phải chỉ có nghĩa là trộm cắp tài vật của người khác, mà là ngay trong lúc khởi tâm, làm việc có khi giống như trộm cắp thì cũng gọi là trộm cắp vậy. Chẳng

hạn, lấy công giúp tư, tổn người lợi mình, cậy thế lấy của, dùng mưu đoạt vật, ganh tỵ sự phú quý của người khác, mong người ta nghèo hèn đi v.v... đều là trộm cắp cả! Lại như làm lành phô trương để cầu danh. Nếu gặp các việc lành, tâm chẳng tích cực, công chuyện phần nhiều làm quấy quá. Chẳng hạn như lập trường nghĩa học[53] nhưng chẳng chọn thầy nghiêm khắc khiến cho con em người khác bị lầm lạc; thí thuốc men chẳng phân biệt thật - giả, khiến tánh mạng người khác bị hại. Phàm thấy nạn gấp, dự dự chẳng cứu cho nhanh, lãn chần, dùng dằng đến nỗi lỡ việc. Chỉ luôn lảng nhăng, thiếu trách nhiệm, chẳng quan tâm đến lợi - hại của người khác. Những điều giống như thế đều gọi là trộm cắp! Lòng mang cái tâm trộm cắp, làm chuyện trộm cắp thì xã hội sẽ vì đó mà rối beng, thiên hạ cũng chẳng thái bình. Vì vậy, cần phải chú trọng kiêng dè trộm cắp.

* Chẳng tà dâm: Âm - dương thu hút nhau, muôn vật nhờ đó mà sanh. Nam nữ lập gia đình là giếng mối lớn lao của con người. Sanh con để cái, nuôi dạy nên người, trên liên quan đến phong hóa, dưới liên quan đến tiếp nối dòng dõi; cho nên chẳng cấm. Nếu chẳng phải với người vợ hay chồng chánh thức lại chung chạ bừa bãi, đấy là tà dâm. Như vậy là trái nghịch lẽ trời, rối loạn luân thường của con người, sống làm cảm thú đội mũ mặc áo, chết đọa tam đồ ác đạo ngàn vạn ức kiếp chẳng thể thoát khỏi. Nhưng con người do dâm dục sanh ra nên dâm tâm khó chế ngự nhất. Đức Như Lai dạy người tham dục nặng nề tu Bất Tịnh Quán, quán lâu ngày sẽ thấy sắc dâm chán. Lại nếu có thể tưởng hết thấy nữ nhân mình trông thấy đều là mẹ, con gái, chị, em, sanh tâm hiếu thuận, tâm cung kính thì ác niệm dâm dục không do đâu phát sanh được! Đây chính là đoạn trừ cội gốc của sanh tử luân hồi, là cơ sở, là bậc thêm để siêu phàm nhập thánh, hãy nên thường kiêng dè. Còn như vợ chồng ân ái với nhau vốn chẳng bị cấm đoán, nhưng cũng cần phải “*tương kính như tân*” (kính trọng nhau như khách), nhằm tiếp nối dòng dõi để thờ phụng tổ tiên, phải nên giữ chừng mực, chớ nên chỉ tham cầu khoái lạc đến nỗi chôn vùi thân mạng! Tuy là với người phối ngẫu của mình, hễ tham khoái lạc thì cũng là

phạm giới! Chẳng qua tội ấy so ra nhẹ hơn [tội tà dâm] thôi! Vì thế, cần phải đặt nặng chuyện giới dâm.

* Chẳng nói dối là lời lẽ phải đáng tin, chẳng dối trá thốt ra. Nếu thấy nói chẳng thấy, chẳng thấy nói thấy, lấy hư làm thật, lấy có làm không; phàm hết thấy những chuyện tâm - miệng chẳng xứng nhau, muốn lừa dối người thì đều là “nói dối” cả. Lại nếu tự mình chưa đoạn Hoặc mà bảo đã đoạn Hoặc, tự mình chưa đắc đạo mà bảo đã đắc đạo thì là đại vọng ngữ. Tội ấy rất nặng vì hoại loạn Phật pháp, khiến cho chúng sanh ngờ vực, lầm lạc, chắc chắn đọa địa ngục A Tỳ, vĩnh viễn không có ngày ra. Vì thế, cần phải chú trọng giới vọng ngữ.

Bốn điều kể trên gọi là Tánh Giới vì do thể tánh của chúng đáng kiêng giữ. Chẳng luận là xuất gia hay tại gia, thọ giới hay không, hễ phạm phải đều có tội lỗi. Kẻ chưa thọ giới, căn cứ trên sự mà luận tội. Người đã thọ giới, ngoài việc căn cứ trên Sự để luận tội ra, còn kèm thêm tội phạm giới. Vì thế, bốn điều sát sanh, trộm cắp, tà dâm, đại vọng ngữ này, hết thấy mọi người đều chẳng nên phạm. Hễ phạm đều có tội! Đã thọ giới mà còn phạm sẽ mắc cả hai trọng tội.

* Chẳng uống rượu là vì rượu có thể làm mê loạn lòng người, hư hoại dòng giống trí huệ. Uống vào, rượu làm cho con người điên đảo, hôn mê, cuồng dại, làm cản những chuyện không biết hổ thẹn. Phàm là người tu hành trọn chẳng cho phép uống. Cần biết rằng: Hết thấy vọng niệm, tà hạnh phần nhiều là do uống rượu mà nảy sanh! Vì thế, cần phải chú trọng thêm chuyện kiêng rượu! Đây là Già Giới (giới ngăn ngừa), chỉ người thọ giới mắc tội phạm giới. Người chưa thọ giới thì uống vào không bị tội! Nhưng không uống thì tốt hơn, bởi nó là căn bản có thể sanh ra các thứ tội lỗi.

Còn về Thập Thiện cũng phải nên tuân thủ. Thập Thiện là chẳng sát sanh, chẳng trộm cắp, chẳng tà dâm; đây là ba nghiệp của thân. Chẳng nói dối, chẳng nói thêu dệt, chẳng nói đôi chiều, chẳng ác khẩu là bốn nghiệp của miệng. Chẳng keo tham, chẳng nóng giận, chẳng tà kiến là ba nghiệp của ý. Nếu giữ được chẳng

phạm thì gọi là Thập Thiện. Nếu phạm chẳng giữ thì gọi là Thập Ác. Thập Ác chia ra làm thượng, trung, hạ, chiêu cảm thân trong ba ác đạo: địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh. Thập Thiện cũng chia thành thượng, trung, hạ, chiêu cảm thân trong ba đường lành: trời, người, A-tu-la. Nhân lành cảm quả lành, nhân ác cảm quả ác, quyết định không nghi, không hề sai sót! Mười điều lành này bao gồm hết thấy thiện pháp. Nếu có thể tuân hành thì không điều ác nào chẳng đoạn, không điều thiện nào chẳng tu. Các vị đã quy y, thọ giới, hãy nên tuân thủ trọn vẹn. Lại còn phải nhất tâm niệm Phật, cầu sanh Tây Phương, chớ nên coi thường. Nếu chẳng để ý, đến khi lâm chung mới cảm thấy là trọng yếu thì gió nghiệp đã thổi, chẳng thể tự chủ, hối cũng chẳng kịp!

Người học Phật đã hiểu rõ các ý nghĩa Tam Quy, Ngũ Giới, Thập Thiện rồi thì hãy dốc hết sức giữ vẹn luân thường, trọn hết bốn phận, ngăn lòng tà, giữ lòng thành, đừng làm các điều ác, vâng làm các điều lành. Điều cần phải chú ý nhất là làm bất cứ việc gì, đều phải dựa vào thiên lý, lương tâm. Như người làm nghề Y mà có lương tâm, cứu người [trong cơn] nguy cấp sẽ tích lũy âm công (âm đức) lớn lao. Kẻ không có lương tâm có thể sẽ làm cho người bệnh nhẹ chuyển thành nặng, thừa nước đục thả câu, táng tận lương tâm, nhất định lãnh ác quả.

Hiếu liêm Tào Cẩm Đào ở Tô Châu đời Thanh giỏi y thuật,[54] bất cứ bệnh ngặt nghèo nào, gặp tay ông đều khỏi. Một bữa, lúc ông sắp ra khỏi cửa, chợt có một người đàn bà nghèo quỳ ngoài cửa, khóc lóc xin ông chữa bệnh cho mẹ chồng, than: “Gia cảnh nghèo túng, nghe ngài sẵn lòng từ bi, nhất định sẽ đoái hoài đến trị”. Ông Tào liền đến trị. Đến lúc ông ra về, dưới chiếc gối của mẹ chồng người đàn bà nghèo có năm lạng bạc trắng, chẳng biết đi đâu mất, tưởng ông Tào trộm đi, người đàn bà bèn đến nhà hỏi. Ông Tào bèn cứ đứng số đưa cho. Người đàn bà nghèo về đến nhà, [thì ra] mẹ chồng đã lấy bạc ra. Người đàn bà hổ thẹn vô cùng, lại đem bạc đến trả lại, tạ tội, hỏi ông: “Sao ngài lại tự đổ hô mình trộm bạc?” Ông Tào bảo: “Tôi chỉ muốn mẹ chồng bà chóng khỏi bệnh! Nếu tôi chẳng nhận, mẹ

chồng bà ắt sẽ thêm lo lắng bệnh nặng hơn, hoặc đến nỗi khó lành bệnh được! Vì thế, chỉ mong mẹ chồng bà lành bệnh, chẳng sợ người ta bảo tôi trộm bạc”. Tấm lòng ông trung hậu, có thể nói là đến cùng cực, không ai hơn được! Bởi thế, ông sanh được ba người con: Con trưởng làm Ngự Y, thọ hơn tám mươi tuổi, nhà giàu to; con thứ làm Hàn Lâm, làm quan đến chức Phiên Đài; con thứ ba cũng làm Hàn Lâm, làm thông kinh sử, chuyên chỉ trước tác. Cháu chất đông đảo, nhiều người hiển đạt. Còn những kẻ chỉ mưu kiếm lợi bằng nghề Y, nếu chẳng tan nhà nát cửa, dòng dõi tuyệt diệt thì đã hiếm hoi lại càng hiếm hoi hơn!

Kinh Dịch chép: *“Tích thiện chi gia, tất hữu dư khánh. Tích bất thiện chi gia, tất hữu dư ương”* (Nhà tích thiện, niềm vui có thừa; nhà tích ác, ương họa có thừa), ý nói: Dư khánh, dư ương báo ứng vào con cháu. Còn bản khánh, bản ương vận vào chính thân mình. Dư khánh, dư ương người khác thấy được, còn bản khánh, bản ương thì chính mình ngay trong đời này hay trong đời kế tiếp, hoặc đời sau phải hứng chịu, người đời chẳng thể thấy được. Thiên, địa, quỷ thần, Phật, Bồ Tát đều thấy biết từng sự rõ ràng. Hãy nên biết rằng: Bản khánh, bản ương so với dư khánh, dư ương lớn hơn gấp trăm, ngàn, vạn lần. Vì thế, xin người đời hãy nỗ lực tu trì, ngõ hầu được vui mừng, trừ ương họa vậy. Ông Tào cam chịu tiếng “trộm cắp” để cứu tánh mạng người khác, thiện báo ứng vào con cháu. Nếu chính mình có thể thay cho con cháu niệm Phật, cầu Tam Bảo gia bị, dạy con cháu ai nấy cũng ăn chay, niệm Phật thì thiện báo sẽ ở tại Tây Phương!

Các vị đã quy y thì phải nên cung kính thọ Tam Quy để làm cái gốc nhằm bỏ tà theo chánh, giữ Ngũ Giới cẩn thận để làm cái nguồn nhằm đoạn ác, tu thiện. Phụng hành Thập Thiện để làm cái gốc nhằm thanh tịnh ba nghiệp Thân, Khẩu, Ý. Từ đó, đừng làm các điều ác, vâng giữ các điều lành. Tam nghiệp đã tịnh, rồi có thể tuân tu đạo phẩm, liễu sanh thoát tử, được dự vào hội tốt lành nơi Cực Lạc. Thiện - ác, nhân - quả như bóng theo hình, chẳng hề sai lầm. Thật sự làm như vậy sẽ được lợi ích thật sự. Nếu mua danh chuốc tiếng, thích nói cuồng vọng, lừa mình, dối người,

tự bảo đã đắc Phật đạo thì là đại vọng ngữ, ắt sẽ mắc ác báo. Người tu hành tâm địa phải quang minh, ba nghiệp thanh tịnh, công đức vô lượng. Quán kinh dạy: *“Hiếu dưỡng cha mẹ, phụng sự sư trưởng, từ tâm không giết, tu Thập Thiện nghiệp là chánh nhân tịnh nghiệp của tam thế chư Phật”*. Buông dao đồ tể xuống, thành Phật ở chính ngay nơi ấy, đã có người làm được như thế. Xin ai nấy hãy gắng lên.

PHỤ LỤC

I. Pháp ngữ khai thị khi từ Thượng Hải về đến Linh Nham^[55]

(giảng vào buổi chiều ngày 17 tháng 10 năm Dân Quốc 25 (1936))

Linh Nham chính là cuộc đất thánh đạo tràng trời tạo đất dựng. Ngô vương Phù Sai thiếu đức, chẳng tuân theo đạo “chánh tâm thành ý, siêng năng chăm lo việc nước, yêu dân” của các vị tổ là Thái Vương, Thái Bá, Trọng Ung^[56], chỉ chuộng dân lạc, bèn dựng cung Quán Oa^[57] nơi này, mắc tội với trời đất và tổ tông cũng lớn lắm! Cung điện xây xong được mấy năm, nước mất, thân chết, chẳng đáng buồn ư? Đến đời Tấn, Tư Không^[58] Lục Ngạn xây nhà trên đó, về sau nghe Phật pháp bèn biến nhà thành chùa ; đây chính là duyên khởi khai sơn đầu tiên của Linh Nham vậy. Đến đời Lương, do ngài Bảo Chí Công^[59] cầu đảo cho Vũ Đế, chùa lại được trùng hưng. Trí Tích Bồ Tát^[60] nhiều lượt hiện thân tượng vẽ, hiển thị đạo nhiệm mầu, dẫn dắt những kẻ tục còn đang mê. Đến đời Đường, em trai tể tướng Lục Tượng Tiên (người Tô Châu), mắc bệnh ở kinh đô, ngự y bó tay. Một vị Tăng xin gặp, nói có thể trị được bệnh, bảo lấy một chén nước sạch, hướng vào đó niệm chú mấy câu, ngậm nước phun ra, [em trai tể tướng Lục Tượng Tiên] lập tức

khỏi hẳn bệnh. Dem mọi vật đáp tạ Sư đều không nhận, nói: “Tôi tên là Trí Tích. Sau này ông trở về Tô Châu, hãy nên đến núi Linh Nham gặp tôi”. Về sau, người ấy đến núi hỏi thăm, không có ai tên là Trí Tích cả, tâm rất buồn bã, xem khắp các điện đường, thấy hình vẽ trên vách chính là vị Tăng đã trị bệnh cho mình. Vì thế, đặc biệt dựng điện Trí Tích, chùa lại được hưng khởi. Từ đời Tấn đến đời Đường, [danh tánh] tất cả các vị Trụ Trì đều chẳng thể tra cứu được.

Đến đời Tống, phàm những ai là trụ trì của núi này đều là bậc đại lão lỗi lạc trong Tông môn; đạo tràng Linh Nham bèn trở thành đứng đầu xứ Giang Tô. Do đất thiêng nên mới có người tài giỏi, do người tài giỏi nên đất mới thiêng. Cuối đời Minh, đầu đời Thanh, chùa lại được hưng khởi mạnh mẽ, hai đời vua Thánh Tổ (Khang Hy) và Cao Tông (Càn Long), mấy lần tuần du phương Nam đều nghỉ lại tại hành cung[61] trên núi. Trong cơn loạn Hồng Dương[62], chùa bị đốt cháy gần như hết sạch. Về sau, đại sư Niệm Thành trụ trong lòng tháp[63], nhằm đúng khi ông Bành Cung Bảo Ngọc Lâm đi chơi núi, gặp gỡ, bèn kiểm sổ bộ, đòi lại hơn sáu trăm mẫu ruộng đất cho chùa, dựng mười mấy gian điện đường, nhà cửa.

Đến năm Tuyên Thống thứ ba (1911), Trụ Trì là Đạo Minh vốn là quân nhân xuất gia, tánh tình thô bạo, do mất y [ca-sa] mà đánh đập người khác quá đáng, người dưới núi vùng lên đánh đuổi, Đạo Minh bỏ trốn. Đồ đạc trong chùa đều bị khuân sạch, trở thành một ngôi chùa không ai ở. Đây chính là cơ hội để đạo tràng Linh Nham được phục hưng. Nếu không, giả như ông ta tận lực vâng giữ Thanh Quy, chắc chắn chùa chẳng thể trở thành đạo tràng Tịnh Nghiệp duy nhất trong cả nước được! Họa - phúc dựa dẫm lẫn nhau, chỉ do con người khéo dụng tâm hay không mà thôi. Bắt nguồn từ việc vị thân sĩ vùng Mộc Độc là ông Nghiêm Lương Xán cậy nhà sư chùa Bảo Tạng là Minh Hú thỉnh thầy của vị sư ấy là hòa thượng Chân Đạt tiếp nhận trông nom chùa. Ngài Chân Đạt bèn phái người đến tiếp nhận, lại sai Minh Hú đứng trông nom tạm thời, ý muốn có người thích hợp sẽ biến chùa thành đạo tràng thập phương chuyên tu Tịnh Độ. Năm Dân Quốc mười lăm (1926),

pháp sư Giới Trần[64] đến đây, bèn giao cho Ngài làm Trụ Trì. Tăng chúng thường trụ lấy hai mươi người làm hạn, trừ số tiền huê lợi mấy trăm đồng ra, hễ [chi tiêu] không đủ thì ngài Chân Đạt bèn bù cho. Chẳng quyền mộ, chẳng làm pháp hội, chẳng truyền pháp, chẳng thu đồ đệ, chẳng giảng kinh, chẳng truyền giới, chẳng làm chuyện kinh sám thù tặc[65], chuyên nhất niệm Phật. Khóa tụng mỗi ngày đều giống như trong khi tiến hành Phật thất thông thường[66]. Trụ Trì bất luận thuộc tông Thiên Thai, Hiền Thủ, Tào Động, hay Lâm Tế đều được, chỉ quan tâm đến thứ tự, không quan tâm đến thế hệ truyền thừa[67], chỉ cần là người giới hạnh tinh ròng, [giữ giới] nghiêm ngặt, thông hiểu giáo lý, tin sâu Tịnh Độ là được. Nếu những mặt khác đều khá nhưng chẳng chuyên chú Tịnh Độ thì quyết chẳng được mời [làm Trụ Trì].

Từ đây trở đi, người đến ở ngày càng nhiều, phòng ốc chẳng đủ. Trong năm Dân Quốc 21 (1932), trước hết dựng Niệm Phật Đường, bốn năm năm qua, liên tục xây cất. Nay điện Đại Hùng đã khánh thành, chỉ còn thiếu điện Thiên Vương chưa xây, nhưng cũng chẳng quan trọng chi lắm. Tháng Hai năm Dân Quốc 19 (1930), Quang đến đây; tháng Tư liền bé quan, đã hơn sáu năm rồi. Do già cả, bất tài, chỉ muốn chết già trong nơi bé quan. Vì các vị trong hội Phật giáo mời mọc, xin Quang mỗi ngày giảng khai thị một lần trong pháp hội Hộ Quốc Túc Tai, chỉ rõ lý “nhân quả ba đời, luân hồi lục đạo”, đề xướng pháp “tín nguyện niệm Phật, liễu thoát ngay trong đời này” để cứu vãn thế đạo lòng người. Cố sức từ chối chẳng được, bèn vào ngày mùng Sáu tháng này ra khỏi chỗ bé quan đến đất Hồ (Thượng Hải), nhằm trọn nghĩa vụ hộ quốc của tôi. Ngày Mười Lăm viên mãn, ngày Mười Sáu vì họ nói Tam Quy - Ngũ Giới. Sáng nay từ đất Hồ trở về đây, nhưng các vị như cư sĩ Quý Thánh Nhất v.v... ở thành Tô Châu đã đến trước rồi. Lên núi, trông thấy điện vũ nguy nga, Tăng chúng thanh tịnh, hòa thuận, khôn ngăn hoan hỷ tột bậc. Nhân đó, được Giám Viện là đại sư Diệu Chân mời vào trong pháp đường, vì các vị diễn nói pháp yếu[68] Tịnh Độ. Nếu chỉ nói pháp yếu, chẳng nêu lai lịch và

các nhân duyên hiện thời thì kẻ ở người tới đều chẳng biết duyên do, rất có thể sẽ coi đạo tràng này giống hệt như các đạo tràng khác! Đối với người thông suốt rộng lớn thì không có gì là chẳng được, nhưng với kẻ ngu độn như Quang, lại muốn thoát khỏi ba cõi ngay trong đời này, lên chín phẩm sen cõi kia thì chưa biết hướng về đâu. Do vậy, trước hết phải thuật bày duyên khởi vậy (đoạn này người ghi chép không sao lược lại, do chính lão nhân chép thêm vào, cho nên toàn viết bằng thể văn Văn Ngôn).

Pháp môn Tịnh Độ chúng ta đang tu trì đây là pháp thù thắng, trời vượt nhất, mọi người chớ nên xem thường. Vì sao vậy? Vì các pháp môn do đức Phật đã nói không gì chẳng phải là xét theo căn cơ để nói, giống như dựa trên chứng bệnh mà cho thuốc vậy. Nếu như căn cơ của chính mình chẳng tương ứng với pháp môn ấy mà cứ tu tập thì rất khó được lợi ích. Hết thấy pháp môn đều cậy vào Tự Lực để tu Giới - Định - Huệ, đoạn tham - sân - si, ắt phải đoạn sạch Hoặc nghiệp mới có thể liễu sanh thoát tử. Nếu như phiền não còn sót mảy may nào chưa đoạn sạch thì vẫn chẳng thể tránh khỏi sanh tử, huống chi là kẻ hoàn toàn chưa đoạn ư? Điều này cần phải dùng sức của chính mình thực hiện triệt để thì mới được.

Chỉ có một pháp Niệm Phật là do đức Như Lai ứng theo mọi căn cơ mà nói, cũng là do đại bi nguyện lực của A Di Đà Phật thành tựu. Bất luận thượng trung hạ căn đều có thể tu học. Dầu phàm phu hoàn toàn chưa đoạn được mảy may phiền não Hoặc nghiệp nào đi nữa, chỉ cần đầy đủ lòng tin chân thật, nguyện thiết tha rồi thực hành niệm Phật cầu sanh Tây Phương thì cũng có thể được Phật tiếp dẫn, đới nghiệp vãng sanh. Hễ được vãng sanh liền có thể liễu thoát sanh tử; vì thế, nói [pháp môn này] là thù thắng nhất!

Khi đức Phật còn tại thế, mười người tu hành có đến chín người có thể thành đạo, vì con người lúc đó thiên tánh thuần hậu, căn cơ rất lanh lẹ, bén nhạy. Về sau này, chúng sanh nghiệp chướng ngày càng tăng thêm, căn cơ cũng dần dần hèn kém hẳn đi; nếu muốn giống như trước thì không thể được! Nhưng vào thời Tấn, thời Đường, vẫn có những người có thể cậy vào tự lực để liễu thoát sanh tử, nhưng

đã ngày càng giảm ít, càng về sau càng ít. Cho đến hiện tại, đã không còn có người giống như vậy nữa! Xét theo đó, sẽ hiểu cày vào sức của chính mình để đoạn phiền não hồng liễu sanh tử là một chuyện rất khó. Lúc này, nếu vẫn chẳng biết tự lượng sức, muốn ăn nói lớn lối, coi nhẹ pháp môn Niệm Phật hoành siêu này, đi tu các pháp môn khác thì e rằng muốn liễu sanh tử còn khó hơn lên trời!

Tôi hoàn toàn chẳng nói các pháp môn khác không hay, nhưng thật ra là do các pháp môn có pháp khế lý nhưng không khế cơ, có pháp khế cơ nhưng không khế lý. Chỉ có pháp môn Niệm Phật này thích hợp khắp ba căn, gồm thân lợi căn, độn căn, lý lẫn cơ đều phù hợp chẳng thể nghĩ bàn! Nhất là trong đời Mạt Pháp này, nó lại càng thích hợp với căn tánh chúng sanh. Do vậy, kinh Đại Tập dạy: “*Đời Mạt Pháp, ức ức người tu hành, hiếm một ai đắc đạo. Chỉ nương theo pháp Niệm Phật là được thoát khỏi sanh tử*”.

Vì sao niệm Phật cầu sanh Tây Phương lại gọi là pháp môn Hoành Siêu? Cổ nhân có lấy một thí dụ để giải thích, tức là đem bọn phàm phu đầy đủ Hoặc nghiệp chúng ta ví với một con sâu sống trong lóng thấp nhất của một cây tre, cây tre ấy ví cho tam giới. Con sâu ấy muốn thoát ra chỉ có hai cách: Một là Thụ Xuất (thoát ra theo chiều dọc), hai là Hoành Siêu (vượt ra theo chiều ngang). Thụ Xuất chính là từ thấp lên cao, lần lượt đục thủng từng lóng một, đến khi đục thủng được lóng cao nhất thì mới thoát ra được. Đây là ví cho việc tu hành các pháp môn khác, chắc chắn phải đoạn sạch Kiến Tư phiền não thì mới thoát khỏi tam giới. Kiến Hoặc gồm tám mươi tám Sở[69], Tư Hoặc gồm tám mươi một phẩm, phẩm lượng nhiều như vậy ví như số lóng của một cây tre. Con sâu ấy đục hướng lên trên để thoát ra thì gọi là Thụ Xuất. Chẳng hạn như bậc thánh nhân Sơ Quả đoạn Kiến Hoặc, phải trải qua bảy lần sanh lên cõi trời, bảy lần sanh trong cõi người, tu tập trong thời gian kiếp số lâu dài mới có thể chứng được quả A La Hán, liễu sanh tử. Nhị Quả cũng phải một lần sanh lên trời, một lần trở xuống cõi người mới có thể chứng được Tứ Quả. Tam Quả tuy đã đoạn sạch Tư Hoặc thuộc Dục Giới, nhưng vẫn

phải ở trong Ngũ Bất Hoàn Thiên[70], tu tập dần dần theo thứ tự, mới có thể đoạn sạch Tư Hoặc, chứng Tứ Quả. Đây là thoát khỏi tam giới tính theo bậc Vô Học thánh nhân[71]. Nếu như là bậc Tam Quả độn căn, phải sanh lên Tứ Không Thiên, từ Không Vô Biên Xứ Thiên cho đến Phi Phi Tưởng Xứ Thiên, mới chứng được Tứ Quả. Cách Thụ Xuất gian nan lâu lắc như vậy đấy!

Còn Hoành Siêu là như con sâu ấy chẳng hướng lên trên đục thủng từng lỗ từng lỗ một mà chỉ cắn thủng một lỗ bên hông [lỗ tre] liền thoát ra được. Cách này so với Thụ Xuất bớt được nhiều công sức lắm. Người niệm Phật cũng giống như thế, tuy chưa đoạn trừ Kiến Tư phiền não, chỉ cần có thể đầy đủ ba món tư lương Tịnh Độ là Tín - Nguyện - Hạnh, lâm chung liền có thể cảm động A Di Đà Phật đến tiếp dẫn người ấy sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới. Đến được cõi nước thanh tịnh đó rồi, Kiến Tư phiền não chẳng đoạn mà tự đoạn. Vì sao vậy? Do Tịnh Độ cảnh thù thắng, duyên mạnh mẽ, không có những cảnh duyên khiến cho con người nảy sanh phiền não! Vì vậy liền đạt được ba thứ Bất Thoái Chuyển, thẳng mãi đến khi phá Trần Sa Vô Minh, thành tựu Vô Thượng Bồ Đề, có gì thẳng chóng, giản dị được bằng! Vì thế, cổ nhân nói: *“Học đạo nơi các môn khác giống như con kiến bò lên núi cao. Niệm Phật vãng sanh giống như buồm căng gió lại được thuận nước”*. Nay tôi lấy một chuyện để chứng minh đạo lý “Thụ Xuất gian nan”, mọi người hãy lắng lòng nghe lấy!

Trong niên hiệu Đại Lịch (766-779) đời Đường Đại Tông, có một ẩn sĩ tên là Lý Nguyên, biến nhà thành chùa Huệ Lâm, thỉnh thiền sư Viên Trạch làm Trụ Trì. Về sau, Lý Nguyên muốn đi Tứ Xuyên triều bái núi Nga My; do vậy, bèn ước hẹn Viên Trạch cùng đi. Viên Trạch muốn theo đường Trường An đi qua Tà Cốc, đi theo đường bộ; Lý Nguyên muốn từ Kinh Châu vào Giáp Sơn, đi theo đường thủy. Hai người ý kiến bất đồng đều là vì có nguyên do. Lý Nguyên không biết chuyện của Viên Trạch, nhưng Viên Trạch hiểu rõ tâm của Lý Nguyên: Sợ đến Trường An

rất có thể bị người ta ngờ vực ông ta muốn làm quan, nên Sư đi theo đường Kinh Châu.

Một ngày nọ thuyền bơi đến vùng Nam Phố, do nước sông chảy xiết nguy hiểm, trời chưa tối đã cắm thuyền. Lúc ấy, có một người đàn bà mặc áo chèn bằng gấm, đội vò đi lấy nước. Viên Trạch vừa trông thấy bà ta, liền gục đầu, hai mắt ứa lệ. Lý Nguyên hỏi han: “Từ Kinh Châu đến đây, phụ nữ giống như thế này chẳng biết là bao nhiêu, vì sao thầy lại nẩy sanh bi cảm như thế?” Viên Trạch nói: “Ta chẳng muốn đi theo đường này tới đây chính là vì sợ gặp phải bà này. Do bà ta mang thai đã ba năm vẫn chưa sanh nở vì đợi ta đến đầu thai. Nay đã thấy rồi, không còn cách nào để trốn tránh được nữa. Xin ông ở lại mấy ngày, giúp cho tôi mau sanh và chôn tôi trong hang núi. Ba ngày sau xin đến gặp tôi. Trước mặt ông, tôi sẽ cười một tiếng để làm tin. Mười hai năm sau, đêm Rằm Trung Thu, đến ngoài chùa Thiên Trúc ở Hàng Châu gặp tôi”.

Nói xong bèn thay áo, tắm gội, ngồi qua đời. Lý Nguyên có hối hận cũng không kịp, chỉ đành mai táng Viên Trạch. Ba ngày sau, đến nhà nọ để xem, quả nhiên, người đàn bà sanh được một đứa con trai. Nhân đó, đem chuyện ấy kể cặn kẽ với người ta, xin gặp mặt đứa bé, quả nhiên nó cười một tiếng làm tin. Do vậy, Lý Nguyên không còn muốn đến Tứ Xuyên nữa, quay về Lạc Kinh (Lạc Dương), về tới chùa Huệ Lâm, mới biết trước lúc Viên Trạch lên đường đã dặn dò hậu sự cặn kẽ; vì thế, càng thêm biết Ngài chẳng phải là người tầm thường! Mười hai năm sau, Lý Nguyên theo đúng ước hẹn đến Hàng Châu, tới đêm Rằm Trung Thu, đợi ở ngoài chùa Thiên Trúc. Quả nhiên, ánh trăng vừa rọi, chợt nghe bên bờ giếng Cát Hồng có đứa bé chẵn trâu cỡi trâu, ca lên:

*Tam sinh thạch thượng cự tình hôn,
Thưởng nguyệt ngâm phong bất yếu luân,
Tâm quý tình nhân viễn tương phủng,
Thử thân tuy dị, tánh thường tồn.*

(Trên đá ba sinh, vẫn nguyên hồn
Ngâm gió, thưởng trăng lộ phải bàn
Thẹn thấy người xưa tìm đến gặp
Thân này tuy khác, tánh thường còn).

Lý Nguyên liền biết nó chính là thân đời sau của Viên Trạch, liền bước đến thăm hỏi: “Ngài Viên Trạch mạnh giỏi hay chăng?” Đứa bé chần trầu đáp: “Ông Lý quả thật là người đáng tin tưởng!” Nói chuyện sơ sài mấy câu xong, lại xưng rằng:

*Thân tiền thân hậu sự mang mang,
Dục thoại nhân duyên khủng đoạn trường.
Ngô Việt giang sơn du dĩ biến,
Khước hồi yên trạo, thượng Cù Đường.*
(Thân trước, thân sau sự vẫn vương
Bàn chuyện nhân duyên luống đoạn trường
Ngô, Việt giang sơn chơi khắp cả,
Gác chèo mây khói, vượt Cù Đường)

Rồi cười trầu đi mất. Như vậy, thấy được rằng: Viên Trạch có bản lãnh biết chuyện quá khứ, vị lai và “ngồi mát, đứng thác”, nhưng vẫn chưa thể liễu thoát sanh tử, trốn tránh bào thai; huống gì bọn phàm phu đầy dẫy triền phược chúng ta, một chút bản lãnh cũng không có ư? Nếu chẳng niệm Phật cầu sanh Tây Phương mà muốn liễu sanh tử thì có năm mộng cũng mộng chẳng được!

Có kẻ nói: “Đạo lý minh tâm kiến tánh, kiến tánh thành Phật trong Thiền Tông chẳng phải là rất hay ư?” Trọn chẳng biết “kiến tánh thành Phật” chính là thấy được vị Phật thiên chân trong Tự Tánh thì gọi là “thành Phật”, hoàn toàn chẳng phải là trở thành vị Phật rớt ráo viên mãn phước huệ! Vì sao vậy? Là vì người trong Tông Môn (Thiền Tông) khi công phu đạt đến mức khai ngộ liền biết chân tánh của chính mình lẫn người khác vốn giống hệt như Phật, vì thế gọi là “kiến

tánh thành Phật”. Nhưng những phiền não thô - tế[72] của người ấy còn chưa đoạn hẳn, may mắn, bất quá, có thể thường tự giác chiếu[73], chế ngự phiền não, xử sự gần giống với bậc thánh nhân. Nếu đánh mất công phu giác chiếu, không chế ngự được phiền não, bèn tạo nghiệp so với người khác lại càng dữ dội hơn, vì trong phiền não của kẻ ấy có chen lẫn sức mạnh khai ngộ, biến thành cuồng huệ. Bởi đó, năng lực tạo nghiệp cũng mạnh mẽ dị thường! Như vậy thì không những chẳng có hy vọng thành Phật, mà còn phải đọa lạc trong ba đường ác. Vì thế, người đã khai ngộ càng phải ra sức tấn tu, luôn luôn giác chiếu. Đến khi đoạn sạch Kiến Tư phiền não mới là lúc liễu sanh thoát tử, hoàn toàn chẳng phải là hễ ngộ liền liễu! Giống như thiền sư Ngũ Tổ Giới và Thảo Đường Thanh thuở trước, do ngộ rồi nhưng chưa chứng, vẫn không tránh khỏi nổi khổ luân hồi. Vết xe đổ rành rành, chẳng thể không biết! Nếu nói là “thật sự thành Phật” thì lại càng sai rất xa!

Làm sao mới trở thành đức Phật rốt ráo phước huệ viên mãn? Nói theo tông Thiên Thai, một vị Bồ Tát thuộc địa vị Thất Tín trong Viên Giáo đã đoạn sạch Kiến Tư Hoặc, khi tu đến địa vị Thập Tín mới phá hết Trần Sa. Lại phải tu lần lượt Thập Trụ, Thập Hạnh, Thập Hồi Hướng, Thập Địa, Đẳng Giác, bốn mươi một địa vị, mỗi [địa vị] phá một phẩm vô minh bèn tiến lên một địa vị [cao hơn], được một phần Tam Đức bí tạng. Theo thứ tự như thế, đến địa vị cuối cùng là Đẳng Giác mới đoạn sạch bốn mươi một phẩm vô minh, lại đoạn một phẩm vô minh, tiến lên một địa vị nữa, mới có thể thành tựu quả Phật rốt ráo phước huệ viên mãn. Như vậy, quả thật chẳng phải là chuyện dễ dàng. Mọi người hiểu được đạo lý này thì mới chẳng hiểu lầm!

Lại có người nói: “Tự Tánh của mỗi người chúng ta vốn là chẳng nhiễm bụi trần, thanh tịnh trong lặng, đấy chính là Tịnh Độ. Tự Tánh vốn chẳng sanh, chẳng diệt, xưa nay thường hằng, chẳng dời, chẳng biến, chính là Vô Lượng Thọ. Tự Tánh vốn sẵn đủ đại trí huệ quang minh, chiếu trời, soi đất, chính là Vô Lượng Quang. Nếu như lìa khỏi Tự Tánh sẵn có ấy, muốn có riêng một cõi Tịnh Độ để

sanh, [có một vị] Phật Di Đà để thấy, đây chính là trên đầu chồng thêm một cái đầu nữa, không có lẽ nào!” Nếu tưởng như thế chính là đạo lý Thiền Tịnh Song Tu thì cũng là lầm lẫn rồi! Nếu nói như vậy thì hoàn toàn là thiên về Thiền Tông, hoàn toàn chẳng thích hợp cho Tịnh Tông. Vì sao biết được [như vậy]? Là vì Thiền Tông chẳng dạy người ta sanh lòng tin phát nguyện, cũng chẳng dạy người ta niệm Phật, chỉ dạy người ta tham cứu thoại đầu[74] nhằm cầu minh tâm kiến tánh. Đây chính là nói: “*Lìa ngoài tự tánh chẳng có Tịnh Độ để có thể sanh, [chẳng có] Di Đà để thấy!*” Nói tuy không sai, nhưng rốt cuộc vẫn thiên về kiến giải thuộc lý tánh, chẳng thể dung thông với sự tướng mà cũng cách biệt với sự lý vô ngại của Tịnh tông, nên nói “không phải là Thiền Tịnh Song Tu!” Người tu Tịnh Độ chuyên lấy ba pháp Tín - Nguyện - Hạnh làm tông, mọi người phải hiểu rõ ràng!

Lại có thuyết “*tức thân thành Phật*” (thành Phật ngay trong thân này) của Mật Tông. Nếu mới nghe qua, chuyện như thế khiến con người rung động; nhưng trên mặt sự thật, trọn chẳng thể nhanh chóng, thuận tiện như vậy. Ý nghĩa của “tức thân thành Phật” là nói công phu của Mật Tông khi tu đến thành công thì có thể thành đạo ngay trong thân này; nhưng sự thành đạo như vậy chẳng qua là liễu sanh tử mà thôi! Miễn cưỡng nói là “thành Phật” thì còn có thể miễn cưỡng chấp nhận được! Nếu coi là thật sự thành được vị Phật đoạn rốt ráo Ngũ Trụ[75], vĩnh viễn hết hai loại chết (phân đoạn và biến dị sanh tử) thì lầm lạc quá đỗi! Ví như một đứa bé con, cạo trọc đầu đi, ai nấy đều gọi nó là Hòa Thượng[76]; hay là vị tỷ-kheo đã thọ Tam Đàn Đại Giới[77] cũng được gọi là Hòa Thượng; hay là vị Phương Trượng đứng đầu chôn tùng lâm[78] cũng gọi là Hòa Thượng. [Những loại] Hòa Thượng như trên, miễn cưỡng gọi thì cũng được. Nếu coi [những người ấy] thật sự là Hòa Thượng thì cũng không đúng. Nói đúng sự thực thì phải [là người] có đạo đức, học vấn, có sức làm cho người khác sanh trưởng Pháp Thân huệ mạng thì mới đúng là Hòa Thượng danh phù hợp với sự thực.

Phải biết thế giới này của chúng ta, trong Phật pháp của đức Thích Ca Mâu Ni Phật, chỉ có một mình đức Thích Ca Mâu Ni Phật là thành Phật ngay trong thân này. Lại phải đến khi đức Di Lặc Phật hạ sanh thì mới có thể tính là có một vị Phật nữa thành Phật ngay trong thân này. Trong khoảng thời gian sau khi đức Thích Ca diệt độ và ngài Di Lặc chưa giáng sanh, muốn tìm lấy một người thành Phật ngay trong thân này thì bất luận ra sao cũng không thể có được! Dầu chính Phật Thích Ca ứng hiện trong thế gian lần nữa, cũng không thị hiện đạo lý “thành Phật ngay trong thân” này!

Vào đời nhà Thanh trước kia, trong khoảng từ niên hiệu Khang Hy đến niên hiệu Càn Long, Phật Sóng[79] Tây Tạng đến khi lâm chung biết chết rồi sẽ phải đi đầu thai trong nhà nào, dặn lũ đệ tử đến lúc ấy đi rước ông ta. Khi đi ra, cũng nói được ông ta là Phật Sóng ở chỗ nào đó. Tuy có bản lãnh như vậy, cũng vẫn chưa phải là thành Phật ngay trong thân này! Vì sao biết được? Vì nếu quả thật là thành Phật ngay trong thân này, tự nhiên sẽ giống như Phật Thích Ca, nói được các thứ phương ngôn (ngôn ngữ riêng của từng địa phương), dùng một tiếng thuyết pháp cũng có thể khiến cho hết thảy chúng sanh đều hiểu được. Cớ sao Phật Sóng Tây Tạng, [đối với] ngôn ngữ Trung Quốc lại không biết? Một chuyện nhỏ như vậy đủ để chứng minh ông ta không phải là thành Phật ngay trong một đời. Huống chi sau này Phật Sóng khi chết đi chẳng để lại lời gì? Lúc sống cũng chẳng có biểu hiện gì, đều là do người khác xếp đặt, bốc thăm để quyết định[80], vậy thì chẳng cần phải nói gì nữa!

Hơn nữa, công phu tu Mật Tông muốn thành công cũng rất khó khăn. Nếu chuyên cầu mau đạt được thần thông, chẳng khéo dụng tâm, lại còn bị nguy hiểm gặp phải ma sự, vẫn chẳng ổn thỏa, thích đáng bằng Niệm Phật. Năm Dân Quốc mười bảy (1928), ở Thượng Hải có một người đệ tử quy y mời tôi đến nhà ông ta dùng cơm chay và nói trong gia đình ông ta có một người thân thích là một nữ cư sĩ học Phật đã nhiều năm, học vấn cũng rất khá, đã hơn năm mươi tuổi, gọi bà ta

đến trò chuyện có được hay không? Tôi nói: “Được chớ!” Ông bèn kêu bà ta đến. Đến khi gặp mặt, tôi bảo bà ta: “Tuổi đã cao rồi! Hãy nên mau niệm Phật cầu sanh Tây Phương”. Bà ta đáp: “Tôi chẳng cầu sanh Tây Phương, tôi muốn sanh trong thế giới Sa Bà!” Tôi liền trả lời bà ta: “Chí hướng của bà hèn kém quá!” Bà ta lại nói: “Tôi muốn thành Phật ngay nơi thân này”. Tôi lại đáp lời bà ta: “Chí hướng của bà cao xa quá! Sao không chịu vãng sanh thế giới thanh tịnh kia, cứ muốn sanh trong thế giới trược ác này? Phải biết rằng: Đạo lý ‘thành Phật ngay nơi thân này’ là có, thế nhưng hiện thời không có ai được như vậy cả, mà cũng chẳng phải là chuyện bà hay tôi có thể làm được!” Người không thông hiểu đạo lý như vị nữ cư sĩ ấy, hoàn toàn không có chút gì biết tự lượng sức, ăn nói lớn lối, quả thật là tự làm, làm người vậy!

Lại có hai người cầu sanh trong thế giới Hoa Tạng. Có một ngày, người kia mắc bệnh, người này bèn đến thăm. Sau đấy, do thấy người kia bệnh tình không xong, liền gấp rút bảo người kia niệm “*Nam Mô Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh, Hoa Tạng Hải Hội Phật Bồ Tát*”, mọi người cũng ở bên cạnh trợ niệm cho ông ta. Sau một khắc bèn hỏi ông ta có thấy cảnh giới gì hay không? Ông ta đáp: “Không có!” Hỏi như vậy hai ba lần đều nói “không có!” Đến lần cuối cùng, ông ta bèn nói: “Mẹ đã đến rồi!” Ôi chao! Có hỏi ông ta như vậy mới biết bọn họ [tu] như thế không thể nào chắc ăn được! Là vì trong tâm bọn họ, do niệm Phật hiệu như thế và mong mỏi như thế, lẽ ra phải trông thấy thế giới Hoa Tạng mới đúng, sao lại đâm ra thấy cảnh giới thọ Âm trong thai mẹ? Từ đấy về sau, ông ta mới quay đầu tu pháp môn Tịnh Độ.

Quý vị phải hiểu rằng: Phải là bậc Pháp Thân Đại Sĩ phá được mấy phần vô minh thì mới có thể thấy được thế giới Hoa Tạng, sanh [về đó] được! Ngoài ra, [dẫu là] bậc Bồ Tát đoạn sạch Trần Sa Hoặc cũng chưa có phần, huống hồ phàm phu đầy đầy triền phược ư? Trong hội Hoa Nghiêm, Thiện Tài đồng tử đã chứng Đẳng Giác mà Phổ Hiền Bồ Tát vẫn dạy Ngài và Hoa Tạng hải chúng dùng mười

đại nguyện vương hồi hướng Cực Lạc để mong viên mãn Phật Quả. Đủ biết pháp môn Tịnh Độ không căn cơ nào chẳng gồm thâu. Vì thế, tôi thường nói: *“Chúng sanh trong chín giới bỏ pháp môn Niệm Phật thì trên là không thể do đâu viên thành Phật đạo được; mười phương chư Phật bỏ pháp môn Niệm Phật thì dưới là không do đâu độ khắp quần sanh”*, chính là vì duyên có này đây! Ví như người trong thiên hạ, ai nấy đều phải ăn cơm thì ai nấy cũng đều phải niệm Phật.

Kính khuyên các vị, chớ nên không tự lượng sức, vọng tưởng làm hạng phi thường. Nói chung là phải chất phác niệm Phật cầu sanh Tây Phương thì mới chẳng cô phụ đức Như Lai đã nói pháp môn tổng trì *“trên thành Phật đạo, dưới hóa độ chúng sanh, thành thì thành chung”* này và chẳng đến nỗi uổng phí nhân duyên thù thắng mười phương tụ hội tại đạo tràng Linh Nham thanh tịnh này. Mong mọi người hãy trân trọng!

II. Một lá thư gửi khắp

(lời lẽ tuy vụng về chất phác, nhưng nghĩa vốn lấy từ kinh Phật. Nếu chịu hành theo, lợi lạc vô cùng. Năm Dân Quốc 21 (1932))

Pháp môn Tịnh Độ độ khắp ba căn, lợi - độn trọn thâu, chính là đại pháp để đức Như Lai phổ độ hết thảy thượng thánh hạ phàm khiến cho họ liễu sanh tử ngay trong một đời này. Đối với pháp này chẳng tin, chẳng tu, chẳng đáng buồn ư? Pháp môn này lấy ba pháp Tín - Nguyện - Hạnh làm tông[81]. Tín là tin thể giới chúng ta đây là khổ, tin thể giới Cực Lạc là vui. Tin ta là nghiệp lực phàm phu, quyết định chẳng thể cậy vào Tự Lực để đoạn Hoặc chúng Chân hòng liễu sanh thoát tử. Tin A Di Đà Phật có đại thệ nguyện; nếu có chúng sanh niệm danh hiệu Phật, cầu sanh cõi Phật, lúc người ấy mạng chung, Phật ắt rủ lòng từ tiếp dẫn sanh về Tây

Phương. Nguyên là nguyên mau thoát lìa thế giới khổ sở này, nguyên mau vãng sanh thế giới Cực Lạc kia. Hạnh là chí thành khẩn thiết, thường niệm Nam Mô (âm đọc là Nạp-mạc[82]) A Di Đà Phật, thời thời khắc khắc chớ để tạm quên. Sáng tối đối trước Phật lễ bái, trì tụng, tùy theo bản thân rảnh rỗi hay bận bịu mà lập một khóa trình[83]. Ngoài ra, [trong lúc] đi - đứng - ngồi - nằm và những chuyện chẳng phải dùng đến tâm thì đều khéo niệm. Lúc ngủ nên thầm niệm, chẳng nên niệm ra tiếng.

Chỉ nên niệm bốn chữ A Di Đà Phật để khỏi bị nhiều chữ khó niệm. Nếu áo mũ không chỉnh tề, hoặc đang lúc rửa ráy, đại tiểu tiện, hoặc đến chỗ không sạch sẽ đều nên niệm thầm. Niệm thầm có cùng một công đức [như niệm ra tiếng], niệm ra tiếng không hợp lễ. Bất luận niệm lớn tiếng hay niệm nhỏ tiếng, niệm Kim Cang (niệm có tiếng nhưng người bên cạnh không nghe được), niệm thầm trong tâm, đều phải niệm cho rõ ràng rành rẽ trong tâm, niệm cho rõ ràng rành rẽ nơi niệm, tai nghe cho rõ ràng rành rẽ. Như thế thì tâm chẳng rong ruổi theo bên ngoài, vọng tưởng dần dần dứt, Phật niệm dần dần thuần, công đức rất lớn!

Người niệm Phật phải hiếu dưỡng cha mẹ, phụng sự sư trưởng (tức thầy dạy ta và những vị có đạo đức), từ bi không giết (nên ăn chay trường, hoặc ăn chay kỳ. Nếu chưa dứt được ăn mặn thì đừng đích thân giết), tu Thập Thiện nghiệp (tức là thân chẳng làm chuyện sát sanh, trộm cắp, tà dâm; miệng chẳng nói dối, thêu dệt, nói đôi chiều, nói lời ác; tâm chẳng khởi niệm tham dục, nóng giận, ngu si). Lại còn phải cha nhân từ, con hiếu thuận, anh nhường, em kính, chồng hòa, vợ thuận, chủ nhân từ, tớ trung thành, tận hết bốn phận của chính mình. Chẳng cần biết người khác có trọn hết bốn phận đối với ta hay không, ta phải luôn trọn hết phận ta. Nếu có thể đối với gia đình và xã hội tận tình, tận hết bốn phận thì gọi là thiện nhân. Thiện nhân niệm Phật cầu sanh Tây Phương chắc chắn khi lâm chung liền được vãng sanh bởi tâm hợp với Phật, nên cảm được Phật từ tiếp dẫn. Nếu tuy thường niệm Phật, nhưng tâm chẳng nương theo đạo, hoặc đối với cha mẹ, anh em, thê thiếp, con cái, bạn bè, xóm làng chẳng

thể tận hết bốn phận thì tâm đã trái nghịch Phật, khó thể vãng sanh! Do tự tâm phát sanh chướng ngại, Phật cũng không có cách nào rũ lòng từ tiếp dẫn được!

Lại phải nên khuyên cha mẹ, anh em, chị em, thê thiếp, con cái, xóm làng, thân hữu đều cùng thường niệm “nam-mô A Di Đà Phật” và “nam-mô Quán Thế Âm Bồ Tát” (mỗi ngày nếu niệm một vạn câu Phật hiệu thì niệm năm ngàn câu Quán Âm, nhiều hay ít chiếu theo đây mà gia giảm). Bởi chuyện này lợi ích rất lớn, nỡ nào để người sanh ra ta và quyến thuộc của ta cũng như thân hữu chẳng được hưởng lợi ích này hay sao? Huống chi hiện tại đang là lúc cõi đời hoạn nạn lớn lao, tai họa xảy đến không cách gì đối phó được. Nếu thường niệm Phật và niệm Quán Âm, nhất định được Phật từ che chở, gặp chuyện dữ hóa lành. Dầu không tai nạn cũng được túc nghiệp tiêu, trí rạng, chướng tận, phước tăng. Huống chi khuyên người niệm Phật cầu sanh Tây Phương chính là thành tựu cho kẻ phạm phu thành Phật, công đức rất lớn. Dùng công đức này hồi hướng vãng sanh, ắt được mãn nguyện.

Phạm tụng kinh, trì chú, lễ bái, sám hối và cứu tai nạn, giúp kẻ nghèo, mọi thứ công đức từ thiện đều phải hồi hướng vãng sanh Tây Phương, chớ nên cầu phước báo nhân thiên trong đời sau. Nếu có tâm ấy sẽ chẳng có phần vãng sanh! Hễ sanh tử chưa giải quyết xong, phước càng lớn ắt nghiệp càng nặng. Hễ sanh lần nữa, khó khỏi đọa trong ba đường ác địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh. Nếu muốn lại được thân người, lại được gặp pháp môn Tịnh Độ liễu thoát ngay trong một đời, thật khó như lên trời vậy! Phật dạy người niệm Phật cầu sanh Tây Phương là nhằm để con người liễu thoát sanh tử ngay trong đời này. Nếu cầu phước báo nhân thiên đời sau thì là trái nghịch lời Phật dạy, giống như đem một viên bảo châu vô giá trong khắp cõi đời đời lấy một thẻ đường để ăn, chẳng đáng tiếc ư? Người ngu niệm Phật chẳng cầu sanh Tây Phương, cầu phước báo nhân thiên đời sau cũng chẳng khác gì!

Người niệm Phật chẳng được lạm tu con đường tham cứu của nhà Thiền, bởi người tham cứu chẳng chú trọng nơi tín nguyện cầu sanh; dầu có niệm Phật cũng chỉ chú trọng khán câu “*người niệm Phật là ai?*” để cầu khai ngộ mà thôi! Nếu

sinh Tây Phương thì không có ai chẳng khai ngộ! Nếu khai ngộ mà Hoặc nghiệp hết sạch thì có thể liễu sanh tử. Nếu Hoặc nghiệp chưa hết sẽ chẳng thể cạy vào Tự Lực để liễu sanh tử. Lại do không có tín nguyện nên chẳng thể cạy vào Phật Lực để liễu sanh tử. Tự Lực lẫn Phật Lực đều không nhờ cạy được, muốn thoát luân hồi há có được chăng? Phải biết: Pháp Thân Bồ Tát lúc chưa thành Phật còn đều phải cạy vào oai lực của Phật, hướng chi nghiệp lực phàm phu phí công bàn chuyện Tự Lực, chẳng cạy Phật Lực ư! Lời lẽ tuy cao siêu, nhưng hạnh thật hèn tẻ. Phật Lực, Tự Lực lớn - nhỏ, nào phải chỉ khác biệt như trời với vực! Nguyện đồng nhân[84] đều hiểu nghĩa này.

Người niệm Phật chớ nên bắt chước kẻ ngu, làm những “*Phật sự*” như hoàn thọ sanh[85], gởi kho v.v... bởi chuyện “hoàn thọ sanh” chẳng phát xuất từ kinh Phật, mà do người đời sau ngụy tạo. Gởi kho là nguyện chết đi làm quỷ, chuẩn bị sẵn tiền tiêu dùng trong quỷ đạo. Đã có tâm nguyện làm quỷ sẽ khó thể vãng sanh. Nếu chưa làm hãy chớ có làm. Nếu trót đã làm hãy bấm rõ cùng Phật: “*Đệ tử tên là... chỉ cầu vãng sanh, tiền trước kia gởi kho nơi cõi âm, đều dùng chấn tế cô hồn hết*” thì mới chẳng gây chướng ngại cho việc vãng sanh. Phàm những kinh như Thọ Sanh, Huyết Bồn, Thái Dương, Thái Âm, Nhân Quang, Táo Vương, Thai Cốt, Phân Châu, Diệu Sa[86] v.v... đều do những kẻ lầm lạc ngụy tạo, chớ nên niệm. Kẻ ngu chẳng biết niệm kinh Đại Thừa (tức là các kinh A Di Đà Kinh, Vô Lượng Thọ Kinh, Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh, Tâm Kinh, Kim Cang, Dược Sư, Pháp Hoa, Lăng Nghiêm, Hoa Nghiêm, Phổ Hiền Hạnh Nguyện Phẩm v.v...) Tin vào các thứ ngụy kinh ngụy tạo mù quáng ấy, ắt phải làm những chuyện hoàn thọ sanh, phá địa ngục, phá huyết hồ mới an tâm được! Có người hiểu lý nói những kinh ấy là ngụy tạo, cũng chẳng chịu tin. Phải biết: Làm Phật sự thì chỉ có niệm Phật là công đức lớn nhất. Nên dùng tiền làm chuyện hoàn thọ sanh, phá địa ngục, phá huyết hồ[87] để thỉnh vị Tăng có chánh niệm niệm Phật thì lợi ích lớn lắm.

Người niệm Phật nên ăn chay trường. Nếu như chưa thể thì nên giữ Lục Trai, hoặc Thập Trai (mồng 8, 14, 15, 23, 29, 30 là Lục Trai. Thêm vào ngày mồng Một, 18, 24, 28 thì thành Thập Trai. Gặp tháng thiếu thì ăn lên trước đó một ngày. Lại còn tháng Giêng, tháng Năm, tháng Chín là ba tháng chay, nên ăn chay trường, làm các công đức). Từ giảm dần đến vĩnh viễn dứt ăn mặn thì mới hợp lý. Tuy chưa dứt được ăn mặn, hãy nên mua thịt làm sẵn, chớ có sát sanh trong nhà. Do trong nhà thường nguyện cát tường (tốt lành, may mắn), nếu hằng ngày sát sanh thì nhà ấy liền trở thành nơi giết chóc. Nơi giết chóc chính là chỗ oán quỷ tụ hội, chẳng tốt lành, [điều này] quan trọng lắm! Do vậy phải kiêng sát sanh trong nhà.

Người niệm Phật nên khuyên cha mẹ niệm Phật cầu sanh Tây Phương, nhưng muốn cho cha mẹ lúc lâm chung quyết định vãng sanh Tây Phương mà không nói sẵn cho quyến thuộc biết về việc trợ niệm lâm chung, và lợi - hại của việc phô trương phù quáng và khóc lóc sẽ chẳng thể được! Vì vậy, muốn cho cha mẹ lâm chung được hưởng sự lợi ích do quyến thuộc trợ niệm, chẳng bị mắc hại phá hoại chánh niệm mà lúc thường ngày không nói cho họ biết sự lợi ích của việc niệm Phật, khiến cho ai nấy đều thường niệm sẽ không thể được! Như thế chẳng những có ích cho cha mẹ mà thật sự còn có ích cho những quyến thuộc hiện đời, con cháu đời sau. Lâm chung trợ niệm bất luận già trẻ đều nên như vậy, xem cuốn *Sức Chung Tân Lương*[88] sẽ tự biết (Thượng Hải Phật Học Thư Cục, chùa Báo Quốc ở Tô Châu đều có bán cuốn ấy).

Nữ nhân khi sanh nở thường đau đớn chẳng kham nổi, mấy ngày chưa sanh rất có thể bị mất mạng. Lại có người sanh xong bị băng huyết, đủ mọi nỗi nguy hiểm, và con cái mắc chứng kinh phong chậm hay gấp, đủ mọi nỗi nguy hiểm. Nếu nhằm lúc sắp sanh, hãy chí thành khẩn thiết niệm ra tiếng rõ ràng “*nam mô Quán Thế Âm Bồ Tát*”, chớ đừng niệm thầm trong tâm, bởi niệm thầm sức nhỏ, nên cảm ứng cũng nhỏ. Lại do lúc ấy dùng sức đẩy đưa con ra, nếu thầm niệm thì rất có thể do bế khí mà thành bệnh. Nếu chí thành khẩn thiết niệm chắc chắn chẳng bị đau đớn,

khó sanh và băng huyết sau khi sanh, con mắc các chứng kinh phong v.v... Dẫn cho khó sanh đến tột bậc, người đã sắp chết, hãy nên dạy sản phụ ấy và những người chăm sóc chung quanh đều cùng niệm Quán Thế Âm ra tiếng, người nhà dầu ở phòng khác cũng đều có thể niệm, chắc chắn công phu chưa đến một khắc liền được an nhiên sanh nở. Ngoại đạo chẳng hiểu lý, chấp chết vào một pháp cung kính, chẳng biết căn cứ vào sự dễ luận lý, đến nỗi những bà cụ niệm Phật coi sanh nở là chuyện đáng sợ, dầu là con gái ruột, con dâu cũng chẳng dám nhìn đến, huống chi là dám dạy họ niệm Quán Âm ư? Phải biết Bồ Tát mang tâm cứu khổ, lúc sắp sanh lỏa lồ, bất tịnh, là chuyện không thể nào tránh được, chứ không phải là do cố ý luông tuồng, chẳng những [niệm Quán Âm khi ấy] không có tội lỗi gì, mà lại còn gieo được đại thiện căn cho cả mẹ lẫn con. Nghĩa này đức Phật dạy trong kinh Dược Sư, chứ không phải là ý kiến ước đoán của tôi, chẳng qua tôi chỉ đề xướng mà thôi! (Kinh Dược Sư nói về thế nguyện công đức Phật Dược Sư, cho nên dạy niệm Phật Dược Sư. Nhưng danh hiệu Quán Âm ai nấy đều biết cho nên bắt tất phải niệm Phật Dược Sư, cứ niệm Quán Âm cũng được).

Nữ nhân từ mười hai, mười ba tuổi cho đến bốn mươi tám, bốn mươi chín tuổi đều có kinh nguyệt. Có kẻ nói trong lúc có kinh không được lễ bái, trì tụng. Lời ấy chẳng thông tình lý. Người có kinh ngắn ngày thì hai ba ngày là hết, có người kéo dài đến năm sáu ngày mới hết. Người tu trì ắt phải niệm niệm không gián đoạn, lẽ đâu vì một tật nhỏ trời sanh ấy để rồi bỏ phế việc tu trì ư? Nay tôi nói: Trong lúc có kinh, chỉ nên lễ bái ít hơn (nên ít lễ bái, chứ không phải là tuyệt đối chẳng được làm lễ), niệm Phật, tụng kinh đều theo như lệ thường. Nên thường thay vải dơ (băng vệ sinh). Nếu tay sờ vào vải dơ, hãy nên rửa sạch, chớ dùng tay đã chạm đồ dơ để lật kinh và thắp hương. Phật pháp pháp nào cũng viên dung, ngoại đạo chỉ chấp vào lý ngoài rìa. Người đời đa phần chỉ tin lời ngoại đạo, chẳng biết đến chánh lý trong Phật pháp. Vì thế, khiến cho hết thầy đồng nhân chẳng thể được nhuần thấm lợi ích nơi pháp.

Quán Thế Âm Bồ Tát thệ nguyện rộng sâu, theo tiếng cứu khổ. Nếu gặp phải những hoạn nạn như đao binh, nước, lửa, đói kém, sâu rầy, châu chấu, ôn dịch, hạn hán, lụt lội, giặc cướp, oan gia, ác thú, rắn độc, ác quỷ, yêu mị, bệnh tật do oán nghiệp, tiểu nhân hãm hại.... mà có thể phát tâm sửa lỗi hướng thiện, tự lợi lợi người, chí thành khẩn thiết niệm Quán Thế Âm, niệm niệm không gián đoạn, chắc chắn sẽ được Ngài từ bi che chở, chẳng bị nguy hiểm gì. Nếu vẫn giữ tám lòng chẳng lành, đâu có xung niệm, chẳng qua chỉ tạm gieo căn lành cho vị lai, chẳng được cảm ứng trong hiện thời. Bởi lẽ Phật, Bồ Tát đều là thành tựu thiện niệm cho người, trọn chẳng thành tựu ác niệm cho người. Nếu chẳng phát tâm sửa lỗi hướng thiện, làm lạc muốn niệm danh hiệu Phật, Bồ Tát để mong thành tựu ác sự cho mình thì quyết định không được cảm ứng, chớ có dấy lên cái tâm điên đảo ấy!

Niệm Phật khẩn yếu nhất là giữ vẹn luân thường, trọn hết bốn phận, dứt lòng tà, giữ lòng thành, đừng làm các điều ác, vâng làm các điều thiện, giữ tám lòng tốt, nói lời tốt lành, làm chuyện tốt. Có sức làm được thì tích cực làm, chẳng thể làm được thì cũng phải phát thiện tâm ấy, hoặc khuyên người có sức làm, hoặc thấy người khác làm bèn phát tâm hoan hỷ, thốt lời khen ngợi thì cũng là thuộc về công đức nơi tâm và miệng. Nếu chẳng thể tự làm được, thấy người khác làm bèn sanh ganh ghét, liền thành ra tâm hạnh tiểu nhân gian ác, chắc chắn bị tổn phước, giảm thọ, chẳng được kết quả tốt lành, hãy nên thống thiết răn dè. Chẳng được làm chuyện giả dối để được tiếng, buôn danh chuốc dự, tâm hạnh ấy quả thật bị thiên địa quỷ thần đều cùng ghét. Nếu có thì phải sửa đổi, nếu không thì càng thêm cố gắng.

Trong đời có kẻ nữ, chẳng hiếu chí lý (lý tốt cùng), hoặc chẳng hiếu đối với cha mẹ chồng, lừa dối, khinh miệt chồng, nuông chiều con cái mù quáng, ngược đãi tôi tớ, hoặc là mẹ kế ngược đãi con cái đời vợ trước, chẳng biết hiếu dưỡng cha mẹ chồng, kính trọng chồng, dạy con cái, rộng rãi với tôi tớ, nuôi dạy, chăm sóc con cái vợ trước, [chẳng biết những điều ấy] quả thật là đạo thánh hiền trong thế

gian, mà cũng là pháp vun bồi cái gốc trong nhà Phật. Đầy đủ công đức này, do tu tập Tịnh nghiệp chắc chắn danh dự ngày càng cao, phước tăng, tuổi thọ lâu dài, lâm chung được Phật tiếp dẫn lên thẳng chín phẩm sen. Phải biết: Có nhân ắt chắc chắn có quả. Nếu mình đã gieo cái nhân hiếu kính từ ái, sẽ tự hưởng cái quả hiếu kính từ ái. Vì người chính là vì mình, hại người còn tệ hơn tự hại mình. Vì thế phải tận hết chức phận của chính mình để mong Phật trời cùng soi xét.

Trẻ nhỏ từ lúc có sự hiểu biết, liền dạy cho chúng đạo hiếu, đễ, trung, tín, lễ, nghĩa, liêm, si, và những sự nhân quả ba đời, luân hồi lục đạo khiến cho chúng biết tâm của chính chúng nó trong từng hơi thở đều thông với tâm của trời, đất, quỷ thần, Phật, Bồ Tát. Khởi lên một niệm bất chánh, làm một chuyện bất chánh đã sớm bị trời, đất, quỷ thần, Phật, Bồ Tát thấy biết tường tận, như đối trước gương sáng đều hiện ra hình bóng xấu không thể trốn tránh được, ngộ hầu chúng nó biết kiêng sợ, gắng làm người lương thiện. Bất luận là ai, dẫu là tôi tớ, trẻ nhỏ cũng chẳng được phép đánh chửi. Dạy chúng tôn kính bậc tôn trưởng, giữ phận người dưới. Phải chú trọng dạy chúng nó kính tiếc giấy có viết chữ, yêu tiếc ngũ cốc, y phục, đồ đạc, thương tiếc che chở trùng kiến, cấm ngắt ăn vặt để khỏi bị bệnh. Dạy được như thế thì phần đông chắc chắn trở thành người hiền thiện. Nếu lúc nhỏ để mặc theo thói quen, điều gì cũng chẳng giáo huấn, lớn lên không thành hạng tâm thường cũng thành phường trộm cướp. Lúc ấy có hối cũng chẳng có ích gì! Cổ nhân nói: *“Dạy vợ từ thuở mới về, dạy con từ tấm bé”*, bởi lẽ do huân tập sẽ trở thành bản tánh nên phải cẩn thận ngay từ đầu. Thiên hạ yên hay loạn đều bắt nguồn từ đây; chớ nghĩ lão tăng nói chuyện viển vông, không quan hệ, khản yếu chi!

Quang đã già rồi, tinh thần ngày càng suy, không có sức trả lời thư gửi đến. Chỉ vì đường bưu điện thuận tiện khiến cho xa gần nghe lầm hư danh, thường gửi thư đến hỏi mãi. Nếu nhất loạt chẳng phúc đáp cũng cảm thấy phụ lòng người hỏi đến. Nếu phúc đáp từng thư một, thật chẳng có đủ tinh thần làm như vậy. Vì thế, cho in bức thư dài này, phàm những gì liên quan đến chuyện tu trì và lập thân, xử

thế, thờ cha mẹ, dạy con, đều nói đại lược. Sau này có ai gửi thư đến, dùng thư này gửi lại. Nếu có một hai chuyện chi đặc biệt liền phê vào thư gửi đến mấy chữ để đôi bên thấu hiểu tình nhau, không đến nỗi nhọc nhằn quá đáng. Nếu muốn thông hiểu sâu xa kinh giáo, xin hãy thỉnh giáo nơi những bậc pháp sư thông hiểu sâu xa dụng cao tràng pháp. Nên biết rằng: Người thông hiểu sâu xa kinh giáo chưa chắc đã liễu sanh tử ngay trong đời này. Nếu muốn liễu sanh tử ngay trong đời này, hãy nên chú trọng nơi tín nguyện niệm Phật cầu sanh Tây Phương.

III. Ba điều quan trọng nhất lúc lâm chung (*Lâm chung tam đại yếu*)

Điều bi thảm nhất trong thế gian thật không chỉ bằng cái chết, nhưng khắp cả người đời, có ai may mắn thoát được nỗi? Vì vậy, người có tâm muốn lợi mình lợi người thì chẳng thể không sớm lo liệu. Thật ra, một chữ CHẾT vốn chỉ là giả danh. Do kỳ hạn của quả báo chiêu cảm từ [các nhân] đời trước đã tận nên bỏ tấm thân này rồi lại thọ cái thân khác vậy. Kẻ chẳng biết Phật pháp thì đúng là không tìm được cách gì, chỉ đành mặc cho nghiệp xoay chuyển. Nay đã được nghe pháp môn Tịnh Độ phổ độ chúng sanh của đức Như Lai thì phải nên tín nguyện niệm Phật, sắp sẵn tư lương vãng sanh, hầu mong thoát được cái nỗi khổ luân hồi sanh tử giả huyễn, chứng sự vui chân thật Niết Bàn thường trụ.

Nếu ai có cha, mẹ, anh, em và các quyến thuộc mắc phải bệnh nặng, bệnh tình khó bề thuyên giảm thì nên phát tâm hiếu thuận, từ bi, khuyên họ niệm Phật cầu sanh Tây phương và trợ niệm cho họ để mong người bị bệnh nhờ đó sau khi chết liền được sanh về Tịnh Độ. Sự lợi ích như thế kể sao cho xiết? Nay tôi nêu lên ba điều trọng yếu để làm căn cứ hòng thành tựu sự vãng sanh cho người lâm chung;

lời lẽ tuy thô vụng nhưng ý vốn lấy từ kinh Phật. Gặp được nhân duyên này đều nên làm theo. Ba điều trọng yếu là:

- * Một là khéo chỉ dạy, an ủi, khiến [người sắp mất] sanh chánh tín.

- * Hai là mọi người thay phiên niệm Phật để giúp tịnh niệm [cho người sắp mất].

- * Ba là hết sức tránh dờn động, khóc lóc, kéo làm hỏng việc.

Nếu có thể tuân theo ba pháp này thì quyết định sẽ tiêu trừ được túc nghiệp, tăng trưởng Tịnh nhân (cái nhân để vãng sanh Tịnh Độ), được Phật tiếp dẫn vãng sanh Tây phương. Một phen đã được vãng sanh thì sẽ siêu phàm nhập thánh, liễu sanh thoát tử, dần dần tấn tu ắt sẽ đạt tới viên thành Phật quả mới thôi. Sự lợi ích như vậy hoàn toàn nhờ vào sức trợ niệm của quyến thuộc. Có thể làm được như thế mới là chân hiếu đối với cha mẹ, mới thật là chân đễ[89] đối với anh em trai, chị em gái, mới thật là chân từ đối với con cái, mới thật là chân nghĩa, chân huệ đối với bằng hữu và đối với mọi người; dùng những điều ấy để vun bồi thêm cái nhân Tịnh Độ của chính mình. Khơi gợi lòng tin tưởng của những đồng nhân, lâu ngày chày tháng nào có khó gì mà chẳng tập thành lễ thói được. Nay tôi sẽ trình bày từng điều một để chẳng đến nỗi lâm chung có những điều không thích đáng, không đúng lý vậy.

a. Điều thứ nhất là khéo chỉ bày, an ủi, khiến cho [người sắp mất] sanh chánh tín:

Thiết tha khuyên người bệnh buông xuống hết thảy, chỉ nhất tâm niệm Phật. Nếu như cần phải giao phó việc gì thì phải mau giao phó. Giao phó xong thì chẳng đếm xỉa đến nữa, chỉ nghĩ ta nay theo Phật vãng sanh cõi Phật; tất cả sự giàu vui, quyến thuộc thế gian, các thứ trần cảnh đều là chướng ngại, thậm chí khiến ta mắc hại. Vì thế, chẳng nên sanh một niệm quyến luyến, vương mắc. Phải biết: Một

niệm chân tánh của chính mình vốn chẳng có chết. Cái chết vừa nói đó chỉ là xả thân này để lại thọ cái thân khác mà thôi. Nếu chẳng niệm Phật thì sẽ phải thuận theo nghiệp lực thiện, ác để lại thọ sanh trong nẻo lành, đường dữ (Đường lành là trời - người. Đường ác là súc sanh, ngạ quỷ, địa ngục. A Tu La vừa gọi là đường lành vừa gọi là đường ác vì họ tu nhân cảm quả đều là thiện ác xen lẫn). Nếu như trong lúc lâm chung, nhất tâm niệm Nam Mô A Di Đà Phật thì do tâm niệm Phật chí thành, ắt quyết định cảm được Phật đầy lòng đại từ bi, đích thân tiếp dẫn khiến cho ta được vãng sanh.

Đừng nghi rằng: Ta là nghiệp lực phàm phu, làm sao chỉ do niệm Phật trong một thời gian ngắn lại có thể thoát khỏi sanh tử, vãng sanh Tây phương? Nên biết rằng: Vì đức Phật đại từ bi nên dầu là kẻ tội nhân Thập Ác, Ngũ Nghịch rất nặng, lúc lâm chung tướng địa ngục hiện ra, mà nếu có thiện tri thức dạy cho niệm Phật bèn hoặc niệm mười tiếng hoặc chỉ một tiếng thì cũng được Phật tiếp dẫn, vãng sanh Tây phương. Hạng người ấy chỉ niệm mấy câu còn được vãng sanh, há nên cho rằng ta nghiệp lực nặng, niệm Phật ít ỏi mà sanh lòng nghi nữa ư? Phải biết: Chúng ta vốn có chân tánh, chân tánh của ta và chân tánh của Phật chẳng hai; chỉ vì ta Hoặc nghiệp còn sâu nặng nên chẳng thọ dụng được! Nay đã quy mạng nơi Phật như con nương về với cha, chính là trở về với quê nhà ta vốn sẵn có, chứ nào có phải là điều gì bên ngoài đâu! Hơn nữa, xưa kia, đức Phật đã phát nguyện: *“Nếu có chúng sanh nghe danh hiệu của ta mà chí tâm tin ưa, dầu chỉ mười niệm mà nếu chẳng được vãng sanh thì chẳng lấy ngôi Chánh Giác”*. Vì thế, hết thấy chúng sanh lúc lâm chung phát tâm chí thành niệm Phật cầu sanh về Tây phương thì không một ai là chẳng được Ngài rủ lòng Từ tiếp dẫn. Ngàn vạn phần chẳng được hoài nghi nữa! Hoài nghi chính là tự mình làm lạc, họa ấy chẳng nhỏ.

Huống hồ, lìa khỏi thế giới khổ não này sanh về thế giới vui vẻ kia là chuyện hết sức sung sướng, cho nên phải sanh tâm hoan hỷ, ngàn vạn phần chẳng được sợ chết. Dầu sợ chết vẫn chẳng thể không chết, lại còn đâm ra mất phần vãng sanh

Tây phương nữa vì tâm mình trái với tâm Phật vậy! Dầu Phật sẵn lòng đại từ bi cũng không làm thế nào được đối với chúng sanh chẳng nương theo lời dạy của Phật! Vạn đức hồng danh của Phật A Di Đà giống như lò luyện lớn lao; tội nghiệp trong nhiều kiếp của chúng ta như một mảnh tuyết trong hư không. Nghiệp lực phàm phu do bởi niệm Phật nên nghiệp liền tiêu diệt, giống như mảnh tuyết gần bên lò lửa lớn liền bị tiêu hết chẳng còn gì nữa.

Và lại, huống chi nghiệp lực đã tiêu thì bao nhiêu thiện căn sẽ tự nhiên tăng trưởng thù thắng; sao lại còn ngờ chẳng được vãng sanh và Phật chẳng đến tiếp dẫn nữa ư? Đây chính là những điều chỉ dạy cho người bệnh. Còn như những việc chí thành, tận hiếu mà ta phải nên làm thì cũng chỉ chú trọng ở những điểm ấy; chớ nên thuận theo thói tục van cầu thần thánh, tìm thầy chạy thuốc. Mạng lớn đã sắp hết thì làm sao quý thần, thuốc men giữ cho người ấy khỏi chết được! Nếu đã nhọc lòng vì những sự vô ích như thế thì đối với một sự niệm Phật lòng thành khẩn bị xen tạp, không cách gì cảm thông [đức Phật] được! Nhiều kẻ lúc cha mẹ lâm chung chẳng tiếc tiền của, mời nhiều thầy thuốc đến khám. Đây là mua tiếng hiếu, muốn được người đời khen ta tận hiếu đối với cha mẹ; nào hay trời đất, quý thần xét soi tường tận nỗi lòng. Vì vậy, đối với những sự tống táng cha mẹ mà quá sức phô trương thì nếu chẳng mắc thiên tai ắt cũng bị vạ người. Kẻ làm con chỉ nên chú trọng những gì thần thức của cha mẹ sẽ đạt được. Lời xưng tụng của thể nhân chẳng đáng cho kẻ sáng mắt nhếch mép cười, lẽ đâu lại dốc lòng mong mỏi, thật chỉ khiến cho ta phải mắc vào cái lỗi bất hiếu to lớn mà thôi!

b. Thứ hai là mọi người thay phiên niệm Phật để giúp tịnh niệm [cho người chết].

Trước đó, đã chỉ dạy người bệnh khiến cho kẻ ấy sanh chánh tín; nhưng vì người bệnh ấy tâm lực yếu ớt, đừng nói chi hạ hạnh người lúc còn khỏe mạnh chưa

bao giờ niệm Phật, chẳng để gì niệm liên tục lâu dài được, ngay cả người chuyên trọng niệm Phật thì cũng hoàn toàn nhờ vào người khác trợ niệm thì mới có thể hữu hiệu. Vì vậy, quyến thuộc trong nhà nên cùng phát tâm hiếu thuận, từ bi, vì người ấy trợ niệm Phật hiệu. Nếu bệnh tình còn chưa đến nỗi sắp chết vào bất cứ lúc nào thì nên chia ban niệm Phật. Nên chia thành ba ban, mỗi ban hạn định mấy người. Ban đầu tiên niệm Phật ra tiếng, ban thứ hai và thứ ba niệm thầm. Niệm một tiếng đồng hồ thì ban thứ hai niệm tiếp; ban thứ nhất, ban thứ ba niệm thầm. Nếu có chuyện nhỏ thì nên lo liệu trong lúc niệm thầm; còn trong lúc trực ban trọn chẳng nên bỏ đi. Ban thứ hai niệm xong, ban thứ ba niệm tiếp. Xong rồi lại trở lại từ đầu. Niệm một tiếng, nghỉ hai tiếng; [như vậy thì niệm] suốt cả ngày đêm thì cũng không mệt nhọc lắm.

Phải biết: Chịu giúp người đạt được Tịnh niệm vắng sanh thì cũng sẽ được hưởng báo có người trợ niệm. Chớ có nói là chỉ vì cha mẹ nên mới phải tận hiếu như vậy, mà đối với người dung cũng nên vun bồi ruộng phước của chính mình, trưởng dưỡng thiện căn của chính mình thì mới đúng là cái đạo tự lợi, chứ chẳng phải chỉ vì người khác mà thôi! Thành tựu một người được vắng sanh Tịnh Độ chính là thành tựu một chúng sanh làm Phật. Công đức như thế há thể nghĩ lường được ư!

Ba ban liên tục, tiếng niệm Phật chẳng ngớt. Nếu sức bệnh nhân niệm được thì nương theo đó niệm nhỏ nhỏ theo. Chẳng thể niệm nổi thì lắng tai nghe kỹ, tâm không có niệm gì khác thì tự có thể tương ứng với Phật vậy. Tiếng niệm Phật chẳng nên quá to; to thì tốn hơi, khó niệm lâu được; cũng chẳng thể quá nhỏ khiến cho bệnh nhân chẳng nghe rõ. Chẳng nên niệm quá mau, cũng chẳng nên quá chậm. Quá mau bệnh nhân niệm theo chẳng nổi, dầu có nghe cũng chẳng rõ. Quá chậm thì chẳng tiếp hơi nổi nên cũng khó có ích. Nên niệm chẳng lớn tiếng, chẳng nhỏ tiếng, chẳng rè rè, chẳng gấp gáp; từng chữ phân minh, từng câu rành mạch khiến cho từng chữ, từng câu lọt tai thấu dạ bệnh nhân; như vậy thì dễ có sức. Về

pháp khí dùng cho việc niệm Phật, chỉ nên dùng dẫn khánh, hết thấy các thứ khác đều chẳng nên dùng. Tiếng dẫn khánh trong treo khiến tấm lòng người nghe thanh tịnh. Tiếng mõ trầm đục chẳng thích hợp cho việc trợ niệm khi lâm chung. Lại nữa, nên niệm Phật hiệu gồm bốn chữ. Lúc bắt đầu thì niệm vài câu sáu chữ; rồi sau đó chuyên niệm bốn chữ A Di Đà Phật, chẳng niệm Nam Mô. Do ít chữ dễ niệm nên bệnh nhân sẽ niệm theo được hoặc nhiếp tâm lắng nghe, đều đỡ tốn tâm lực. Quyển thuộc trong nhà niệm như vậy mà thỉnh thiện hữu ở ngoài đến thì cũng niệm như vậy. Dù nhiều người hay ít người đều phải niệm như thế, chẳng nên niệm một chốc, lại ngưng nghỉ rồi lại niệm khiến cho bệnh nhân niệm Phật gián đoạn. Nếu ăn cơm thì nên ăn vào lúc thay phiên, đừng ngớt tiếng niệm. Nếu như lúc bệnh nhân sắp tắt hơi thì cả ba ban nên cùng niệm cho đến tận sau khi đã tắt hơi hẳn rồi mới lại chia ba ban niệm suốt ba tiếng đồng hồ nữa (Trong sách Sức Chung Tân Lương, nguyên văn ở chỗ này ghi “*thời gian niệm càng nhiều càng hay*”, các đại đức cận đại đề xướng tiếp tục niệm tám tiếng đồng hồ đến hai mươi bốn tiếng đồng hồ. Người soạn bản in mới kính cẩn ghi chú). Sau đấy, mới ngưng niệm để lo liệu, sắp đặt mọi việc. Trong lúc niệm Phật, chẳng để cho bè bạn đến trước bệnh nhân thăm hỏi, vô vè. Đã có lòng đến thăm thì hãy cùng đại chúng niệm Phật mấy thời. Ấy mới là tấm lòng yêu mến chơn thật, có ích cho bệnh nhân. Còn nếu cứ theo thói tục thường tình thì chính là đã xô người xuống biển. Tình ấy tuy đáng cảm, nhưng [để xảy ra] sự ấy thật đáng đau đớn. Toàn là cậy vào người chủ chốt hiểu rõ đạo lý, bảo trước với người [đến thăm] để khỏi tổn thương tình cảm, lại khỏi gây hại cho bệnh nhân bị phân tâm chẳng được vắng sanh vậy.

c. Thứ ba là kiêng dè xáo động, khóc lóc để khỏi làm hỏng đại sự

Lúc người sắp chết chính là lúc phân biệt giữa thánh, phàm, người, quỷ, [tình trạng khác nào] ngàn cân [treo] đầu sợi tóc; hết sức quan trọng, chỉ nên dùng Phật

hiệu để chỉ dạy thần thức người ấy, trọn chẳng nên tắm rửa, thay áo, hoặc dòi chồ nằm. [Người ấy] nằm như thế nào, cứ để yên người đó trong tư thế ấy, chẳng nên dòi động chút nào. Cũng chẳng nên đối trước [người ấy] mà lộ vẻ buồn bã, thương xót, hoặc đến nỗi khóc lóc. Vì khi đó [người chết] thân chẳng tự chủ được; hễ lay động là toàn thân lẫn chân tay đều bị đau đớn như bị cắt, chặt, giằng xé. Hễ đau đớn thì sanh tâm sân hận nên tâm niệm Phật bị ngưng dứt. Mang tâm sân hận ra đi, phần nhiều bị đọa vào độc loại (những loài vật hung dữ, độc địa như rắn, bò cạp, rết...), đáng sợ hãi thay. Nếu [người chết] thấy [thân quyền] đau đớn, khóc lóc thì tâm mền luyến phát sanh nên tâm niệm Phật cũng bị ngừng nghỉ. Vì mang tâm ái luyến mà ra đi nên đến nỗi đời đời, kiếp kiếp chẳng được giải thoát.

Lúc ấy, có lợi nhất thì không gì bằng nhất tâm niệm Phật; điều gây hại nhất không chi bằng vọng động, khóc than. Nếu như vọng động, khóc than đến nỗi [người chết] sanh lòng sân hận hay mền luyến thì có muốn sanh Tây phương, cả vạn trường hợp cũng chẳng được một.

Thêm nữa, người sắp chết hơi nóng rút từ dưới lên trên là tướng siêu thăng, còn [hơi nóng] từ trên rút xuống dưới là tướng đọa lạc. Vì vậy, có thuyết:

Đánh thánh, nhĩn thiên sanh

Nhân tâm, ngạ quỷ phúc

Súc sanh tất cái ly,

Địa ngục cước phản xuất

Nhưng nếu cả nhà chí thành trợ niệm thì [người chết] ắt tự có thể sanh thẳng về Tây phương; chẳng nên thăm dò nhiều lượt khiến cho khi thần thức [người chết] chưa rời [khỏi xác], nhân đây bị đau đớn, tâm sanh phiền đau nên chẳng được vắng sanh. Lỗi lầm ấy thật là vô lượng vô biên. Xin các thân hữu ai nấy đều khẩn thiết niệm Phật, chẳng cần thăm dò hơi nóng cuối cùng bị lạnh đi ở chỗ nào. Làm con nên lưu tâm điều này mới là hiếu thật sự. Nếu cứ thuận theo các tình cảm thế gian thì chính là xô người thân xuống biển khổ chẳng thương xót, mong một lũ vô tri vô

thức xúm lại khen ta đã tận hiếu! Hiếu như vậy thì có khác chi là tình yêu của La Sát Nữ! Kinh dạy: “*La Sát Nữ ăn thịt người, bảo: ‘Vì ta yêu người nên ăn thịt người’*”. Kẻ vô tri hành hiếu khiến cho người thân mất vui bị khổ, há chẳng phải là giống hệt cái tình yêu người của La Sát Nữ hay sao? Tôi nói ra lời này, chẳng phải là không đếm xỉa đến tình người, chỉ là muốn cho ai nấy đều xét rõ sự thực, ắt mong cho người chết vãng sanh, kẻ sống được phước, để thỏa tấm lòng thành sắt son của con hiền, cháu thảo thương yêu người thân, chẳng ngờ lời lẽ dường như quá khích. Người thương yêu cha mẹ thật sự ắt sẽ lượng thứ cho.

Thuyết: *Đánh thánh, nhĩn sanh thiên...* là nói về khi người đã tắt hơi, toàn thân đã lạnh, chỉ còn đánh đầu ấm thì ắt là siêu phàm nhập thánh, liễu sanh thoát tử. *Nhĩn sanh thiên* là nếu mắt và trán còn nóng thì sanh trong thiên đạo. Chỗ ngực còn ấm thì sanh nhân đạo. Riêng bụng còn nóng thì sanh trong ngạ quỷ đạo. Riêng đầu gối còn nóng thì sanh trong súc sanh đạo. Riêng bàn chân còn nóng thì sanh địa ngục đạo. Đây là do hai nghiệp thiện, ác đã tạo của người ấy lúc còn sống đến giờ đây cảm hiện như thế, chứ chẳng thể dựa vào thế lực nào để làm giả ra như vậy được. Khi đó, nếu bệnh nhân có thể chí thành niệm Phật, lại thêm sức của quyền thuộc và bạn lành trợ niệm chắc chắn có thể đới nghiệp vãng sanh, siêu phàm nhập thánh vậy. Chẳng cần phải để ý thử sờ xét nghiệm, đến nỗi làm hỏng việc. Mong mỗi lần thay!

IV. Sớ trùng tu ao phóng sanh chùa Cực Lạc ở Nam Tầm[90]

Kiên giết phóng sanh về mặt Sự thì nông cạn, dễ thấy; nhưng về mặt Lý lại sâu xa, khó hiểu rõ. Nếu chẳng hiểu rõ Lý, dù có làm chuyện này, trong tâm chắc chắn chẳng chí thành, thương xót thiết tha, phước điền lợi ích cũng do tâm lượng

mà trở thành nhỏ nhoi, nông cạn. Nếu gặp phải kẻ vô tri ngăn trở, phỉ báng, [người phóng sanh] sẽ bị kẻ đó xoay chuyển, khiến cho một dạ thiện tâm vì đó bị tiêu diệt chẳng còn. Do vậy, chẳng ngại lảm lòi giải bày ý nghĩa, để những loài vật đều được gọi từ ân, loài người đều được vun bồi nền phước, ngõ hầu khẩn thiết động đến lòng nhân sâu xa, diệt được sát báo cho ta lẫn người, cùng đều được về cõi thọ, cùng vui tuổi trời. Lại nguyện đem công đức này hồi hướng Tây Phương để vĩnh viễn thoát khỏi luân hồi, vượt thoát tam giới, làm đệ tử Phật Di Đà, làm bạn tốt trong hải chúng. May ra sẽ được người đọc chú ý vậy!

Nhất niệm tâm tánh của chúng sanh sống trên đất hay dưới nước, vốn quả thật chẳng hai, chẳng khác gì với tam thể chư Phật; nhưng vì sức ác nghiệp đời trước chướng lấp nên diệu minh chẳng thể hiển hiện, trầm luân trong dị loại, đến nỗi sự hay biết hèn kém, ngoại trừ chuyện tìm cái ăn, tránh cái chết ra, trọn chẳng biết đến điều chi khác nữa! Ví như tấm gương đồng quý báu lớn, trải bao kiếp bị bụi lấp, chẳng những không có mây may quang minh nào, ngay cả chất đồng của gương cũng chẳng thể hiển hiện được, khác gì phế vật (vật hư nát, vô ích)! Chợt gặp được người trí, biết là gương báu sẵn có đủ vô biên quang minh chiếu trời soi đất, bèn ngày ngày chăm chú giồi mài. Thoạt đầu bèn lộ chút chất gương, dần dần tỏa ra ánh sáng. Mài đến cùng cực thì ánh sáng chiếu trời soi đất bèn hiển hiện toàn thể; người vô trí mới bèn quý trọng, xem là vật quý báu nhất.

Phải biết: Ánh sáng ấy gương vốn sẵn tự có, nào phải do mài mà có! Tuy là tự sẵn có, nhưng nếu không có duyên giồi mài thì từ kiếp này sang kiếp khác cũng chẳng có ngày tỏa ra quang minh. Tâm tánh của hết thấy trời - người chúng sanh lục đạo đều giống như vậy. Do Hoặc nghiệp từ vô thủy đến nay che lấp nên chẳng thể tỏ lộ diệu minh sẵn có, mê trái chân tánh, tạo nghiệp sanh tử. Đức Đại Giác Thế Tôn biết nhất niệm tâm tánh của các chúng sanh bằng với chư Phật; do vậy, đủ mọi phương tiện tùy cơ thuyết pháp, khiến cho khắp mọi loài đều tu đạo Giới -

Định - Huệ, ngũ hầu đoạn Hoặc chứng Chân, khôi phục cái mình sẵn có, trọn vẹn phước - huệ để chứng Pháp Thân.

Lại dạy người đời phát tâm từ bi, kiêng giết, phóng sanh; ấy là vì ta và hết thảy chúng sanh đều ở trong luân hồi, từ vô thủy đến nay lần lượt sanh ra nhau, xoay vần giết lẫn nhau. Bọn họ cố nhiên là cha mẹ, anh em trai, chị em gái, con cái của ta, mà ta cũng là cha mẹ, anh em trai, chị em gái, con cái của mỗi một người trong bọn họ. Bọn họ nhiều phen do ác nghiệp lực mà sanh trong loài người hoặc sanh trong dị loại[91], bị ta giết chóc; ta cũng nhiều phen do ác nghiệp lực mà sanh trong loài người hoặc sanh trong dị loại, bị họ giết chóc. Trải bao kiếp lâu xa, sanh ra nhau, giết lẫn nhau, trọn không ngơi ngớt! Phàm phu không biết, Như Lai thấy thấu suốt. Hễ không nghĩ thì thôi, nếu nghĩ đến ắt khôn ngăn hổ thẹn, thương xót! Nay ta may nhờ phước thiện đời trước, sanh trong loài người, cố nhiên nên cởi gỡ mối oán kết, kiêng giết, phóng sanh, khiến cho hết thảy những loài có sanh mạng đều được yên ổn; lại vì họ niệm Phật hồi hướng Tịnh Độ, khiến cho họ được độ thoát. Nếu họ nghiệp nặng chưa thể vãng sanh ngay, ta bèn nhờ vào công đức từ thiện này, quyết cầu lâm chung vãng sanh Tây Phương. Đã vãng sanh ắt sẽ siêu phàm nhập thánh, liễu sanh thoát tử, vĩnh viễn thoát khỏi luân hồi, dần dần chứng được Phật quả.

Vả nữa, yêu thương loài vật, phóng sanh thì bậc cổ thánh tiên hiền đều làm chuyện này. Vì thế, kinh Thư có đoạn văn chim, thú, cá, ba ba đều được sống yên vui[92], Văn Vương ân trạch thắm đến xương khô, hưởng chi loài vật có tri giác. Như Giản Tử thả chim cưu, Tử Sản[93] nuôi cá, Tùỳ Hầu giúp rắn[94], Dương Bảo cứu chim sẻ[95]. Đây là tâm thánh hiền cùng dùng lòng nhân đối đãi với loài vật, dẫu họ không biết đến những nghĩa lý: *“Những loài có tri giác, có cử động đều có Phật tánh, lần lượt thăng lên, đọa xuống, làm kẻ oán người thân lẫn nhau, và tương lai quyết định thành Phật”*. Đến khi đại giáo truyền sang Đông, thì nhân quả ba đời và lý *“chúng sanh, Phật, tâm, ba thứ bình đẳng không hai”* sáng lòa

trong thế gian. Phàm là bậc đại thánh đại hiền, không ai chẳng kiêng giết, phóng sanh, nhằm vẫn hồi sát kiếp để vun bồi quả phước, làm nền tảng để dứt nạn binh đao, vui hưởng tuổi trời. Cổ nhân nói: *“Dục tri thế thượng đao binh kiếp, tu thánh đồ môn bán dạ thanh”* (tạm dịch: “Muốn biết đao binh trong cõi thế, hãy nghe lò mổ giữa đêm thanh”). Lại nói: *“Muốn cho thế gian không còn nạn đao binh thì trừ phi chúng sanh không ăn thịt”*. Do vậy, biết rằng: Kiêng giết, phóng sanh chính là khuôn mẫu tốt đẹp để nhỏ rễ lấp nguồn [tai nạn], cứu đời.

Vì thế, Trí Giả đại sư đời Trần mua hơn sáu mươi chỗ ở Lâm Hải, Giang, Hồ, Khê, Lương, cả hơn bốn trăm dặm làm ao phóng sanh, xin sắc chỉ lập bia cấm ngặt đánh cá. Kẻ nào bắt trộm làm càn sẽ bị mắc vạ. Đến niên hiệu Trinh Quán đời Đường (triều vua Đường Thái Tông) vẫn còn như thế. Đến năm Càn Nguyên thứ hai đời Đường Túc Tông (759), vua hạ chiếu truyền các châu trong thiên hạ lập ao phóng sanh, sai Nhan Chân Khanh[96] soạn bài văn bia và viết bằng bút son; trong ấy có câu: *“Đức vua ta lấy cả thiên hạ làm ao, hết thấy [các loài] trong toàn cõi đều nhờ phước, nương sức Đà La Ni gia trì, cạn bờ mé phiền não sanh tử; suy đến tận ngàn xưa, chưa hề phẳng phát giống được như vậy”*. Năm Thiên Hỷ nguyên niên (1017) đời Tống Chân Tông, hạ chiếu truyền thiên hạ lập ao phóng sanh, Tây Hồ ở Hàng Châu cũng trở thành ao phóng sanh của vua Tống. Đời Minh, đại sư Liên Trì lập ao phóng sanh ở hai nơi là Thượng Phương và Trường Thọ. Bài Giới Sát Phóng Sanh Văn của ngài lưu truyền khắp thiên hạ. Cho đến nay đã hơn ba trăm năm, những người thông hiểu trong hàng Tăng - tục đều ngưỡng mộ cao phong, từ bi cứu tế loài vật không thể tính kể. Nếu như có kẻ nói:

- Người quan quả cô độc[97], bản cùng, hoạn nạn, đâu đâu cũng có, sao không châu cấp, lại gấp rút lo lắng cho loài dị loại chẳng liên quan gì đến ta? Đấy chẳng phải là điên đảo nơi chuyện thông thả - gấp rút, nặng - nhẹ đó ư?

Đáp:

- Ông chưa biết nguyên do đức Như Lai dạy người kiêng giết, phóng sanh. Tuy người và vật khác nhau, nhưng Phật tánh vốn đồng. Do ác nghiệp nên chúng bị trầm luân trong dị loại, ta do thiện nghiệp may được thân người. Nếu chẳng xót thương, giúp đỡ, cứ mặc tình giết hại, ăn nuốt, thì một mai kia nếu phước ta hết rồi, tội của chúng đã trả xong, khó tránh khỏi phải đền trả từ đầu, [đem thân mình] thỏa miệng bụng của chúng. Phải biết đao binh đại kiếp đều do sát nghiệp đời trước cảm thành. Nếu không có sát nghiệp, dầu thân gặp phải giặc cướp, chúng cũng sẽ khởi lòng lành, chẳng giết hại mình. Huống chi những tai nạn bất ngờ như ôn dịch, nước, lửa thì người kiêng giết, phóng sanh rất ít gặp phải. Do vậy, biết rằng: Che chở loài vật chính là tự che chở mình. Kiêng giết sẽ khỏi bị trời giết, quỷ thần giết, trộm cướp giết, [khỏi bị] oán - thân giết nhau báo thù trong tương lai. Những kẻ quan quả cô độc, bần cùng, hoạn nạn cũng nên tùy phần tùy lực châu cấp cho họ, chứ nào phải người kiêng giết phóng sanh hoàn toàn chẳng hành những điều công đức ấy! Tuy người quan quả cô độc rất đáng thương, nhưng họ chưa đến nỗi lâm vào tử địa, còn loài vật nếu không bỏ tiền chuộc mạng, sẽ lập tức phải lên chảo, thót để thỏa bụng miệng con người!

Lại có kẻ nói:

- Loài vật vô tận, phóng sanh được mấy?

Đáp rằng:

- Phải biết chuyện phóng sanh thật ra nhằm để phát khởi thiện tâm tối thắng “bảo vệ sanh mạng mọi loài vật” của mọi người, ngõ hầu lãnh hội được ý nghĩa của chữ “Phóng” (thả), trong tâm đã động lòng trắc ẩn, ắt chẳng nỡ ăn nuốt. Đã không có người ăn nuốt thì người đánh bắt sẽ phải thôi, khiến cho hết thấy loài vật dưới nước, trên mặt đất, trên hư không đều tự tại bay, chạy, bơi lội trong nơi sinh sống của chúng. Như vậy, thành ra không phóng sanh mà hóa ra là phóng sanh khắp tất cả. Đây chẳng phải là “*cả thiên hạ biến thành một cái ao*” ư? Dầu không phải ai cũng đều như vậy cả, nhưng một người chẳng nỡ ăn thịt thì vô lượng sanh

mạng trên đất liền, dưới nước khỏi bị giết chóc; huống chi nào phải chỉ có một người! Lại vì hiện tại, vị lai hết thấy đồng nhân đoạn trừ cái nhân của quan quả cô độc, hoạn nạn, bần cùng, tạo cái duyên trường thọ, không bệnh, phú quý, an lạc, cha con đoàn viên, vợ chồng giai lão[98] cho họ. Đây chính là làm chuyện châu cấp, cứu tế sẵn để đời đời kiếp kiếp trong vị lai mãi mãi chẳng bị những nỗi khổ quan quả cô độc v.v... hưởng thụ dài lâu những niềm vui sống lâu, giàu sang v.v... Đây chẳng phải là “*toàn nước được hưởng phước*” ư? Há có nên coi thường gác bỏ? Ông hãy nghĩ kỹ đi, kiêng giết, phóng sanh rốt ráo là khăng khăng vì con người hay là khăng khăng vì loài vật, điên đảo nơi chuyện thông thả - gấp rút, nhẹ - nặng vậy?

Phía ngoài chùa Cực Lạc ở Nam Tầm từ trước đã có ao phóng sanh, nhưng do bờ vách chưa xây nên bị sụp lở, lại thêm nhiều năm chưa được khơi vét, bùn lầy đầy ứ. Thường có những người lành phải ra sông phóng sanh, dù phát thiện tâm nhưng sanh vật khó được hưởng lợi ích. Sáng vừa được thả, chiều lại bị bắt, quá nửa là như vậy. Nếu gần sông to thì dĩ nhiên nên thả xuống sông, nơi sông nhỏ trọn chớ nên thả xuống. Viên Lâm đại sư lòng bất nhẫn, muốn đào sâu ao đó, phía ngoài đắp tường vây bọc bảo vệ để có chỗ phóng sanh mà kẻ bắt cá trộm cũng không làm gì được! Ý ấy cũng rất tốt lành, nhưng chưa tiến hành, đến khi Giác Tam đại sư từ Phổ Đà đến đó, vừa trông thấy liền hợp ý, trở về chùa bàn bạc chuyện ấy, nhưng tôi đã buông xuống vạn duyên, chuyên tu Tịnh nghiệp rồi [nên không thể cáng đáng việc ấy]. Thầy Giác Tam kế thừa đầu mối cũ, muốn sự ấy chóng thành, nhưng công trình rộng lớn, sức một mình Sư khó thể thành tựu, tính quyền mộ thiện tín toàn trấn cùng giúp cho việc thù thắng, xin tôi viết lời tựa (phần sau lược đi).

THƯỢNG HẢI HỘ QUỐC TỨC TAI PHÁP HỘI PHÁP NGŨ HẾT

[1] Tổ Ân Quang quê ở Thiểm Tây. Tỉnh Thiểm Tây thuộc lãnh thổ cũ của đất Tần (thời Xuân Thu Chiến Quốc) nên Thiểm Tây còn được gọi là Tây Tần.

[2] Nguyên văn “thành đồng”: Theo tự điển Từ Hải, từ 13 tuổi trở lên, 17 tuổi trở xuống thì gọi là “thành đồng”.

[3] Trình, Chu, Âu, Hàn là Trình Y Xuyên, Chu Hy, Âu Dương Tu, Hàn Dũ, những nhà Tống Nho cực lực bài xích đạo Phật. Người bài bác đạo Phật nặng nề nhất là họ Trình và họ Chu.

[4] Hóa duyên: Kêu gọi tín đồ đóng góp cúng dường.

[5] Nguyên văn là “*hoạt mai*” (chôn sống), ý Tổ nói sống mà ẩn dật như người đã chết rồi. Ở đây chúng tôi chỉ dịch gọn là lẩn quất.

[6] Ở vùng Thượng Hải có con sông lớn tên là Hồ Độc giang, nên Tàu hay gọi Thượng Hải là đất Hồ.

[7] Ở đây Đại Sư ý muốn dùng câu “*Tương thác tựu thác*” của ông Vô Vi Tử (Tống Dương Kiệt), ngụ ý: Khi chưa triệt chứng Phật tánh thì cầu sanh Tịnh Độ vẫn là lầm lạc, nhưng phải dùng cái lầm lạc đó để tạo cơ hội dứt trừ cái lầm lạc trong đường sanh tử.

[8] Cảo bản: Bản nháp, ở đây Tổ dùng với ý nghĩa lời giảng giải của Ngài thô sơ, thiếu sót, không hoàn chỉnh.

[9] Đây là lời tựa của Phật Giáo Tịnh Nghiệp Xã được in trong ấn bản của Hoa Tạng Tịnh Tông Học Hội. Lời tựa này không thấy in trong ấn bản của Đài Nam Tịnh Tông Học Hội.

[10] Hộ Quốc Túc Tai: Bảo vệ đất nước, chấm dứt tai nạn. Thông thường pháp hội Hộ Quốc Túc Tai thường bao gồm những khoa nghi cầu nguyện cho quốc thái dân an, cầu siêu cho những oan hồn uổng tử. Theo truyền thống, trong pháp hội này, đại chúng thường tụng kinh Nhân Vương Hộ Quốc, Pháp Hoa và Kim Quang Minh, kết thúc bằng nghi thức Diệm Khẩu hoặc Vô Già

Thủy Lục. Đặc biệt trong pháp hội Hộ Quốc Tức Tai này, tổ Ấn Quang đề xướng dùng Phật Thất để làm Hộ Quốc Tức Tai, mở ra một đường lối Hộ Quốc Tức Tai vừa giản tiện vừa hiệu quả thiết thực vì đại chúng chuyên tu, dễ nhiếp tâm cầu nguyện thay vì lo tán tụng, xướng bá quá rên rang, dễ sanh ra tâm lý ngại khó, mong làm cho xong.

[11] Thập Tín là mười địa vị trong năm mươi hai địa vị tu học của Bồ Tát (không kể địa vị Pháp Vân Địa), tức là mười tâm ban đầu mà Bồ Tát muốn thành Phật phải tu tập. Trọng tâm của mười tâm này đặt tại Tín, có công năng thành tựu Tín Hạnh, nên mười địa vị này gọi đầy đủ là Thập Tín Tâm, đôi khi còn gọi tắt là Thập Tâm. Có nhiều cách giải thích Thập Tín. Theo Hiền Thánh Danh Tự Phẩm của kinh Bồ Tát Anh Lạc Bốn Nghiệp thì Thập Tín là: Tín tâm (nhất tâm quyết định, ưa muốn được thành tựu), Niệm tâm (thường tu sáu niệm, tức niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng, niệm Giới, niệm Thí và niệm Thiên), Tinh Tấn tâm, Định tâm, Huệ tâm, Giới tâm (thọ trì luật nghi Bồ Tát Giới thanh tịnh, giữ ba nghiệp thanh tịnh. Hễ phạm lỗi bèn sám hối thì không tái phạm), Hồi Hướng tâm, Hộ Pháp tâm (bảo vệ, ngăn ngừa cái tâm, chẳng để nó khởi phiền não), Xả tâm (chẳng tiếc thân mạng, tài sản, bỏ tất cả những gì đạt được), Nguyện tâm. Theo phẩm Bồ Tát Giáo Hóa trong kinh Nhân Vương Hộ Quốc (bản dịch của ngài Cưu Ma La Thập) thì Thập Tín là: Tín tâm, Tinh Tấn tâm, Niệm tâm, Huệ tâm, Định tâm, Thí tâm, Giới tâm, Hộ tâm, Nguyện tâm, Hồi Hướng tâm. Kinh Phạm Võng lại giảng là Xả tâm, Giới tâm, Nhẫn tâm, Tấn tâm, Định tâm, Huệ tâm, Nguyện tâm, Hộ tâm, Hỷ tâm, Đánh tâm; và gọi chung là Thập Phát Thụ Tâm thuộc về Kiên Tín Nhẫn. Kinh Lăng Nghiêm giảng là Tín Tâm Trụ, Niệm Tâm Trụ, Tinh Tấn Tâm Trụ, Huệ Tâm Trụ, Định Tâm Trụ, Bất Thoái Tâm Trụ, Hộ Pháp Tâm Trụ, Hồi Hướng Tâm Trụ, Giới Tâm Trụ, Nguyện Tâm Trụ và gọi chung là Thập Tâm Trụ. Tuy các kinh liệt kê danh tướng hơi sai khác, nhưng xét về đại thể mười tâm này gần giống nhau.

[12] Sơ Trụ, gọi đủ là Sơ Phát Tâm Trụ, tức địa vị đầu tiên của Thập Trụ (thuộc giai đoạn thứ hai sau khi viên mãn Thập Tín), đôi khi còn gọi là Phát Ý Trụ. Theo kinh Hoa Nghiêm, Bồ Tát trụ địa vị này là người thiện căn bậc thượng dùng phương tiện chân thật phát khởi Thập Tín Tâm, phụng hành Tam Bảo, thường trụ trong tám vạn bốn ngàn Bát Nhã Ba La Mật, vâng giữ tu tập hết thấy hạnh, hết thấy pháp môn, thường dấy lên tín tâm, chẳng nầy sanh tà kiến, mười tội nặng, ngũ nghịch, tám thứ điên đảo, chẳng sanh vào chỗ tai nạn, thường gặp gỡ Phật pháp, học rộng, nhiều trí huệ, cầu nhiều phương tiện, trụ nơi địa vị Không Tánh, dùng Không Lý Trí Tâm để tu tập pháp của chư Phật quá khứ, xuất sanh hết thấy công đức.

[13] Do thành tựu phạm phu ban đầu nhập đạo nên gọi là “thành thi”, đến địa vị cuối cùng là Đẳng Giác Bồ Tát vẫn phải nhờ vào pháp môn này để viên thành Phật đạo nên gọi là “thành chung”.

[14] Kiến Hoặc gọi đầy đủ là Kiến Đạo Sở Đoạn Hoặc (Darsana mārga prahātavyānuśaya). Còn gọi là Kiến Phiền Não, Kiến Chướng, Kiến Nhất Xứ Trụ Địa. Theo Câu Xá Luận, những kiến chấp mê muội đối với lý Tứ Đế được gọi là Kiến Hoặc; còn mê chấp nơi hiện tượng sự vật thì gọi là Tu Hoặc. Theo đó, Kiến Hoặc gồm tám mươi tám thứ, gọi chung là Bát Thập Bát Sử. Về căn bản phiền não thì gồm Ngũ Lợi Sử (Thân Kiến: Chấp trước vào thân; Biên Kiến: Chấp chặt một bên có hay không, đúng hay sai, không thấy viên dung; Tà Kiến: thấy biết tà vạy; Kiến Thủ Kiến: Chấp chặt vào kiến giải một chiều, không thể chấp nhận những cách hiểu biết khác; Giới Cẩm Kiến: Chấp chặt vào giới điều, giữ những giới xằng bậy) và Ngũ Độn Sử (tham, sân, si, mạn, nghi). Mười Sử này phối hợp với mỗi Đế trong Tứ Đế và mỗi Giới trong Tam Giới (Dục Giới, Sắc Giới, Vô Sắc Giới), tạo thành tám mươi tám thứ Hoặc cần phải đoạn.

Theo tông Thiên Thai, mê nơi lý của tam giới là Kiến Hoặc, mê nơi sự tướng gọi là Tư Hoặc (tức là Tu Hoặc của Câu Xá Luận). Sách Thiên Thai Tứ Giáo Nghi lại giảng như sau: *“Phiền não vốn không có thực thể, nhưng lại tưởng những pháp hư vọng không hề có thật là thật sự có, nên gọi là Kiến Hoặc. Tham, sân, si... các phiền não là những sự tướng duyên theo Ngũ Trần, Lục Dục, qua sự suy nghĩ mà huyền giả tồn tại trong tâm, vì thế gọi là Tư Hoặc”*

[15] Trần Sa Hoặc: Những gì thuộc về Trí nhận biết trên mặt Sự gây chướng ngại Tục Đế khiến cho sự giáo hóa của Bồ Tát chẳng được tự tại thì gọi là Trần Sa Hoặc. Do chúng nhiều vô lượng nên kinh luận thường dùng số cát sông Hằng để sánh ví, vì thế gọi là Trần Sa Hoặc.

[16] Tam đức bí tạng (kho bí mật ba đức), tức Giải Thoát, Bát Nhã và Pháp Thân.

[17] Tiềm phạm: Vượt phạm, vượt khỏi địa vị chánh đáng. Mật Tông coi liễu sanh tử là “thành Phật ngay trong đời này”, chứ chưa phải thật sự là Phật. Do chưa phải là Phật mà đã tự xưng là Phật nên bị coi là vượt phạm thân phạm đáng nên giữ.

[18] Đây là biến cố xảy ra vào năm 1932. Nguyên do là vào ngày Mười Tám tháng Giêng năm 1932, năm Tăng nhân Nhật Bản xô xát với người Trung Hoa tại Tam Hữu Thực Nghiệp Xã ở vùng núi Mã Ngọc thuộc tô giới Thượng Hải, khiến cho một người chết, một người bị trọng thương. Cảnh sát Nhật liền bao vây khu vực, gây ra tình trạng căng thẳng. Đến ngày Hai Mươi tháng Giêng, năm mươi Nhật kiều lại phóng hỏa đốt trụ Tam Hữu Thực Nghiệp Xã đồng thời đánh chết ba cảnh sát người Hoa. Kiều dân Nhật lại yêu cầu hải quân Nhật can thiệp, quân phiệt

Nhật liền huy động hải quân, lục quân vây kín Thượng Hải. Chính quyền Trung Hoa Dân Quốc bắt buộc phải đưa quân đội đến Thượng Hải đối phó. Giao tranh nổ ra khốc liệt giữa hai bên vào đúng ngày Hai Mươi Tám tháng Giêng năm ấy. Cuộc chiến kéo dài mãi đến ngày Ba tháng Ba năm 1932, quân Nhật chiếm thế thượng phong với quân số áp đảo là bảy vạn quân, trong khi Trung Hoa Dân Quốc chỉ có năm vạn quân. Đến ngày Năm tháng Năm, qua sự môi giới của Anh, Mỹ, Pháp, Ý, hiệp định đình chiến Túng Hồ được ký kết giữa đôi bên, Trung Hoa phải chấp nhận nhiều điều kiện thiệt thòi. Tồn thất rất lớn, 19.700 căn nhà bị phá hủy, số thương vong không thể đếm xiết!

[19] Thanh Lương Sơn Chí: Sách ghi chép về sự tích núi Ngũ Đài. Do núi Ngũ Đài băng động ngàn năm, mùa Hạ vẫn có thể có tuyết rơi, không bao giờ nóng nực, nên được gọi là Thanh Lương Sơn.

[20] Chiêu Đề (Catur-diśa): Còn được phiên là Chiêu Đầu Đề Xá, dịch nghĩa là Tứ Phương, hoặc Tứ Phương Tăng, Tứ Phương Tăng Phòng, có nghĩa là chúng tăng từ bốn phương đều có thể nghỉ lại nhà khách của chùa. Về sau, chữ này dùng để chỉ tài sản chung của Tăng chúng, mọi người đều có quyền sử dụng.

[21] Lý Học là học thuyết giải thích Nho giáo theo quan điểm của Trình Di và Châu Hy. Học thuyết này cho Lý là nguyên khởi của vũ trụ (do nhìn từ góc độ khác nhau mà có danh xưng khác nhau như Trời, Thượng Đế, Đạo v.v...), Lý là bản tánh trời sanh của từng cá nhân. Do lòng ham muốn riêng tư mà con người quên mất Lý này. Vì thế, phải trừ khử dục vọng, trở về với Lý gọi đó là “*thiên nhân hợp nhất*” (trời - người hợp nhất). Lý biểu hiện dưới dạng vật chất hữu hình thì gọi là Khí. Như vậy, Lý của họ chỉ là vay mượn khái niệm Phật Tánh, Như Lai Tánh, Pháp Thân của Phật giáo mà thôi! Hoặc nói cách khác, Lý - Khí của họ chỉ là cách gọi tên khác của chữ Thể và Dụng trong Phật giáo.

[22] Nguyên văn “miện lưu” là một thứ mũ lễ được dùng bởi những bậc quyền quý. Thường được gọi là mũ “bình thiên”, có hình ống, đỉnh là một tấm phẳng hình chữ nhật (do vậy, gọi là Bình Thiên), trước và sau tấm bình thiên có đính các sợi tua kết bằng châu ngọc rủ xuống trước trán. Theo phần Biện Sư trong thiên Hạ Quan sách Châu Lễ, Miện của thiên tử có mười hai tua, chư hầu chín tua, thượng đại phu bảy tua, hạ đại phu năm tua. Từ đời Tần Thủy Hoàng trở đi, “miện lưu” chỉ dành riêng cho thiên tử đội, cấm tuyệt chư hầu, quan chức sử dụng.

[23] Trong Lý Học, “*luong năng*” là thuật ngữ chỉ tác dụng và biểu hiện của Khí.

[24] Nguyên văn là “*tập dịch thành cừu*” (góp những miếng da ở dưới nách con cáo may thành áo cừu).

[25] Hồng Dương: Loạn Thái Bình Thiên Quốc do Hồng Tú Tài và Dương Tú Thanh lãnh đạo, nên còn gọi là loạn Hồng Dương.

[26] Nguyên văn “*Cần vi đại phụ, Khôn vi đại mẫu*”.

[27] “Thiên chân” có nghĩa là chân lý tự nhiên sẵn có không cần phải tạo tác. Sách Chỉ Quán Phụ Hành Truyền Hoàng Quyết, quyển 1, giảng: “*Lý không phải tạo tác thì gọi là thiên chân*”. Như vậy, “thiên chân Phật” chính là Phật sẵn có trong chân tâm, tức Pháp Thân.

[28] Tông yếu: Điều quan trọng mấu chốt trong giáo pháp của các tông. Sách Pháp Hoa Kinh Huyền Nghĩa quyển 1 giảng: “*Tông yếu nghĩa là trọng yếu, tức là nhân quả của chính đức Phật đã hành thì gọi là Tông. Thế nào là Yếu? Vô lượng các điều thiện, hễ nói là Nhân thì đều bao gồm hết. Vô lượng sự chứng đắc, hễ nói là Quả thì đều bao gồm hết. Như giờ cái lưới lên, không mất lưới nào chẳng động. Nắm một góc áo, không sợi vải nào chẳng dính theo, nên gọi là Tông Yếu*”.

[29] Năng: Đối tượng chủ thể, Sở: đối tượng thụ động. Chẳng hạn, chúng ta đọc sách thì nhãn thức và ý thức là Năng, cuốn sách được đọc là Sở. Tịch và Chiếu là hai mặt của chân tâm, chân tâm thường hằng bất biến, không bị ngoại duyên nhiễm ô, không bị mất đi dù chúng sanh luân hồi bao nhiêu kiếp nên gọi là Tịch (vắng lặng). Công dụng chiếu soi (tức nhận hiểu sự vật vạn pháp) của Tâm được gọi là Chiếu.

[30] Theo Duy Thức Học, tác dụng của sáu thức dưới ảnh hưởng của mê hoặc, vô minh thì gọi là Tình, hoặc đôi khi còn gọi là Tình Thức hoặc Tình Tướng. Chữ Tình này thường được dùng để chỉ mọi ý niệm phân biệt, chấp trước đối với sự nhận thức của sáu căn.

[31] Trần Lao là tên khác của phiền não, do phiền não khiến cho tâm bị nhiễm ô giống bụi bặm nên gọi là Trần. Phiền não khiến cho thân tâm nhọc mệt, không an ổn nên gọi là Lao.

[32] Đốn siêu địa vị: Vượt nhanh qua các địa vị, không cần phải tu chứng từ từ theo từng bậc. Như ngài Quán Thế Âm nghe đức Thế Tịnh Quang Vương Phật nói chú Đại Bi bèn vượt thẳng từ Sơ Địa lên Thập Địa thì gọi là “đốn siêu địa vị”.

[33] Phần Đoạn Sanh Tử (còn gọi là Phần Đoạn Tử, hoặc Hữu Vi Sanh Tử) là sanh tử trong tam giới. Gọi là “phần đoạn” (có giai đoạn, có thời gian) vì do quả báo sai khác mà có hình dáng, thọ lượng nhất định. Như vậy “xuất ly phần đoạn sanh tử” có nghĩa là thoát khỏi tam giới.

[34] Ngũ Tổ là tên núi, đồng thời là tên chùa. Sư Giới thiền sư, người thời Tống, thuộc tông Vân Môn, nối pháp của ngài Song Tuyền Sư Khoan, trụ trì chùa Ngũ Tổ núi Ngũ Tổ tại Tô Châu, nên thường gọi là Ngũ Tổ Giới, chân hưng tông phong mạnh mẽ. Theo Tây Quy Trực Chỉ, quyển ba: *“Thiền sư Thanh Thảo Đường khá có giới hạnh, tuổi ngoài chín mươi, thường được nhà họ Tăng cúng dường hậu hĩ, bèn hứa thác sanh vào nhà ấy làm con. Sau họ Tăng sinh được một người con, cho người đến tìm Thảo Đường thì Sư đã tọa hóa”*. Theo pháp sư Viên Anh, Thảo Đường Thanh là người đời Tống, là bậc tông tượng trong nhà Thiền, tuổi già, thấy vị tể tướng đã cáo lão hồi hương hết sức vinh diệu, chợt khởi tâm niệm hâm mộ, bèn thác sanh vào nhà ấy. Về sau, trở thành tể tướng Tăng Lỗ Công. Do một tâm niệm tham luyến mà công hạnh tu Thiền cả đời bị vứt bỏ!

[35] Gọi là bậc thượng vì thân sau còn chưa lâm vào hoàn cảnh tệ hại lắm. Trong Ấn Quang Văn Sao, có thuật chuyện vị Tăng ở núi Nhạn Đăng thân sau trở thành Tần Cối, một vị Tăng khác trở thành con gái ông Châu Phòng Ngự. Có nhiều trường hợp còn đọa vào ác đạo nữa!

[36] Tăng thượng mạn (Abhimāna): Đối với giáo lý hoặc cảnh giới, địa vị tu hành chưa hề có chứng ngộ mà đã khởi tâm kiêu hãnh, ngạo nghễ. Do coi mình cao hơn người khác nên gọi là “tăng thượng”, cũng như do tự đề cao mình quá phận nên gọi là “tăng thượng”.

[37] Điện Thí là vào cung vua dự thi dưới sự chứng kiến của vua. Theo thể lệ thời Minh – Thanh, thi cử gồm ba giai đoạn: Hương Thí, Hội Thí, và Điện Thí. Do thi trong cung vua (thường là điện Thái Hòa) nên gọi là Điện Thí (hoặc Đình Thí), người Việt thường gọi là thi Đình. Trong khoa thi này, người đầu đầu gọi là Trạng Nguyên, người thứ hai gọi là Bảng Nhãn, người thứ ba là Thám Hoa. Ông Trương không dự vào ba hạng này, chỉ đỗ Tiến Sĩ, được vua cho xướng danh trong sân chầu nên Tổ nói ông đậu Truyền Lô. Truyền Lô gọi đủ là “kim điện truyền lô” (xướng danh trong điện vàng), tức là hai ngày sau khi yết bảng ghi danh các sĩ tử thi đậu, các vị tân khoa tiến sĩ sẽ được triệu tập vào điện Thái Hòa, được nội quan xướng danh đến trước mặt vua lạy tạ và được vua ban thưởng ngự tửu, đãi yến.

[38] Hồi tộc là sắc dân thiểu số của Trung Hoa, sống chủ yếu tại các tỉnh Thanh Hải, Cam Túc, Hà Nam, Hà Bắc. Thật ra họ gồm nhiều sắc dân khác biệt có nguồn gốc từ Trung Á, Tây Á, chủ yếu là gốc Ả Rập, di cư đến Trung Hoa. Do họ theo đạo Hồi nên người Hán thường gọi chung họ là Hồi tộc, hoặc Hồi Hồi.

[39] Theo sách Quần Ngọc Chú, Tỉnh Lang đến thăm cảnh chùa Nam Huệ Lâm, nằm chơi, chợt ngủ thiếp đi, thấy hồn mình đến Bồng Lai. Nơi đó có một vị Tăng đang tụng kinh, trước mặt có

một nén nhang đang cháy. Hỏi đến nguyên do, vị Tăng cho biết cây nhang ấy do một người đàn-
việt thấp lên để khấn nguyện, cầu phước, nhang chưa cháy hết mà người thấp nhang đã chuyển
kiếp ba lần. Lần thứ nhất làm Đường Huyền Tông, lần thứ hai làm Đường Hiến Tông, lần thứ ba
chính là Tĩnh Lang. Do đó, về sau từ ngữ “*tam sinh hương hỏa*” thường dùng để chỉ lời nguyện
có hiệu lực đến ba đời.

[40] “Đoạn trường”: Ý nói vô cùng đau xót, như đứt từng khúc ruột. Theo điển tích cổ, vua Sở đi
săn thấy vườn con bị bắn chết, vườn mẹ trông thấy ôm con kêu khóc rồi chết, mở bụng ra xem
thấy ruột nó đứt thành từng khúc. Do đó cổ văn thường dùng chữ “đoạn trường” để diễn tả nỗi
đau xót.

[41] Cù Đường (còn gọi là Quỷ Hiệp, tức khe quỷ) là tên một kẽm núi hiểm trở, quanh co trên
sông Dương Tử ở tỉnh Tứ Xuyên. Kẽm núi này dài đến 8 km, từ huyện Phụng Tiết cho đến thành
Bạch Đế. Thế nước chảy xiết, rất nguy hiểm khi phải vượt qua.

[42] Vô Cơ Tử là biệt hiệu của sư Phổ Nhuận, cao tăng tông Thiên Thai, sống vào đời Nam
Tống. Ngài họ Quách, pháp tự là Thiên Thụy. Xuất gia năm bảy tuổi với ngài Từ Hạnh Phưởng,
chín tuổi xuống tóc. Năm mười tuổi bắt đầu học giáo nghĩa Thiên Thai với ngài Thông Chiếu.
Về sau, trụ trì chùa Đại Giác ở Tùng Giang, được vua ban hiệu Phổ Nhuận Đại Sư.

[43] Ngoại Phàm là địa vị trước khi đạt đến địa vị Kiến Đạo. Ngũ Đình Tâm Trụ, Biệt Tướng
Niệm Trụ, Tương Tục Niệm Trụ của Thanh Văn được gọi là Ngoại Phàm. Ngay cả địa vị Phục
Nhẫn trong Thập Tín trong Đại Thừa vẫn thuộc Ngoại Phàm. Đại Thừa Nghĩa Chương, quyển 17
giảng: “*Gọi là Ngoại Phàm vì họ còn hướng ngoại cầu lý, chưa dứt tướng để hướng vào trong
duyên theo chân tánh. Do chưa đoạn được cái thân phần đoạn trong lục đạo nên gọi là
Phàm*”. Nói chi tiết hơn, trong Tạng Giáo thì những địa vị thuộc Hiền Vị như Ngũ Đình Tâm
v.v... là Ngoại Phàm, trong Thông Giáo thì cho đến Càn Huệ Địa đều là Ngoại Phàm, Biệt Giáo
coi từ Sơ Quả cho đến Thập Tín đều là Ngoại Phàm, còn Viên Giáo coi Quán Hạnh Ngũ Phẩm là
Ngoại Phàm. Tổ Ấn Quang đã giải thích chữ Nội Phàm theo giáo nghĩa Viên Giáo.

[44] Đã viên mãn mười Tín tâm thì gọi là Thập Tín hậu tâm, tức là đã chuẩn bị tiến vào địa vị Sơ
Trụ.

[45] Hương kính: Tiền cúng dường khi cầu quy y thọ giới. Gọi là “hương kính” với ngụ ý cúng
cho vị thầy chút tiền để thầy có tiền mua nhang đèn cúng Phật.

[46] Đường - Ngu là thời Nghiêu - Thuấn. Vua Nghiêu họ là Y (hay Y Kỳ), tên là Phóng Huân,
thuộc thị tộc Đào Đường Thị, sử thường gọi tắt Đường Nghiêu. Vua Thuấn họ Ngu, tên Trọng

Hoa, thuộc thị tộc Ngu Thị, sử gọi là Ngu Thuần. Đây là thời thịnh trị Tam Hoàng Ngũ Đế theo truyền thuyết Trung Hoa.

[47] Tam Đại là ba đời vua thánh theo truyền thuyết Trung Hoa: vua Nghiêu, vua Thuần, vua Đại Vũ.

[48] Thập Cửu Lộ Quân là một cánh quân của quân đội Trung Hoa Dân Quốc, tương đương với cấp quân đoàn. Tiền thân mang tên Việt Quân Đệ Nhất Sư (sư đoàn thứ nhất của tỉnh Quảng Đông), năm 1926 đổi tên là Quốc Dân Cách Mạng Quân Đệ Tứ Quân (quân đoàn thứ tư của quân đội cách mạng Trung Hoa Dân Quốc). Khi quân đội Trung Hoa Dân Quốc tiến hành Bắc Phạt (đẹp tan các tướng lãnh quân phiệt xưng hùng ở miền Bắc Trung Hoa), Đệ Tứ Quân lập rất nhiều chiến tích. Năm 1930, do quân số ngày càng lớn mạnh, nhất là sư đoàn thứ mười một của Đệ Tứ Quân đã giúp cho Tưởng Giới Thạch đánh thắng được Phùng Ngọc Tường và Diêm Tích Sơn nên đã được đổi tên thành Thập Cửu Lộ Quân, do đích thân Tưởng Giới Thạch chỉ huy.

[49] Khắc kỷ: Nghiêm khắc với bản thân, không cho phép bản thân mình dễ dãi với bất cứ tập quán ươn hèn, sai trái nào.

[50] Nguyên văn: “*Tứ Xuyên hương quý tiện?*” Câu này có thể hiểu hai nghĩa: “Ngài Đạo Hương ở Tứ Xuyên được quý trọng hay bị coi thường?” Nghĩa thứ hai là “nhang ở Tứ Xuyên mắc hay rẻ?” Người nghe hiểu theo nghĩa thứ hai nên nói “rất rẻ”.

[51] Dương Kiệt là người huyện Vô Vi (tỉnh An Huy), nên lấy hiệu Vô Vi Tử, có tài văn chương lỗi lạc, đỗ đạt ngay trong tuổi thiếu niên. Thích học Thiền, đã tham học khắp các vị tôn túc đương thời. Khi yết kiến Thiên Y Nghĩa Hoài, Sư đã đem những câu chuyện ngữ của Bàng cư sĩ ra gạn hỏi. Một hôm đến núi Thái, thấy mặt trời to như cái mâm đang mọc bên đại ngộ. Trình kiến giải lên Nghĩa Hoài được hứa khả. Sau ông lại gặp ngài Phù Dung Đạo Giai thừa hỏi lễ Thiền. Dưới đời Tống Thần Tông, ông xin cáo quan về làng phụng dưỡng mẹ, ẩn cư đọc hết Đại Tạng Kinh, bèn liễu giải, quy tâm Tịnh Độ. Từ đấy chuyên tu Tịnh nghiệp, từng vẽ một bức tượng Di Đà cao đến một trượng sáu để lễ bái, quán tưởng. Lâm chung cảm Phật đến rước, ngồi ngay ngắn, an nhiên qua đời. Ông trước tác các bộ Thích Thị Biệt Tập, Phụ Đạo Tập v.v...

[52] Nguyên văn là “*kiến đắc tư nghĩa*”. Chúng tôi dịch theo cách diễn giải của Tứ Thư Bạch Thoại Giải. Khổng Tử còn nói thêm: “*Quân tử ái tài, thủ chi hữu đạo*” (quân tử [tuy] chuộng của cải, nhưng lấy [của cải phải] đúng với đạo nghĩa).

[53] Trường nghĩa học: Trường miễn phí mở ra để dạy dỗ con cái người nghèo, hoặc cô cút.

[54] Nguyên văn: “*tinh ư Kỳ Hoàng*”. Kỳ là Kỳ Bá, Hoàng là Hoàng Đế. Kỳ Bá là một y sư trứ danh theo truyền thuyết, ông rất tinh thông y thuật nên được Hoàng Đế thờ làm thầy. Hoàng Đế chính là một trong ba vị thánh đế vương thời cổ (Tam Hoàng là Phục Hy, Thần Nông và Hoàng Đế). Hoàng Đế cũng tinh thông y thuật. Thần Nông được coi là tổ nghề thuốc, còn Kỳ Bá được coi là tổ nghề Y. Tác phẩm căn bản của y học cổ truyền Trung Hoa là bộ Hoàng Đế Nội Kinh ghi chép những đối đáp về y lý giữa Hoàng Đế và Kỳ Bá. Ngoài ra, theo thư tịch cổ Trung Hoa, những lời dạy khác về y học của họ còn được chép trong những bộ sách nay đã thất truyền như Kỳ Bá Hoàng Đế Án Ma, Kỳ Bá Kinh, Kỳ Bá Cứu Kinh, Kỳ Bá Châm Kinh, Hoàng Đế Kỳ Bá Luận, Kỳ Bá Ngũ Tạng Luận v.v...

[55] Ở Trung Hoa có hai chùa mang tên Linh Nham, một ở huyện Trường Thanh tỉnh Sơn Đông, còn một là ở tại Ngô Huyện, Tô Châu. Chùa Linh Nham nói ở đây gọi tên đầy đủ là Linh Nham Sơn Tự, thuộc Tô Châu. Khởi đầu từ Tư Không Lục Ngoạn biến nhà riêng thành chùa, nhưng rất nhỏ. Đến niên hiệu Thiên Giám (502-519) thời Lương Vũ Đế, chùa mới được mở rộng và mang tên là Tú Phong Tự. Theo kinh Đại Ai (do ngài Trúc Pháp Hộ dịch), đây chính là đạo tràng ứng hóa của Trí Tích Bồ Tát. Vào thời Thiên Bảo (742-755) đời Đường Huyền Tông, tổ trung hưng tông Thiên Thai là ngài Đạo Tuân từng tu Pháp Hoa tam-muội tại chùa này. Đầu đời Tống, chùa trở thành viện học giới luật của Luật Tông. Vào thời Nguyên Phong (1078-1085), chùa trở thành thiền viện. Chùa bị cháy rụi chỉ còn lại một cái tháp đá vào năm Vạn Lịch 18 (1600) đời Minh Thần Tông. Sau khi được trùng tu, vào đời Thanh, chùa lại bị loạn quân Thái Bình Thiên Quốc đốt phá một lần nữa. Mãi đến năm Tuyên Thống thứ ba (1911), hòa thượng Chân Đạt trùng tu. Kể từ năm 1931 trở đi, dưới ảnh hưởng của tổ Ấn Quang, chùa trở thành đạo tràng Tịnh Độ nổi tiếng nhất Trung Hoa. Năm Dân Quốc 29 (1940), tổ Ấn Quang thị tịch tại chùa này. Hiện chùa còn tháp thờ ngũ sắc xá-lợi của Tổ Ấn Quang và Ấn Công Kỷ Niệm Đường.

[56] Theo sách Hoài Nam Tử, Thái Vương là ông nội của Châu Văn Vương có ba người con: Thái Bá, Trọng Ung và Quý Lịch (cha của Châu Văn Vương). Vì muốn nhường ngôi cho Quý Lịch, Thái Bá và Trọng Ung liền giả vờ đi hái thuốc rồi trốn xuống miền Nam sông Dương Tử, lập ra nước Ngô. Nước Ngô bị Câu Tiễn nước Việt thôn tính và diệt vong dưới thời Phù Sai.

[57] Sau khi Câu Tiễn (vua nước Việt) bị Phù Sai đánh bại nhằm trả thù mối nhục giết cha là Hạp Lư, theo mưu kế của Phạm Lãi, Câu Tiễn đã dâng mỹ nhân Tây Thi cho Phù Sai. Phù Sai bèn xây cung Quán Oa cho nàng Tây Thi ở. Cô Tô Đài cũng thuộc quần thể cung điện này. Khi

Câu Tiễn phục quốc, đánh bại Phù Sai, diệt nước Ngô, đã cho phóng hỏa đốt trụi cung Quán Oa. Chùa Linh Nham được xây ngay trên nền cũ cung Quán Oa.

[58] Tư Không là một chức quan được lập ra từ thời Tây Châu, là một trong ngũ quan (Tư Mã, Tư Khấu, Tư Sĩ, Tư Đồ). Chức quan này chuyên trông nom về việc thủy lợi, xây dựng. Từ sau thời Hán trở đi, chức quan này không còn tồn tại và được thay thế bằng danh từ Công bộ thượng thư. Lục Ngạn (278-342), tự là Sĩ Dao, người Ngô Huyện (nay là Tô Châu, tỉnh Giang Tô), tên thật là Khang, được phong tới tước Hung Bình Bá, chức Thị Trung Tư Không. Thích văn chương, nổi tiếng với tài thư pháp. Nét bút của ông được ca ngợi là mạnh mẽ, cứng cỏi, phóng khoáng, nhưng có phong thái tiêu dao thoát tục, bay bướm nhưng mực thước, không phóng túng, ngông cuồng.

[59] Ngài Bảo Chí (418-514), thường được xưng là Bảo Công, hoặc Chí Công Hòa Thượng, nên thường được gọi là Bảo Chí Công, người xứ Kim Thành (nay là Nam Trịnh tỉnh Thiểm Tây). Có thuyết nói Ngài là người huyện Cú Dung tỉnh Giang Tô, xuất gia từ nhỏ. Sư theo học với ngài Đạo Lâm Tăng Kiệm tu tập Thiền Định. Trong niên hiệu Thái Thủy (466-471), Sư thường lang thang khắp nơi, không ở chỗ nào nhất định, thường đọc thơ, phảng phất giống sấm ký, người ta thường kéo nhau đến hỏi chuyện tương lai. Tề Vũ Đế bèn tống giam Sư trong ngục, nhưng người ta vẫn thấy Sư lang thang ngoài chợ, nhìn vào ngục thì vẫn thấy Sư nằm khểnh trong đó. Vua chịu thua, đón Sư vào ở trong vườn Thượng Uyển để ngăn Sư đi khắp nơi. Tuy các nội thị canh gác Sư nghiêm mật, dân chúng vẫn thấy Sư la cà các chùa Long Quang, Kế Tân, Hưng Hoàng, Tịnh Danh v.v... Đến khi Lương Vũ Đế lên ngôi, bèn bãi bỏ lệnh cấm, học đạo với Sư, hết sức kính phục Ngài. Khi Sư mất, vua phong tặng thụy hiệu Quảng Tế đại sư, rồi các đời lần lượt phong tặng Diệu Giác đại sư, Đạo Lâm Chân Giác Bồ Tát, Từ Ứng Huệ Cảm đại sư, Phổ Tế Thánh Sư Bồ Tát. Phật môn Trung Hoa thường coi Ngài là hóa thân của Quán Thế Âm Bồ Tát.

[60] Trí Tích Bồ Tát nói ở đây là một vị cao tăng Ấn Độ. Theo Linh Nham Ký Lược, Sư từ Ấn Độ sang Trung Hoa vào cuối đời Tấn, trùng hưng chùa Linh Nham tại Tô Châu, rất nổi tiếng về tài đức. Theo truyền thuyết có một bà lão nghèo không có gì cúng dường, đem một miếng sơn (nhựa của cây sơn) dâng cho Sư, Sư vẫn vui vẻ nhận lấy, nhờ đó bà được khai ngộ. Do vậy, sau này mỗi năm vào ngày sinh nhật Sư, chùa vẫn cử hành lễ kỷ niệm, gọi là Giác Tát Hội. Cũng theo truyện ký của chùa, đại sư nhiều lần thị hiện hóa độ Tăng - Tục rất đông.

[61] Hành cung: Cung điện dành cho vua ở tại các địa phương.

[62] Túc loạn Thái Bình Thiên Quốc. Do lãnh tụ của Thái Bình Thiên Quốc là Hồng Tú Toàn và Dương Tú Thanh lãnh đạo nên Sử thường gọi là loạn Hồng Dương. Hồng Tú Toàn tự xưng là em trai của Jesus, dấy loạn, chủ trương biến Trung Hoa thành một nước Thiên Chúa theo kiểu riêng của hắn, cấm ngặt tam giáo, cấm thờ phụng tổ tiên v.v... hạ lệnh đốt phá đình chùa, miếu mạo rất dữ dội.

[63] Chùa bị quân Thái Bình Thiên Quốc đốt sạch, chỉ còn sót lại một cái tháp đá nên sư Niệm Thành phải ở tạm trong đó.

[64] Pháp sư Giới Trần (1878-1948) là người xứ Hán Xuyên, tỉnh Hồ Bắc, họ Khuru, tự là Địch Ngô, xuất gia năm mười chín tuổi, chuyên tu khổ hạnh, sống trong núi Chung Nam, toàn tâm toàn ý tu Thiền. Sau Sư chuyên tu niệm Phật. Dưới thời Quang Tự, Sư vào núi Kê Túc ở Vân Nam chuyên tu pháp Ban Châu Niệm Phật. Năm Dân Quốc thứ ba (1914), Sư đến Hàng Châu, mở trường Hoa Nghiêm Đại Học. Về sau, Sư bế quan tại chùa Phật Thản ở Thường Thục, ngâm tu Tịnh nghiệp. Năm Dân Quốc thứ chín (1920), cùng với các vị Liễu Trần, Từ Châu v.v... lập Hoa Nghiêm Đại Học tại chùa Cửu Liên ở Hán Khâu. Sư từng đảm nhiệm Trụ Trì chùa Linh Nham một thời gian. Sư thị tịch vào năm Dân Quốc 37 (1948) tại chùa Cùng Trúc ở Côn Minh, thọ 71 tuổi, pháp lập 53 năm. Trước tác gồm Hoa Nghiêm Nhất Trích, Hoa Nghiêm Thất Xứ Cửu Hội Đồ, Liên Xã Minh Huấn, Tịnh Tông Yêu Ngữ v.v...

[65] Túc là không làm các pháp sự cầu an, cầu siêu, giải hạn, đảo bệnh, cầu phước, cúng sao, chúc thọ v.v... như các đạo tràng khác.

[66] Túc Phổ Thông Phật Thất: Mỗi ngày niệm Phật sáu thời. Gọi là Phổ Thông Phật Thất để phân biệt với Tinh Tấn Phật Thất (niệm Phật suốt hai mươi bốn tiếng đồng hồ).

[67] Nguyên văn “*chỉ luận thứ số, bất luận đại số*”: Quan tâm đến thứ tự (tức tuổi tác, mức độ tu chứng, trì giới), chứ không quan tâm đến thế hệ truyền thừa. Tức là Tăng chúng trong chùa được xếp bậc theo người tu hành lâu năm, giới hạnh tinh nghiêm, chứ không vì người ấy thuộc thế hệ trước hay sau mà coi trọng. Trong các đạo tràng khác, thứ tự truyền thừa rất được coi trọng. Chẳng hạn, một vị Tăng có thể mới xuất gia chưa lâu nhưng vì là đệ tử của một vị ngang vai với thầy của vị Trụ trì hay người thuộc thế hệ cao hơn, nên được coi là sư thúc, sư bá, thái sư thúc. Các vị Tăng khác dù cao tuổi hơn, giới lập cao hơn nhưng thuộc vai vế thấp hơn, vẫn phải lễ kính vị Tăng trẻ tuổi này.

[68] Pháp yếu: Những chỗ quan trọng, cốt lõi của một pháp môn.

[69] Sử: Tên gọi khác của phiền não, gọi đầy đủ là Chánh Sử. Do phiền não sai khiến chúng ta luân hồi trong sanh tử nên phiền não được gọi là Sử (sai khiến). Chúng còn được gọi bằng một danh từ khác là Tùy Miên. Sử nói chung gồm mười thứ, chia làm hai nhóm lớn:

1) Nhóm thứ nhất gồm Thân Kiến, Biên Chấp Kiến, Tà Kiến, Kiến Thủ Kiến, Giới Cầm Thủ Kiến. Do tánh chất của chúng khá mạnh mẽ, ảnh hưởng rất lớn đến sự chấp trước, vọng tưởng nên gọi là Ngũ Lợi Sử (năm Sử nhạy bén).

2) Nhóm thứ hai gồm tham, sân, si, mạn, nghi. Xét về tánh chất, những thứ này có tác dụng yếu hơn nên gọi là Ngũ Độn Sử (năm Sử chậm lụt).

[70] Ngũ Bất Hoàn Thiên, còn gọi là Tịnh Cư Thiên (Śuddhāvāsa), Ngũ Tịnh Cư Xứ, Ngũ Na Hàm Thiên, là nơi bậc thánh nhân Tam Quả Thanh Văn sống, bao gồm các cõi trời:

1. Vô Phiền Thiên (Avrha): Cõi trời này không còn khổ vui, không còn hết thấy phiền não xen tạp.

2. Vô Nhiệt Thiên (Atapa): Không còn hết thấy nhiệt nã.

3. Thiện Kiến Thiên (Sudrśa): Do Định Huệ thấy mười phương đều trong lặng, không còn đắm trước vào trần cảnh.

4. Thiện Hiện Thiên (Sudarsana): Sự thấy biết rõ ràng tinh diệu hiện tiền, thấy hết thấy sắc tướng là không, chẳng bị chướng ngại.

5. Sắc Cứu Cánh Thiên (Akanistha): Là bỏ hết thấy các sắc cực kỳ nhỏ nhiệm, là chỗ thù thắng nhất trong Sắc Giới.

Tuy cùng sống trong các tầng trời này, nhưng chư Thiên chẳng thấy được các vị thánh nhân. Do các vị thánh nhân sống trong cõi này không còn đọa xuống nhân gian nữa nên gọi là Ngũ Bất Hoàn Thiên.

[71] Vô Học (Aśaikṣa). Bậc thánh nhân tuy đã hiểu rõ chân lý Phật giáo nhưng chưa đoạn được mê hoặc, còn phải học hỏi thì gọi là Hữu Học. Bậc Vô Học thánh nhân đã thấu hiểu Phật pháp đến chỗ cùng cực, không còn mê hoặc để đoạn nữa, không cần phải học cách đoạn trừ mê hoặc, nên gọi là Vô Học. Như vậy, Vô Học thánh nhân là danh xưng khác của A La Hán.

[72] Thô tế: Những phiền não dễ thấy dễ nhận biết như nóng giận, tham lam thì gọi là Thô, còn những phiền não khó nhận biết thì gọi là Tế.

[73] Giác chiếu: Quán sát cái tâm, khi vọng niệm khởi lên liền nhận biết ngay và tìm cách chế ngự, khuất phục nó.

[74] Thoại đầu là một câu nói do các thiền sư dạy thiền sinh tham cứu hòng ngộ được chân tâm. Chẳng hạn như câu thoại đầu “*thế nào là tiếng vỗ của một bàn tay?*”

[75] Ngũ Trụ: Còn gọi là Ngũ Trụ Địa Hoặc, tức Kiến Hoặc, Tư Hoặc, Vô Minh Phiền Hoặc gộp thành một trụ, bốn trụ kia là Dục Ái Trụ Địa, Sắc Ái Trụ Địa, Hữu Ái Trụ Địa, Vô Minh Trụ Địa. Do hết thấy phiền não đều nương vào năm thứ này nên chúng được gọi là Trụ (nương ở, nắm giữ). Do chúng phát sanh ra các phiền não nên gọi là Trụ Địa. Sách Đại Thừa Nghĩa Chương, quyển 5, giảng:

1. Kiến Nhất Thiết Xứ Trụ Địa: Chính là Kiến Hoặc gồm Thân Kiến v.v... trong tam giới.
2. Dục Ái Trụ Địa: Gồm phiền não trong Dục Giới, ngoại trừ vô minh và Kiến Hoặc, chấp vào Ngũ Dục bên ngoài (Sắc, Thanh, Hương, Vị, Xúc, Pháp).
3. Sắc Ái Trụ Địa: Phiền não trong Sắc Giới, không tính Kiến Hoặc, Vô Minh, không chấp vào Ngũ Dục bên ngoài, nhưng chấp vào sắc thân.
4. Hữu Ái Trụ Địa: Phiền não trong Vô Sắc Giới, không bao gồm Kiến, Vô Minh, đã bỏ lìa chấp trước tham Sắc, nhưng vẫn còn yêu mến cái thân của chính mình.
5. Vô Minh Trụ Địa: Tức hết thấy vô minh trong tam giới. Vô minh là cái tâm si ám, là cội gốc của hết thấy phiền não.

Duy Thức Tông chủ trương bốn món Trụ đầu là chủng tử của Phiền Não Chướng, món cuối là chủng tử của Sở Tri Chướng. Tông Thiên Thai gọi món đầu tiên là Kiến Hoặc, ba món giữa là Tư Hoặc, món cuối là Vô Minh Hoặc. Họ gọi chung Kiến Tư Hoặc là Giới Nội Hoặc (phiền hoặc trong tam giới), còn Vô Minh Hoặc là Giới Ngoại Hoặc.

[76] Hòa thượng (Upâdhyâya): còn được phiên âm là Hòa Xà, Hòa Xã, Cốt Xã, Ô Xã, dịch nghĩa là Thân Giáo Sư, Lực Sanh, Cận Tụng, Y Học, Đại Chúng Sư. Những từ ngữ này đều hàm nghĩa là vị thầy dạy thân thiết, có công năng tăng trưởng huệ mạng Pháp Thân cho đồ đệ, là bậc đức cao giới hạnh tinh nghiêm đáng làm bậc thầy gương mẫu cho mọi người.

Theo Tứ Phần Luật, Hòa Thượng phải là một vị tỳ-kheo hội tụ đủ năm đức: 1) Giữ vững tịnh giới 2) Đủ mười tuổi hạ 3) Thông hiểu tạng Luật 4) Thông đạt Thiền tư 5) Có trí huệ sâu xa.

Theo các nhà nghiên cứu, từ ngữ Upâdhyâya bị biến âm sang tiếng Kuche (Cưu Ty, hoặc Quy Tư) là Pwâjjhaw. Từ ngữ này lại bị biến âm lần nữa qua cách đọc của người Khotan (Vu Điền) thành Khosha, rồi lại bị người Hán đọc trại âm một lần nữa thành Hòa Thượng (He Shang). Về sau, chữ Hòa Thượng được dùng như danh xưng tỏ vẻ tôn trọng với Tăng sĩ; nhưng người bình dân Trung Hoa thường gọi những chú tiểu là Tiểu Hòa Thượng.

[77] Tam Đàn Đại Giới: Quy củ truyền thọ giới pháp, chia làm ba giai đoạn: Sơ đàn, Nhị đàn và Tam đàn. Sơ đàn truyền Sa Di, Sa Di Ni giới, Nhị đàn truyền Tỳ Kheo, Tỳ Kheo Ni giới, Tam đàn truyền Bồ Tát giới. Khi Sơ Đàn và Nhị Đàn đã xong, Phật tử tại gia mới được dự Tam Đàn cùng với chúng xuất gia thọ Bồ Tát Giới. Truyền Tam Đàn Đại Giới phải hội đủ Tam Sư (Đức Giới Hòa Thượng, Yết Ma A Xà Lê, Giáo Thọ) và bảy vị tôn chứng A Xà Lê đóng vai trò chứng minh. Thông thường đàn truyền giới được cử hành trong ba ngày liên tiếp

[78] Phương Trượng là cái thất vuông vức mỗi bề vừa đúng một trượng, là chỗ ở của vị trụ trì trong Thiền Tông, nên vị Trụ Trì thường được gọi là Phương Trượng, U Trượng, Chánh Đường, hay Đường Đầu. Chữ “tùng lâm” chỉ chùa miếu nơi Tăng chúng tụ tập cùng ở, thường dùng để chỉ chùa Thiền Tông. Thoạt đầu, tại Ấn Độ, trong những khu rừng cây thanh tịnh ở ngoài thành thị thường lập tinh xá cho Tăng chúng ở; danh từ Tùng Lâm (rừng rậm) phát xuất từ đó. Sách Đại Trí Độ Luận lại giảng là vì Tăng chúng tụ tập như rừng nên gọi là Tùng Lâm. Về sau, chữ “tùng lâm” dùng để gọi chung các chùa miếu lớn, còn tùng lâm của Thiền Tông thường gọi là Thiền Lâm.

[79] Phật Sống (Hoạt Phật): Tiếng Tây Tạng là Hpbrulsku, người Mông Cổ gọi là Khutuktu hay Khutukutu (thường phiên âm là Hồ Đồ Khắc Đồ, nghĩa là tự tại chuyển sanh). Chữ hpbrulsku (thường được viết theo cách phát âm là Tulku) có nghĩa là hóa thân, chuyển sanh, là một cơ cấu truyền thừa riêng của Phật Giáo Tây tạng, nhằm giữ vững ngôi vị lãnh đạo và thích ứng với tình trạng độc thân của người đứng đầu một dòng tu. Theo đó, một vị lạt-ma cao cấp chết đi, sẽ tái sanh trở lại trong nhân gian hầu tiếp tục tu hành, thống lãnh dòng tu và thực hiện bi nguyện cứu độ chúng sanh. Trước khi chết, người ấy thường để lại di ngôn hay sấm ngữ bí hiểm để các môn đệ đi tìm xem người ấy thác sanh vào chỗ nào, rước về nuôi dạy, đào tạo trở thành người lãnh đạo tông phái. Những vị Tăng trưởng quản một phái tu, một dòng tu, thậm chí một tu viện Tây Tạng thường tự xưng là hóa thân của Phật, Bồ Tát hay Tổ Sư nào đó, chẳng hạn Đại Lai Lạt Ma là hóa thân của Quán Thế Âm Bồ Tát, Ban Thiền Lạt Ma là hóa thân của A Di Đà Phật, trưởng dòng tu Sakyapa là hóa thân của Văn Thù Bồ Tát, Tai Situpa là hóa thân của Di Lặc Bồ Tát. Có lẽ vì thế người Hoa gọi họ bằng danh xưng Hoạt Phật.

[80] Vào thời vua Càn Long, trong năm 1807, khi các phe phái tranh chấp nhau về chuyện quyết định đứa bé nào mới là hậu thân thật sự của Đại Lai Lạt Ma đời thứ tám, vua Càn Long đã gửi đến Lhasa một chiếc bình vàng, ra lệnh bỏ hai lá thăm ghi tên từng đứa bé vào, rồi bốc thăm quyết định. Khi có những tranh chấp về hậu thân của một vị Tulku, cũng thường có chuyện bốc

thăm để quyết định như vậy. Đôi khi không giải quyết được mâu thuẫn, mỗi phe sẽ công nhận riêng một vị Hoạt Phật chuyển thế. Như gần đây, sau khi Đại Bảo Pháp Vương (Gyalwa Karmapa) đời thứ 16 là Rangjung Rigpe Dorje chết đi, các tín đồ tranh chấp, không phe nào nhường phe nào, cuối cùng có hai Đại Bảo Pháp Vương đời thứ 17 được công nhận là Ogyen Trinley Dorje (của phe lạt-ma Taisitu) và Trinley Thaye Dorje (của phe lạt-ma Sharmapa).

[81] Tông: Tông ở đây là ý nghĩa chủ yếu của một bộ kinh, hay chủ trương, giáo nghĩa chánh yếu được xiển dương bởi một bộ kinh. Hiểu theo nghĩa rộng, tông là giáo nghĩa căn bản, chủ đạo của một pháp môn. Theo Thiên Thai Tông, Tông chính là nội dung nhất quán của một bộ kinh hay một pháp môn.

[82] Do chữ Nam Mô 南無 nếu đọc theo giọng Quan Thoại thông thường sẽ thành Nán-wú nên ở đây Tổ ghi âm bằng chữ Nạp-mạc 納莫 (âm Quan Thoại là Nà-mó) để chỉ cách đọc mô phỏng âm Namo trong tiếng Phạn.

[83] Khóa trình: Thời gian tu tập nhất định trong một ngày, thường dùng để chỉ một thời tụng kinh, niệm Phật hay tọa thiền.

[84] Đồng nhân: Những người có cùng căn cơ với ta.

[85] Đây là một quan điểm mê tín của người dân Trung Hoa thời xưa. Họ tin rằng khi sanh làm người, ai nấy đều bị thiếu nợ một khoản tiền dưới âm phủ, nếu không đốt tiền giấy van vái trả nợ dần dần sẽ bị tổn phước giảm thọ, gặp nhiều tai nạn, ác mộng, ba hồn bảy phách bị suy bại nên chết yểu. Khoản tiền giấy vàng bạc đốt để trả nợ gọi là Hoàn Thọ Sanh (quan điểm này được đề cao qua ngụ ngôn Thọ Sanh). “Gởi kho” là đốt tiền giấy, vàng bạc để tích trữ sẵn dưới âm ty như một hình thức gởi tiền tiết kiệm để dùng sau khi chết.

[86] Thọ Sanh Kinh là một kinh do Đạo giáo ngụ tạo. Nội dung kinh nói năm Trinh Quán thứ 13 đời Đường, ngài Huyền Trang duyệt Đại Tạng Kinh, thấy nói rõ mỗi người khi được đầu thai làm người đều thiếu một khoản nợ lớn tại âm phủ, vị quan chủ mạng của âm phủ sẽ truy tìm người ấy trong nhân gian để đòi nợ. Người nào không chịu trả khoản nợ ấy bằng cách đốt tiền giấy, vàng mã trả nợ cho âm phủ, đêm ngủ sẽ gặp nhiều ác mộng, ba hồn bảy phách vất vưởng, suy bại, sẽ bị mười tám thứ tai ương như đi đường bị trộm cắp, sanh nở khó khăn, chết bất đắc kỳ tử, bị trúng phong mà chết, bị chết vì dịch tật, tai nạn xe cộ, bị vu cáo, bắt bớ, giam cầm, tàn tật v.v... Nếu người nào siêng năng trả tiền nợ thọ sanh sẽ được đủ mọi sung sướng, không tai dịch, không bị sao xấu chiếu, ba đời giàu sang, không bao giờ bị nghèo khổ, khẩu thiệt v.v...

Kinh Huyết Bồn (tên gọi đầy đủ là Phật Thuyết Đại Tạng Chánh Giáo Huyết Bồn Kinh) nói ngài Mục Kiền Liên đến huyện Truy Dương ở Vũ Châu thấy một địa ngục có hình dáng một cái chậu máu lớn rộng đến tám vạn bốn ngàn do-tuần, đủ mọi khí cụ hành hình. Trong ngục có nhiều nữ nhân tóc tai rũ rượi, bị ngục tốt bắt uống máu mỗi ngày ba lần. Nếu không chịu uống sẽ bị quỷ sứ dùng gậy sắt đánh đập tàn nhẫn. Hỏi đến nguyên cớ, quỷ sứ đáp: “Do người nữ lúc sanh nở hoặc khi có kinh, máu dơ thấm đất, xúc phạm thần đất. Hoặc tắm gội khiến nước sông, nước suối bị nhiễm máu dơ. Người khác không biết dùng nước ấy đem nấu trà cúng thánh hiền, Thiên đại tướng quân bèn ghi tội kẻ ấy. Sau khi chết bèn đọa ngục này. Muốn cứu giúp vong linh của mẹ thì phải tụng kinh này ba năm, lập Huyết Bồn thắng hội, thỉnh Tăng chúng tụng kinh này, hồn mẹ sẽ được giải thoát!”

Kinh Thái Dương (tên gọi đầy đủ là Thái Dương Tinh Quân Bảo Cáo), có nội dung tán tụng thần mặt trời, xin trích một đoạn như: *“Đồng dương chí thánh, viêm minh thượng chân, chủ Nam cực chi dương khuyết, chương nhân thân chi hồn phách, quang huy thanh đại, hành vi vạn tượng chi tôn đức cao minh, chủ thể chiếu chúng sanh chi mạng, chiếu hồi thiên địa thần quang trú dạ tuần hành, khu nữu âm dương, viêm phách oai thí hách liệt, phạm mông quang chiếu, thật lại sanh thành, đại bi, đại nguyện, đại thánh đại từ Nhật Cung Thái Dương Ân Quang Phổ Chiếu Thiên Tôn”* (tạm dịch: Đức Nhật Cung Thái Dương Ân Quang Phổ Chiếu Thiên Tôn đại bi, đại nguyện, đại thánh, đại từ, là bậc chí thánh, dương khí thông suốt, là bậc chân thật tốt bậc về mặt nóng sáng, làm chủ cửa Dương nơi mặt cực Nam, nắm giữ hồn phách của con người, rực rỡ vô cùng, có đức cao vời hơn mọi vật, chủ trì việc chiếu soi sanh mạng của chúng sanh, ngày đêm đi tuần hành chiếu soi trời đất, duy trì âm dương. Ngài có bản chất ấm nóng, oai dũng ban bố sự chói ngời, phạm những gì được chiếu soi đều nhờ Ngài mà sanh thành). Tiếp đó là bài kệ thần Thái Dương tự khoe công đức: *“Trên trời không ta không ngày đêm, dưới đất không ta chẳng tăng trưởng, thần nào cũng có người tôn kính, chẳng ai kính ta thần Thái Dương! Mười chín tháng Giêng Thái Dương sanh. Nhà nhà niệm Phật thắp đèn hồng, ai truyền được kinh Thái Dương này, cả nhà già trẻ không bị sao hạn. Ai không truyền tụng kinh Thái Dương, địa ngục cửa mở ngay trước mắt....”*

Kinh Thái Âm có tên gọi đầy đủ là Thái Âm Tinh Quân Thánh Kinh, câu cú lung củng, lộn xộn, có toàn văn như sau: *“Thái Âm Bồ Tát đi về phương Đông, mười tầng địa ngục chín tầng mở, mười vạn tám ngàn chư Bồ Tát, chư Phật, Bồ Tát xếp hàng hai bên, chư tôn Phật kính trọng, đất không mây, hoa sen vọt khỏi mặt nước nở đầy đất, đầu đội tháp châu báu bảy tầng, Sa Bà thế*

giới nhân quang minh, một Phật báo trọn ân thiên địa, hai Phật báo đáp ân phụ mẫu, cha mẹ còn sống tăng phước thọ, cha mẹ đã mất sớm siêu thăng. Nam-ma Phật, nam-ma Pháp, nam-ma A Di Đà Phật, thiên la thân, địa la thân, người lìa nạn, nạn lìa thân, hết thấy tai ương hóa thành bụi. Có ai niệm được bảy biến kinh Thái Âm, sống chết chẳng đến cửa địa ngục”.

Kinh Nhân Quang rất ngắn, chỉ gồm mấy câu như sau: *“Phật nói kinh Nhân Quang, mắt sáng là đèn tâm, hai bên tháp xá-lợi, hăng sa hậu thế Đại Tạng kinh. Ngàn mắt ngàn tay tỏ rõ trong đời. Đại Trí Bồ Tát phóng hào quang, Văn Thù Bồ Tát cười sư tử, Phổ Hiền cười voi chúa. La Hán đầy khắp hư không đại địa, sương mù che phủ mắt bị quét sạch ngay!”*

Nội dung kinh Táo Vương (dân gian thường gọi là kinh Ông Táo) như sau: Kinh này do chính đức Phật nói ra ở Ấn Độ, được các vị Tam Tạng pháp sư truyền qua Trung Hoa, ông Táo có danh xưng là Đông Trù Tư Mệnh, theo dõi hành vi của mọi người trong gia đình, ngày Ba Mươi mỗi tháng tâu lên thiên đình, tùy theo hành vi thiện ác, trời sẽ giáng phước hay ban họa. Sinh nhật của ông Táo là ngày mùng Ba tháng Tám, gia chủ phải thắp hương, đốt đèn cúng tế mới được phước thọ, tụng niệm kinh này thì học trò sẽ đỗ đạt, người buôn bán hưng vượng v.v... Cầu đảo ông Táo chí thành sẽ thọ đến chín mươi tuổi. Kinh cũng khuyên phải giữ bếp cho sạch sẽ, không được khua khoảng nồi xoong trong bếp, không được cời trần trước bếp, không được khạc nhổ, không được mắng chửi trong bếp, không đem dép dính phân súc vật vào bếp, không đem vỏ tỏi, lông xương gà vịt vào bếp v.v...

Thai Cốt Kinh là kinh nói về sự hình thành con người trong thai mẹ, bắt chước thô thiển vụng về kinh Báo Ân nhà Phật. Xin trích một đoạn: *“Tháng thứ tư, thai tăng trưởng, tứ chi đã định, sanh chân trước, sau sanh tay, thu hạ xuân đông, sanh hai tay, khi sanh hai tay, rút rìa huyết mạch của mẹ. Khi sanh hai chân, thấu đến huyết Huyền Quan, mạch máu nhảy mạnh, [người mẹ] đi trên đất bằng như trèo núi cao, đầu gối đau nhức”...*

Kinh Diệu Sa rất ngắn, kinh văn lộn xộn, câu cú không hoàn chỉnh, nội dung như sau: *“Diệu Sa Quán Thế Âm ngồi thuyền qua biển cả, thuyền chở ngập sâu năm trăm (không rõ năm trăm cái gì? Năm trăm tác chăng?), biển cả dậy sóng gió, thỉnh được kinh Diệu Sa. Phật, Phật, Phật, ba mươi sáu vạn ức Phật, hai mươi chín ngàn vô số Phật, năm trăm tạng hằng hà sa số Phật, tám vạn thông minh trí huệ Phật, niệm đức Đương Lai Di Lặc Phật, hết thấy các Phật trong Tinh Tú thiên cung, Phật nhiều như những hạt bụi nhỏ nhất trên mặt đất, Phật nhiều như những hạt mưa li ti trong bảy ngày bảy đêm, Phật nhiều như số cát động hai bên bờ sông, Phật nhiều như số lá trong vườn thiên hạ, cành cành lá lá quang minh Phật, đức Phật Thế Tôn trong pháp hội Linh*

Son, ông bà cha mẹ bảy đời Phật, hết thấy Phật trong ba đời, có ai trì niệm kinh Diệu Sa, hiềm rằng trên cầu thấy phân minh! Bốn quyển Diệu Sa là một tạng, thiên hạ quỷ thần chẳng dám xâm phạm, Di Đà đồng tử cầm chuông vàng, lắc liên mấy tiếng địa ngục trống rỗng, Diêm La thiên tử được thành Phật, hết thấy chúng sanh là địa ngục”. Chúng tôi không tìm được tài liệu về bản kinh Phân Châu.

[87] Phá địa ngục, phá huyết hồ là những lễ lạc do tà sư Trung Hoa bày ra. Tăng chúng làm những mô hình địa ngục, hồ máu bằng giấy, tăng chúng đọc kinh, vẽ bùa, đốt bùa, chạy quanh đàn tràng, hô hoán điều động quỷ thần, dùng tích trượng đục thùng địa ngục, hồ máu, cho rằng làm như thế sẽ cứu được vong linh ra khỏi địa ngục.

[88] Sức Chung Tân Lương là một tác phẩm do ông Lý Viên Tịnh soạn với nội dung hướng dẫn cách thức chuẩn bị cho thời khắc lâm chung và phương pháp trợ niệm nhằm đảm bảo người tu Tịnh nghiệp lúc lâm chung không bị phá hoại chánh niệm. Sách này chia làm bốn phần:

1. Sức Chung Chương Trình: người tu Tịnh Độ phải dặn dò gia đình, bạn bè cách xử trí như thế nào khi người ấy để lâm chung, cách thức trợ niệm, an táng sao cho người chết giữ được chánh niệm.

2. Sức Chung Ngôn Luận: Tập hợp những lời dạy về chuẩn bị lâm chung của các cổ đức.

3. Dự Tri Lợi Hại: những phân tích về lẽ lợi hại khi lâm chung như không nên khóc lóc, sát sanh, bày vẽ phô trương như buộc người chết ngồi xếp bằng, thay áo, tắm rửa trong khi người sắp chết còn đang thở hắt ra.

4. Sức Chung Thật Hiệu: Những bằng chứng vãng sanh do dự bị chu đáo cho phút lâm chung.

[89] Chân Đế: Tình thương yêu, hòa thuận đối với anh em.

[90] Thị trấn Nam Tầm thuộc thành phố Hồ Châu, tỉnh Chiết Giang.

[91] Dị loại: Khác chủng loại. Do loài vật không thuộc loài người nên thường được gọi là Dị Loại.

[92] Nguyên văn: “*Điêu, thú, ngư, miết hàm nhược*”. Trong bài tựa cho cuốn Vệ Sinh Tập, Tổ đã giải thích: “*Nhược là thuận. Hàm Nhược có nghĩa là đều được thuận theo thiên tánh, chẳng vướng mắc nỗi khổ bị sát hại*”. Ở đây, chúng tôi chỉ dịch tóm gọn là “*chim, thú, cá, ba ba đều được sống yên vui*”.

[93] Tử Sản (không rõ năm sinh – mất năm 522 trước Công nguyên), tên thật là Công Tôn Kiêu, tự Tử Sản, hiệu là Tử Khương, sống vào thời Xuân Thu, người nước Trịnh. Ông chính là dòng dõi của Trịnh Mục Công, nổi tiếng thông minh từ nhỏ, rất giỏi về cai trị, làm chức Khanh đời

Trịnh Giản Công, chấp chính suốt hai mươi ba năm, rất nhân từ. Ông tiến hành nhiều cải cách quan trọng, chinh đồn quyền tư hữu ruộng đất của quý tộc để nông dân có ruộng làm, định lại sắc thuế cho hợp lý hơn. Ông là người đầu tiên cho biên soạn hình luật và cho khắc tôn luật lên một cái đỉnh to đặt trong cung vua để mọi người đều được biết luật. Ông chủ trương thuyết Nhân Bản, và cũng được coi là một trong những Nho Gia điển hình trước thời Khổng Tử. Không rõ chuyện nuôi cá của ông ta được trích từ điển tích nào.

[94] Đời Xuân Thu, Tùy Hầu (vua nước Tùy) đi ra ngoài chơi thấy một con rắn bị người ta đánh gần chết, vớt trên vệ đường, động lòng thương xót, liền sai tùy tùng đem thuốc cứu rắn, rồi đem thả đi. Ít lâu sau, rắn từ sông ngoi lên, nhả tặng vua một viên minh châu để báo ân cứu mạng. Do vậy, viên ngọc ấy thường được gọi là Tùy Hầu Châu, hoặc Linh Xà Châu. Sách Suru Thần Ký mô tả viên ngọc ấy như sau: *“Kích thước tròn trặn chừng một tấc, trắng muốt, ban đêm tỏa ánh sáng, có thể soi sáng cả gian phòng”*.

[95] Có lần Dương Bảo vào Hoa Sơn thấy con chim sẻ bị thương rơi xuống đất, máu me bê bết, cảm thương ông liền đem về băng bó, chăm sóc, khi chim lành bèn thả đi. Chim tha đến bốn cái chén ngọc, lại nói: *“Mong con cháu ông sẽ trắng trong, tinh thuần như bạch ngọc”*. Đêm ấy, ông mộng thấy một vị trời mặc áo vàng đến bảo: *“Tôi là con chim sẻ vàng được ông cứu mạng. Tôi vốn là sứ giả của Tây Vương Mẫu, bị thương giữa đường. May được ông cứu giúp, nay được trở về Nam Hải nên đến đáp tạ”*. Về sau, con cháu ông đều nổi tiếng đức hạnh, hiển đạt.

[96] Nhan Chân Khanh (707-784), tự Thanh Thần, thường được gọi là Lỗ Công (vì ông được phong chức Lỗ Quận Khai Quốc Công), là một thư pháp gia nổi tiếng thời Đường. Tuy cũng là thi nhân, thơ ông không nổi tiếng như các nhà thơ khác thời Thịnh Đường. Tài thư pháp của ông được người đương thời bình luận: *“Phóng khoáng nhưng không buông tuồng, dễ dãi nhưng không vụng về, đặt bút viết xuống là được ngay”*. Lối viết Khải Thư của ông được coi là mẫu mực cho mọi hành giả viết chữ Khải Thư về sau. Ông còn được coi là truyền nhân của Trương Húc về lối chữ Thảo.

[97] Quan quả cô độc: Quan là góa vợ, quả là góa chồng, cô là mất cha mẹ, độc là không con cái.

[98] Vợ chồng sống hạnh phúc đến già với nhau.